

Le Clezio

NOBEL VĂN CHƯƠNG 2008

Những neo
đường đời
và những bản
tình ca khác




nhà văn

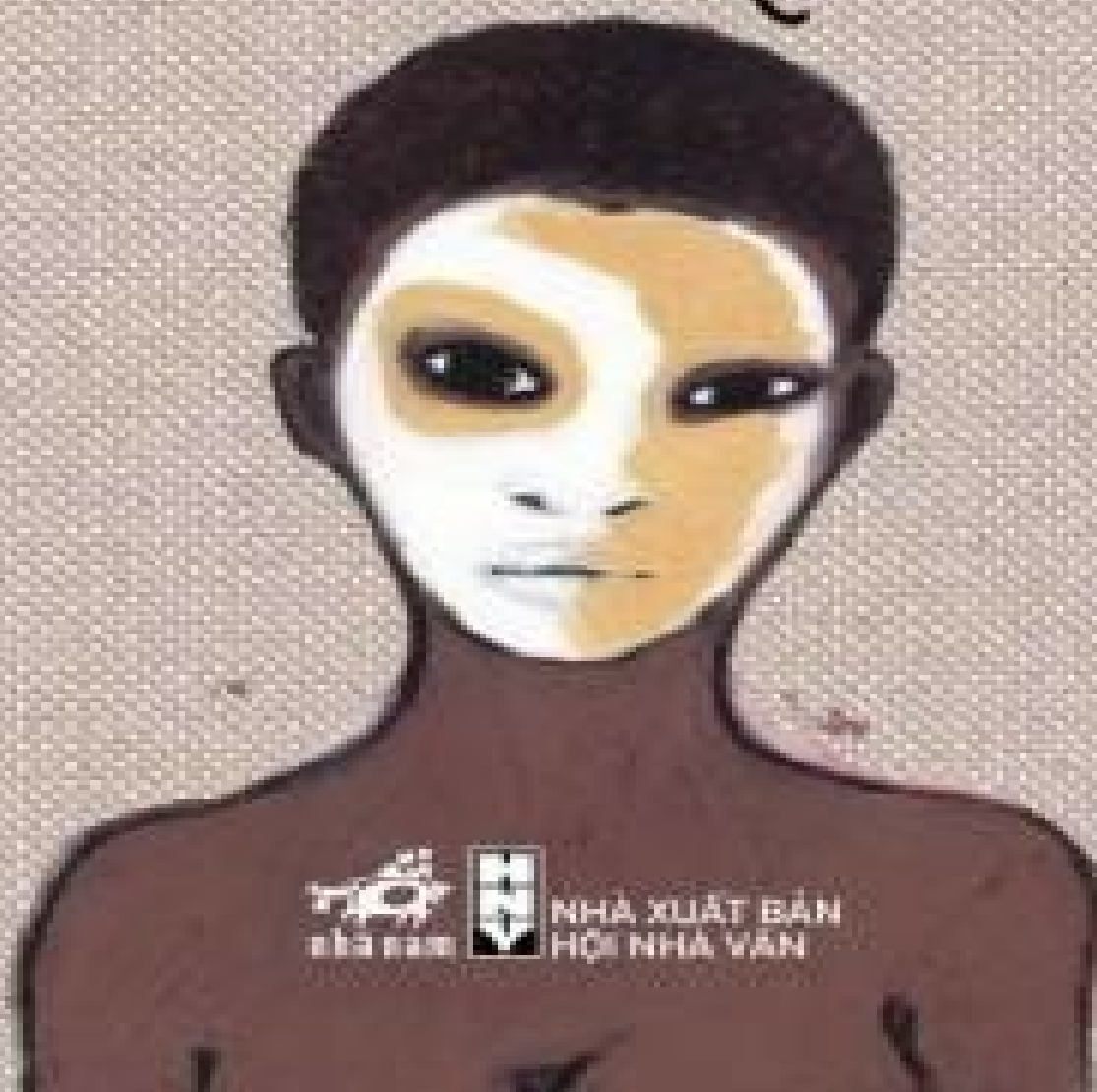


NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Le Clezio

NOBEL VĂN CHƯƠNG 2008

Những neo
đường đời
và những bản
tình ca khác



ĐÀ NẴNG
NHÀ ĐÀNG



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Những Nẻo Đường Đời Và Những Bản Tình Ca Khác

Le Clezio

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Những nẻo đường đời](#)

[Mộng phiêu du](#)

[Khách sạn cô liêu](#)

[Ba nàng phiêu lưu](#)

[Kalima](#)

[Gió Phương Nam](#)

[Kho báu](#)

Chủ nhân giải thưởng Nobel Văn chương năm 2008 có một năng lực kỳ lạ trong việc tạo ra màn sương mỏng dịu dàng trên số phận nhiều khi khốc liệt mà các nhân vật của ông phải trải nghiệm. Le Clézio, biệt tài về thấu hiểu đời những con người bên lề hoặc ở trên đường biên của các thế giới, quả đúng là người thuộc về “những khởi hành mới” như Viện Hàn lâm Thụy Điển từng vinh danh ông. Ở những nẻo đường đời mỏng manh này, đó là những khởi hành mới của niềm hi vọng vào con người.

Jean-Marie Gustave Le Clézio sinh ngày 13 tháng Tư năm 1940 tại Nice; ông xuất thân trong một gia đình gốc Bretagne đã di cư đến đảo Maurice từ thế kỷ XVIII.

Được mệnh danh là “nhà văn du mục”, J. M. G. Le Clézio chưa bao giờ ngừng viết từ tuổi lên bảy lên tám, nhưng không tác phẩm nào trong số đó được công nhận trước ***Le process-verbal*** (tạm dịch: Biên bản), cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông xuất bản vào tháng Chín năm 1963 và đoạt giải Renaudot. Đến nay, ông đã cho ra mắt khoảng ba mươi tác phẩm. Năm 1980, ông vinh dự nhận **Giải thưởng lớn Paul-Morand** do Viện Hàn lâm Pháp trao tặng cho tiểu thuyết ***Sa mạc***.

Jean-Marie Gustave Le Clézio cũng là cái tên được vinh danh tại giải ***Nobel Văn chương 2008***.

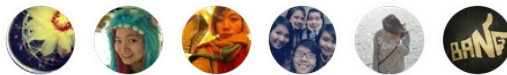
Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp:
COEUR BRÛLE ET AUTRES ROMANCES
của **J.M.G Le Clézio**

© Editions Gallimard, 2000

Xuất bản theo hợp đồng nhượng quyền giữa NXB Gallimard và Nhã Nam, 2009

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2010.

Ebook được thực hiện bởi các thành viên Romance Book Project



Chim Cụt | Tuyen Conese Nguyen | Rin Cheng | Kiều Xảo Xảo | Vũ Vũ | Minh Thư

Chế bản được làm với mục đích phi lợi nhuận. Hãy mua sách trong điều kiện có thể.

fb.com/romanbook

NHỮNG NẾO ĐƯỜNG ĐỜI

Ler lamontagn brilé dimoun koné

Lerla ker brilé koné?

Cái mà chị muốn thấy là Pervenche, duy một mình Pervenche, đúng như nó hiện ra trên tấm hình chụp mùa hè năm tám hai, suýt soát ba tuổi, một mảnh con gái nhỏ nhoi vận quần đùi trắng và áo phông in hình chú vịt Tweety màu hoàng yến, đứng trước căn nhà nằm trên phố Tulipanes và khu vườn um tùm cỏ dại, cùng đủ mặt đám trẻ, Josefina, đứa lớn nhất, có biệt danh là Pina, Rosalba la Güera xanh xao, vẻ quặt quẹo, Clementina, nhóc Maïra, Beto thẳng chần cừ, và Carlos, còn được gọi là Carlos Quinto, đứng hơi nhích về đằng trước so với những đứa khác, áo sơ mi phanh bụng, tóc dài như con gái bắt nguồn từ lời nguyên mà mẹ nó đã dùng để khẩn cầu cho nó khỏi một chứng sỏi độc. Chắc chắn còn có cả Chavela, con nhỏ mồ côi, nhưng nó không muốn có mặt trong ảnh, quanh năm lơ lồi thôi lệch thếch, mặt sạm đen vì khói, mái tóc xoắn lỏng chỏng vương những cọng rạ. Và trong căn nhà nhỏ trát xi măng cạnh đó, có mẹ của Pina, một phụ nữ xinh xẻo, hơi uể oải, tối ngày đánh móng chân móng tay, và bên là ông nó, một cụ già mang dáng dấp giáo chủ đang gõ thìa lên thành một cái nồi cũ gọi ông về.

Clémence thầm mong thời khắc đó kéo dài thêm mãi. Trong ảnh, Pervenche nép sát người chị, đôi tay tí hon bụ bẫm quờ ra sau lần tìm tay chị gái, miệng bên lên một nụ cười, gần như là một nét mếu máo trên khuôn mặt căng tròn. Nó nói chưa sôi, bập bẹ “nóc” khi khát nước, “nọt” khi vòi kẹo. Clémence chưa bao giờ rời xa tấm ảnh, kể cả hàng bao năm sau, khi là sinh viên ở Bordeaux chị dùng băng dính dán nó lên tường phòng mình ở Trường Thẩm phán Quốc gia. Đây là hình ảnh chân thực của Pervenche, chân thực hơn cả thực tại sau đó. Tấm ảnh bọt bọt đi, sun lại vì nắng nóng, chuyển từ tủ lạnh ra bề lò sưởi, đến tận văn phòng chị trong Trụ sở Tòa án, ở đó nó xiên xẹo dựa vào một chiếc cặp đựng tài liệu và được chèn bằng cái ống đựng bút chì. Nhưng *không đời nào*, nhất định không đời nào, Clémence lồng nó vào khung. Trên tấm hình, cái áo phông bạc phếch, bức tường trắng trông như bị lột da, còn cỏ dại thì úa tàn. Nhưng Carlos Quinto vẫn sậm một màu nâu, cùng mái tóc chấm vai y hệt một Jivaro⁽¹⁾ chính hiệu. Mỗi lần ngắm tấm ảnh, Clémence lại như cảm nhận được hơi nóng từ đường phố hả lên, ánh mặt trời đúng ngọ thiêu đốt mặt đất bụi bặm. Xa hơn một chút, đi quá chuồng của chú chó Scoopy-doo, ở góc ảnh, có một vòi nước sạch, và một hàng dài các bà chờ chực hứng đầy nồi hay xô thùng làm bằng những cái hộp đựng mỡ có gắn một mẩu gỗ làm quai. Clémence dắt Pervenche theo khi đi xách nước. Pervenche sợ những con ong vò vẽ vẫn lảng vảng quanh vòi. Đó là chỗ mà chiều nào cũng đúng giờ ấy bọn trẻ lại tụ tập khi tan trường. Roslaba và Pina, nhưng còn có cả Peto, và Chavela là đứa không đi học. Nước chảy ri rỉ mà sạch và trong. Hồi đầu, Hélène nấu ăn bằng nước giếng, nhưng cả mấy mẹ con bị đau lưng, Édouard bảo nước bị nhiễm độc vì thuốc trừ sâu mà nông dân rải khắp đồng. Nước ở vòi lạnh ngắt, nó chảy đến từ nguồn dưới chân một ngọn núi lửa nằm ở đầu kia làng. Thỉnh thoảng nó lại bị tắc. Mọi người bảo nguồn bị kiệt là vì dân nhà giàu ở các khu phố mới, phía đầu kia con kênh, xây bể bơi trong vườn. Mấy khu phố của họ tên Resurrección, Paraíso, Ensueño⁽²⁾, những cái tên như thế thì làm sao giữ được lời hứa của mình. Gần như chỗ nào trên làng thượng cũng thiếu nước, còn ở khu San Pablo thì trước vòi có cả một dãy dài cả cây số những người phụ nữ đứng chờ hàng tiếng đồng hồ để hứng đầy xô.

Với bọn trẻ, chuyện ấy không hẳn là một cực hình. Lúc nào cũng có những trò nghịch ngợm, những tiếng cười đùa, la ó. Chúng té nước vào nhau, thùng xô đổ lỏng chỏng. Beto đến trên chiếc xe đạp địa hình yên long sòng sọc, khi quay về nó chở những cái hộp đựng đầy nước đặt thẳng bằng trên ghi đông, trên khung xe. Trước khi đến vòi để hứng nước vào nồi, Clémence dẫn Pervenche đi xem con khỉ nhện bị xích trong vườn một ngôi nhà cổ đầu phố. Không thấy bóng ai trong nhà bao giờ, chỉ có mình con khỉ đen to xác, lông dựng đứng, hần học, tiểu tụy, lần nào cũng giả đồ tấn công, ranh năng vàng nhe ra trong một cái nhún nhó gớm ghiếc. Pervenche nép sát vào Clémence, giấu mặt rồi thu hết can đảm dợm mắt nhìn, và sau đó cả hai chị em cùng bỏ chạy, cười như nắc nẻ. Tất cả đã vời xa, dù sống động biết mấy. Clémence chưa bao giờ quên được thời ấy, lúc nào chị cũng đắm mình trong nó như một giấc mơ bất tận.

Giờ đây, về đêm, Clémence không tài nào chợp mắt. Chị chẳng có lấy một đêm bình yên kể từ ngày Pervenche bỏ đi. Sáng sáng, cứ quăng ba, bốn giờ, chị lại bị đánh thức vì một tiếng chuông, gãy gọn mà khẩn nài, chị bật dậy trên giường, nhều nhại mồ hôi, tim đập liên hồi. Paul vẫn ngủ ngon trong góc của mình, khe khẽ ngáy.

Vậy là Clémence đoạn tuyệt với mọi thứ. Một cách ngang ngạnh, như một người đang tiến hành một mật vụ, chị xua đuổi các mối quan hệ với đồng môn, các buổi tối tụ họp với bạn bè. Paul ngơ ngác khi chị quyết định ngủ lại trong phòng làm việc, trên ghế sofa. Chị lảng lảng làm thế, không lời oán thán, khuôn mặt hếch lên bất cần, vẻ ơ hờ, để khỏi phải làm tình, để chối bỏ sự triu mến khiến người ta lãng quên và xoa dịu những vết bỏng.

Mùa hè năm Pervenche bỏ đi thật oi ả. Nhựa đường tan chảy trên phố, cây cảnh khô cong trong chậu. Bầu trời lè tè lẫn với mặt biển xám, nước quánh lại, nặng màu chì, lợn gợn, khi đêm xuống mọi thứ nhuộm một màu hồng ngọc, ngọt ngào và độc địa. Clémence nhớ những ngày ấy, như thể chính cái nóng nực cùng màu trời sắc biển đã đóng vai trò cốt tử trong cuộc trốn chạy của Pervenche, đẩy nó rơi vào thảm họa, vào sự hủy hoại. Bầu không khí và mặt nước tù túng, ngọt ngọt ả đã nhập vào Pervenche, đã lôi tuột nó xuống vực thẳm.

Mọi chuyện xảy đến vào cái mùa hè bóng râm ấy, khi Hélène cùng Jean-Luc, người bạn trai mới, chuyển đến một căn hộ đầy đủ đồ đạc nằm trên phố Antibes ở Cannes, Rồi gã lưu manh kia, tên du đãng được gọi là Tóc đỏ⁽³⁾ vì màu tóc, tên thật của hắn là Laurent, và gã đàn ông nọ, Stern, tự xưng là nhiếp ảnh gia, chuyên cưa cẩm những đứa con gái gốc nghèo, đã cho Pervenche vào bẫy. Đó là điều Clémence hằng muốn tin, nhưng trong thâm tâm, chị hiểu tường tận rằng, nỗi đau lòng bùng hơn thế, có cội rễ sâu xa hơn thế.

Khi màn đêm buông xuống, ngày xưa. Khi đêm buông xuống, có một cơn sốt bùng bùng, một nỗi thấp thỏm. Giống như một ngày lễ đang sắp lại gần. Nhất là những ngày đẹp trời vào tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một. Tiết trời dịu mát, hoa bìm bìm lác đác nở trên bờ giậu, những con sâu béo ngậy bám trên các cọng cỏ. Cóc nhái ộp oạp trong kênh mương. Bọn trẻ đốt lửa trên phố Tulipanes bằng những mẩu ván thùng, những cành củi khô. Bao diêm chuyền tay. Cả những đứa nhỏ như Maïra cũng ném vào lửa nào củi mục, nào cỏ khô, nào giấy. Tàn lửa quay tròn, xoáy lên cao. Carlos Quinto bật lên những tiếng kêu, nó chạy men theo bờ tường gạch, tóc xoắn tung, một ánh đỏ lấp lánh trên mặt. Trông nó y hệt một đứa trẻ hoang dã.

Sau đó con nít bắt đầu chơi. Clémence không quên. Phố xá thuộc về chúng. Đám con gái nắm tay nhau, đều nhịp tiến lên, dàn hàng ngang choán hết cả vỉa hè. Chúng hát: *¡Amo, ato, matarilerilero!*

Ở đầu kia con phố, một nhóm túm tụm lại, lũ con trai, thêm cả mấy đứa con gái, Beto, Eribeto, ei Gordo, Pastora. Chavela không muốn nhập hội với đám con gái. Nó đứng thụt lại một chút, phía tụi con trai, chiu về phía trước, tay dang rộng, vênh váo hết một con khỉ nhện. Bọn chúng hát vang lên: *¡Amo, ato, matarilerilero!* Đám con gái tiến lên: *¿Que quiere Usted?* *¡Matarilerilero!* Tụi con trai chế giễu: *¡Queremos dulce, matarilerilero!* Đám con gái bước tiếp, thét vang: *¿Y que mas pide?* *¡Matarilerilero!* Tụi con trai: *¡Nos dan un beso!* *¡Matarilerilero!* Đám con gái dừng chân: *¡Ni un hueso!* *¡Matarilerilero!*⁽⁴⁾ Rồi đằng sau quay, và mỗi nhóm lại ngược về đầu phố của mình, đoạn một nhóm mới hình thành và lại bắt đầu.

Người lớn ngồi trước hiên nhà ngó trông, và tiếng hò lại dậy lên trên con phố sậm bóng, từ những giọng nói trong veo căng hết lên của bọn trẻ, hết một lời hiệu triệu: *¡Amo, ato, matarilerilero!*

Cứ thế, tối tối, cho đến mười một giờ, đôi khi tận nửa đêm. Bọn con gái chỉ ngóng có chùng ấy, màn đêm, những trò nghịch chơi ngoài phố, những ngọn lửa thoát bùng lên, những tiếng hét, những tràng cười. Buổi còn lại trong ngày, đường phố thuộc về luồng xe tải đảo ngược đảo xuôi hướng về phía hợp tác xã bao bì *Anáhuac*. Buổi chiều, khi mặt trời hun đốt mặt đất, những kẻ say sưa nhậu nhẹt trước cửa hiệu bán bia, rồi ngủ vạ vật dưới bóng dương hòe và phượng vĩ. Ôn ào có, mây bụi cũng có. Trong tiếng vút roi của thổ dân Anh-điêng Capacuaro, những đoàn xe do những con lừa miệng trầy ra vì dây cương kéo xuống núi, tha gổ về nhà máy xẻ. Theo sau là những người đàn bà Anh-điêng già nua, khăn san trùm kín người, mang theo những bơ, xoài, lê còi rần đanh như gổ. Dưới sức nóng ban chiều, đến lũ chó cũng đổi khác. Chúng vàng ệch, ốm đói và hung tợn. Chúng từ khu Nhảy dù, nằm dọc con kênh, chạy tới đây. Scoopy-doo xông chuồng bám theo chúng, nhưng chốc chốc chúng lại liên minh chống lại nó và nhe những chiếc răng nanh sùi bọt đuổi nó đi.

Clémence nhớ lại con phố Tulipanes, bỗng dung chị rời rất xa văn phòng thẩm phán, chị thoát khỏi thân xác mình và lại thấy mình ở đó, trên một hành tinh khác, giống như một khu vườn má đáng lý ra cả chị lẫn Pervenche không nên rời bỏ.

Đêm xuống, phố Tulipanes là lãnh địa của lũ trẻ. Xe con, xe tải không qua lại đó nữa. Người lớn cũng rút đi, họ đứng trước hiên nhà, gần như không nói, để hồi tưởng, có lẽ. Lũ trẻ quàng quàng nuốt bánh mì ngọt, tu cạn sữa để vọt ra phố chóng bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Clémence nhập cuộc rất nhanh. Lúc đầu, cô bé để Pervenche ở nhà với Hélène, và Esdouard Perrine đang hút xì gà. Pervanche sợ lửa, tiếng la hét của bọn trẻ làm nó rúc vào giữa hai chân mẹ.

Rồi một tối nọ, Clémence không nhớ bằng cách nào Pervenche đã đặt bàn tay bé xíu vào tay chị và cả hai bước đi trên phố, cùng lũ con gái hát vang trời. Beto thẳng chân cừ phải lòng Clémence, nó tháp tùng cô bé đến tận chỗ đèn đỏ. Beto làm đèn trời đến cù. Nó phơi khô giấy nhá bằng cách dán lên dĩa nôi, rồi buộc vào đèn trời một cái giỏ chế bằng đồ hộp, đựng đầy dăm bào hoặc sợi vải tẩm dầu ma-dút. Nó châm lửa và chiếc đèn bay lên bầu trời đen thẫm, sáng lập lờ nhờ ánh lửa từ giỏ phát ra, hết một cái đầu cụt. Nhưng nó chỉ thả đèn vào một vài

buổi tối, như để liên hoan. Làm rõ kỳ công, mà không phải chiếc nào cũng bay. Chưa kể đèn còn bị cấm. Một tối nọ, một chiếc rơi trúng một ngôi nhà trong khu San Pablo, và mái nhà suýt nữa đã bén lửa. Nhưng đẹp làm sao, vàng tinh tú nhợt nhạt bay lên trong màn đêm ấy. Clémence vẫn thấy tim mình đập chộn rộn, vẫn cảm thấy bàn tay em gái siết chặt tay mình trong khi trông lên chiếc đèn lơ lửng sáng trên phố Tulipanes.

Provence hè năm ấy nóng gay gắt, một cái nóng như đổ lửa, bức bối. Khi Pervenche bỏ đi là vào khoảng tháng Bảy. Nó thậm chí còn không đi thi tú tài, để làm gì chứ? Bỏ bê bài vở, nó thừa biết mình không thể thi đỗ. Cả năm trời, cùng Laurent Tóc đỏ nó lân la từ hàng quán này, hộp đêm nọ đến hội hè đình đám kia, hoặc đơn giản chỉ là lê la ngoài phố. Nó nốc bia, nó rít thuốc. Buổi chiều, nó hẹn gặp Laurent trước một nhà xe bỏ hoang nằm dưới chân đồi. Laurent nâng cánh cửa nhôm lên và hai đứa trườn vào trong. Mùi dầu mỡ văng vất, cùng một mùi khác gắt hơn, giống như rơm rạ hay cỏ dại ăm mốc. Chúng làm tình trên mặt đất, lót dưới một cái chăn.

Ngoài phố, có một nhóm chơi ném bi sắt. Khi Pervenche đi ngang qua, bọn họ liếc nhìn nó ma mĩnh, hình như họ cợt nhả nhưng nó phớt lờ. Laurent chực gây hấn với bọn nó, hằn nắm tay lại, gầm lên: “Anh sẽ lấy viên bi đập vỡ mồm chúng ra!” Chú gà trống choai sừng cồ giương cựa hằn càng làm họ buồn cười.

Pervenche làm tình mà không cởi bỏ áo quần, có tấm chăn nhưng lưng nó vẫn bị vôi vữa cà xước. Nó ưa cảm nhận mạch đập của Laurent rần rật trong cổ họng mình, mồ hôi hắc dụ dằng rỏ xuống vai nó, nó trộn lẫn với nước bọt trong miệng mà uống. Nó để cái bóng rầy của bộ phận sinh dục nhen dần lên trong người mình. Những thời khắc huy hoàng. Nó có thể quên đi những giờ phút buồn thảm ở trường, những trận cãi vã liên miên với mẹ, cái nhìn hằn học của Jean-Luc, vẻ khinh thường căm lạng của Clémence. Một hôm chị nó bảo nó: “Đời mày sẽ chẳng làm nên trò trống gì, điều duy nhất mày có khả năng làm, là thay người yêu như thay áo.” Pervenche đã nghĩ: “Người ta có thực sự làm nổi trò trống gì ở đời không cơ chứ?”

Khi nó quen biết Stern vào tháng Bảy, Laurent không can dự. Chính Pervenche tự hỏi đáp một mẫu rao vặt trên báo, hoặc cũng có thể nó hay tin qua một đứa bạn. Stern vẫn ngó nghiêng tìm một người mẫu mới cho ảnh thời trang hoặc quảng cáo. Gã làm gì chẳng rõ. Gã thuê một văn phòng khá rộng ở trung tâm thành phố, trên lầu một quán cà phê lớn. Những người thuê trước gã là nghệ sĩ, nghe phong thanh cả đến Nicolas de Staël cũng từng làm việc ở đó. Cả căn phòng sơn màu trắng thạch, được chiếu sáng nhờ những khuôn cửa kính lớn lặn sơn mờ đục và khuếch tán một thứ ánh sáng kỳ quái, lạnh lẽo và sâu thẳm dù đang giữa mùa hè.

Pervenche bảo Laurent cùng đi với mình đến cuộc hẹn đầu tiên. Vừa tròn mười sáu tuổi, nó nghĩ đến cùng bạn trai sẽ khiến nó có vẻ già dặn hơn. Laurent ngồi lại trên ghế bành trong khi Stern nói chuyện với nó, ghi ghi chép chép vào một cuốn sổ. Stern là một gã lớn xác hơi ẻo, trạc ba mươi tuổi, tóc vàng, mắt xanh hơi lồi lên sau cặp kính cận. Với Pervenche, gã là một người đứng tuổi, khác hẳn với nó, với những kẻ nó vẫn thường tránh né vì thấy ngoài phố bọn họ chuyên nhìn nó với vẻ dâm dăng. Stern ăn nói buông tuồng, còn nó thì không dám trả lời gã bằng cách nào khác ngoài một thừa hai gửi và gọi gã bằng “ông”. Ngồi lần giở những cuốn tạp chí thời trang ở đầu kia căn xưởng, Laurent bắt đầu thấy nhàm. Hắt rít thuốc mà không thèm nhìn về phía Pervenche.

Sau đó Stern dắt Pervenche vào phòng tắm, thực chất là một góc xưởng được ngăn ra bằng một bức vách bên trong có một cái gương và một bồn cầu hóa học. Gã đưa cho nó mấy bộ áo

tắm để chụp ảnh. Pervenche cao lớn và đầy đặn, ngực đã đồ sộ hông đã nở nang, bởi vậy trông nó già trước tuổi và Stern không nhúu mày khi nó chắc nịch mình đã mười tám tuổi. Các bộ áo tắm đều chật cứng bó chặt lấy nó, nhưng nó vẫn mặc bộ một mảnh in hình da báo, và khi nó từ nhà tắm bước ra khuôn mặt Stern khẽ bừng lên. Hắn nói: “Được, được đấy, cô em quay người chút xem nào.” Hắn lùi lại còn nó thì xoay tròn. Nó xỏ lại xăng đan, chừa ghét đi chân đất ở một nơi lạ hoắc. Nó tự thấy mình lộ bịch trong bộ áo tắm chật ních thít chặt lấy đùi và đẩy ngực nó trời lên, và cái bụng hơi lùm lùm, ít ra đấy là cảm giác mà nó có, rằng khi thấy bụng nó Stern sẽ đoán nó đang mang bầu. Bộ áo tắm để hở đôi vai có những vết hằn đỏ vì quai áo ngực. Pervenche vốn có một làn da dễ để lại vết. Khi nó còn nhỏ, Clémence vẫn thích thú ấn tay vào đùi nó và ngắm nghía vệt các ngón tay phác hình một bông hoa màu hồng lên da. Trong khi chờ, Stern phấn khích cực độ, gã vừa đi vòng quanh Pervenche vừa bấm máy, người hơi cúi về đằng trước, một lọn tóc nhón vương xuống ngang mặt khiến gã bực bội vén ra đằng sau, và tiếng bấm máy tạo thành một thứ âm thanh hai nhịp kỳ quái và hung hãn, đầu tiên là một cơn rung rồi một tiếng cắt gọt, xoẹt! xoẹt! Laurent ngẩng lên khi nghe tiếng động nhưng rồi lại tiếp tục nằm ngửa trên sofa vui đầu đọc tạp chí. Pervenche chỉ nhìn thấy cặp chân thông thướt kết thúc bằng đôi giày thể thao và làn khói bốc lên từ điều thuốc của hắn. Nó tưởng sẽ sớm xong việc nhưng Stern lại bảo nó: “Chẳng ra sao cả, thật chẳng ra sao cả.” Gã dùng tay trái kéo tụt cái áo tắm xuống rồi, vẫn cầm máy ảnh, gã hơi lùi lại, nhắm nước bọt vào ngón trỏ và dùng đầu ngón tay thoa ướt đầu vú để làm nó ngồng lên. Gã bấm thêm mấy kiểu rồi nói: “Cô em thì anh thích chụp ảnh khoe thân hơn, người cô em thế này không chụp thời trang được.” Gã đã chụp xong và từ từ cuộn cuốn phim lại, còn Pervenche vào buồng tắm mặc lại quần áo. Nó lấy giấy vệ sinh chùi đầu vú. Khi nó đi ra, Stern đã lấy lại vẻ nghiêm nghị. Thậm chí gã còn không nhìn Pervenche nữa, chỉ phác một nụ cười khi bắt tay nó: “Anh sẽ rửa ảnh, xem trông ra làm sao. Anh sẽ gọi cho cô em.” Pervenche bảo nó không có điện thoại, Stern bèn đưa danh thiếp cho nó: “Thế thì tuần sau cô em sẽ là người gọi cho anh.” Lauren đã ở bên ngoài, hắn vươn người, ngáp dài vì ngán ngẩm. Hắn còn không buồn ngó Stern. “Thế nào? Có trót lọt không?? Pervenche nhún vai. “Một lão đểu, lão chụp ngực em.” Laurent tỏ vẻ dừng dừng. “Và trong khi chờ đợi thì lão không trả em lấy một cắc.” Và mặc dù hoàn toàn nhận ra sự trớ trêu của tình cảnh, Pervenche đột nhiên thấy lòng trĩu nặng một nỗi đơn côi.

Đó là một cơn bão hoại kỳ lạ, một nỗi chán chường lừng khừng mà mê hoặc. Laurent ngủ nướng rất muộn, nằm sấp trên tấm đệm. Trời nóng bức và u ám. Bên ngoài, Pervenche vắng nghe tiếng xe ô tô xào xạo trên đường cái, không ngừng, muôn đời vẫn là cái âm thanh ấy như thể chỉ có mỗi một chiếc xe cứ chạy lòng vòng.

Những người ấy họ đi đâu? Pervenche nhìn bóng các thùng xe phản lên tường qua khe cửa, đấy là rạp chiếu bóng bé nhỏ của nó. Những vệt đỏ, vệt xanh, vệt xám tán loạn chạy ngược. Nó gắng hình dung những người ngồi trong những chiếc xe ấy, nhỏ xíu và như thể trong suốt, với những đôi tay đôi chân mảnh mai và gương mặt bầu bĩnh, giống như các bào thai.

Nó không nói gì với Laurent mà cũng chẳng cho ai hay, việc chỉ can hệ tới nó. Dầu gì nó cũng đến hiệu thuốc mua que thử. Nó không hiểu lắm chuyện đã xảy ra thế nào. Nó lơ mờ nhớ lại một tối nọ, vào tháng Sáu, đúng mùa thi. Nó vẫn còn ở nhà Hélène và Jean-Luc. Nó say bí tỉ cùng Laurent, kéo vài điều cần sa trong xe rồi hai đứa đi ra chỗ nhà xe. Chỉ có thế. Nó không

nhớ rõ lắm nó nhận ra mình mất kinh vào lúc nào. Nó quên những thứ đó dễ như bốn. Những thứ vật vãnh của cuộc sống. Có khi nó quên ăn, hoặc quên đi vệ sinh. Và những thứ vật vãnh ấy buộc nó nhớ lại vào lúc nó ít chờ đợi nhất, một cách nhẫn tâm, với một sự dằn vặt. Sáng nọ nó tỉnh dậy, tim đập dồn dập, con buồn nôn đầu lưỡi, đình ninh, ở đấy, chính giữa bụng, cao hơn rốn một chút.

Dầu sao nó cũng quyết định đi khám bác sĩ. Nó chọn một bác sĩ phụ khoa thật xa, mất bốn mươi lăm phút đi xe buýt, mãi tí ngoài ngoài ô. Một phụ nữ cao lớn tóc nâu, rất giống Clémence nhưng già hơn, vẻ nanh nọc, hết một thẩm phán. Bà phụ khoa khám cho nó, rồi lật găng tay và quay lại ngồi sau bàn làm việc. “Cháu đủ tuổi thành niên chưa?” Bà ta nói thế như một lời khẳng định hơn là một câu hỏi. Pervenche lắc đầu. “Cháu đã quyết định chưa?” Bà phụ khoa nguyệt ngoạc địa chỉ một bệnh viện, cùng một số điện thoại. “Còn cái này là cho vấn đề kia của cháu.” Vì Pervenche cứ lơ lơ nhìn, bà ta gọn lỏn: “Nấm Candida albicans. Tốt nhất là cháu phải tổng khứ nó đi ngay.”

Mùa hè đã về trên thành phố. Và cái nóng ấy đã đổ xuống, cái nóng thiêu cháy nhựa đường, đốt cháy cây cảnh trong chậu. Đó là thời kỳ Pervenche chuyển hẳn khỏi nhà mẹ. Không có cái vĩa, tuyệt không có gì. Chỉ một nỗi chán chường cùng cực. Vẫn ở Bordeaux, Clémence đã tốt nghiệp Trường Thẩm phán Quốc gia và đang chờ được bổ nhiệm. Hélène làm việc tại nhà, bà vẽ chao đèn cho một cửa hiệu trong khu phố cổ. Bà phục chế tranh. Jean-Luc Salvantore định mở một xưởng gốm, đâu đó trong khu phố. Dầu gì họ cũng đã quyết định chuyển nhà, đến sống trong một ngôi nhà cổ của cụ Lauro, ở Ganagobie. Với Pervenche, không thể có chuyện đi cùng họ. Chỗ họ ở, mùi nhựa thông nồng hắc, thứ mùi của thợ sửa xe hơn là nghệ sĩ. Khi Pervenche về nhà khuya, mắt ngàu đỏ vì cần sa, Hélène lẳng lặng không nói gì nữa. Chính sự câm lặng đó là thứ trở nên không thể chịu đựng nổi.

Pervenche chuyển đến sống trong một căn hộ ở trung tâm thành phố cùng Laurent. Nó rộng rãi, cổ lỗ sĩ, hỗn độn. Bạn Laurent cho hẳn ở nhà một phòng. Lũ côn đồ, lưu manh. Có một gã to con đầu trọc, họ Nga, tên là Sacha. Lập dị, vận đồ đen ngay giữa mùa hè, nhờn nhờn. Gã nhìn Pervenche kiêu liếc xéo, trích thượng, theo lối một võ sĩ đấm bốc. Gã trông đáng gờm, nhưng cũng có thể đó chỉ là vẻ ngoài mà gã muốn thể hiện. Gã nghe băng bài hát phát xít bằng đài đĩa. Gã sống cùng Willie, một gã đen kít người quần đảo Antilles mà lại đặc kỳ thị chủng tộc. Tất cả những gì Hélène hằng căm ghét.

Trong căn hộ lúc nào cũng có người. Cái hành lang hun hút lổn ngổn vật dụng, chủ yếu là đồ điện tử, ti vi, máy ghi âm, dàn stereo, máy quay phim du lịch đựng trong những chiếc thùng các tông mới cứng cựa, thậm chí còn có cả lò vi sóng và dàn lạnh tàu thủy. Pervenche không dò hỏi. Nó lách qua các vật cản, một trò chơi.

Cuộc sống trong căn hộ đầy rẫy những điều không thể lường trước. Thỉnh thoảng, mấy đứa con gái lượn đến, ở lại một đêm, rồi đi. Vài đứa trong số đó, người ta không gặp lại. Chúng thượng trong phòng khách, trước ti vi đang bật, vừa hút và uống cùng lũ lưu manh vừa cười rinh rích. Nhìn chúng là người ta khỏi cần băn khoăn chúng kiếm sống bằng cách nào. Nhưng chúng khá tử tế, để Pervenche yên thân. Một đứa là người Đông Âu, Serbia, Croatia, đại loại thế. Một đứa khác, người Tunisia, tên là Zoubida, người ta gọi nó là Zoubi.

Tòa chung cư nằm trong một tình trạng tồi tệ. Dưới tầng trệt có một hiệu tạp phẩm, chủ là một bà người Đông Dương, chuyên nấu các món ăn sẵn. Mà phần lớn các căn hộ đều do người

châu Á thuê, còn trên tầng áp mái, ở tại các phòng gia nhân xưa kia, là dân lao động Bắc Phi và những người giả gái.

Vài tuần sau, Pervenche đã quen hầu hết cư dân trong khu nhà. Nó phần nào coi họ như gia đình mới của mình. Laurent làm buổi đực buổi cái trong một tiệm cà phê, nhưng Pervenche ngờ rằng hắn tham gia đánh quả với lũ lưu manh, có lẽ trong chân chuyển hàng, phụ bọn chúng chất các thùng các tông vào xe tải rồi khuân lên nhà. Nếu không thì chiều chiều hắn án ngữ ở một tiệm đồ cổ Armenia khung trung tâm, ườn dài trên ghế bành mà đọc những cuốn tạp chí âm nhạc hay tiểu thuyết trinh thám. Hắn trả lời điện thoại khi ông chủ vắng mặt. Chắc hắn cũng chỉ kiếm túc tắc ba cọc ba đồng.

Khoảng cuối tháng Tám, Laurent bảo Peervenche: “Này, anh lấy hẹn chỗ gã nhiếp ảnh gia cho em rồi đấy.” Hắn nợ đầm đìa bọn bán thuốc phiện, nhất là một thằng bạn của Sacha vẫn được gọi là Dax. Pervenche đi đến xưởng ảnh, biết tổng Stern chờ đợi gì ở mình.

Bà thẩm phán đang ở trong văn phòng. Tiết trời oi ả, bức bối, dù máy hút ẩm vẫn rè rè cạnh cửa sổ. Bên ngoài mọi thứ đều nhuộm màu u ám, trời, phố, biển. Các bức tường văn phòng cũng xám xịt, chúng không được sơn lại bao năm nay rồi, hàng thế kỷ cũng nên. Đó là một căn phòng cao, đường phào trên trần sơn màu xanh lá cây lợt lạt, có một chỗ lớp phủ bị bong ra và Clémence phát hiện vết tích một bức bích họa, vẽ hình một bó hồng có buộc một dải ruy băng. Khi đến chiếm lĩnh nơi này, phòng thẩm phán đầu tiên của mình, ngay tức thì chị đã thích căn buồng cũ kỹ, có những cánh cửa cao hình chớp, được trang trí bằng những họa tiết và hàng cột, gỗ lát tường quét sơn, hai cửa sổ có kính kiểu cũ trên đó ánh sáng lóng lánh như chiếu qua một bức màn mỏng bằng bọt.

Tài liệu chất đống trên bàn, bà thẩm phán bận bịu đến tận cuối ngày. Chị không có thời gian để cảm nhận cái nóng của mặt trời chuyển dịch trên các bức tường của Trụ sở Tòa án.

Cánh cửa mở ra, một thằng bé tay đeo còng kẹp giữa hai cảnh sát mặc đồng phục, bước vào.

Chuỗi câu hỏi lê thê, phần lớn đều đã có câu trả lời nằm sẵn trong hồ sơ: họ, tên, ngày sinh, quốc tịch, địa chỉ gần đây nhất. Học vấn? Nghề nghiệp của bố, của mẹ. Vũ lực, dùng dao uy hiếp để cướp xe máy. Báo cáo, lời chứng của người chị nạn nhân: một thanh niên trạc mười lăm mười sáu, tặng người Địa Trung Hải. “Tặng Địa Trung Hải” là người thế nào? Người Ý, người Hy Lạp, người Ai Cập, người Israel? Salvador Dalí có tặng Địa Trung Hải không? Không, thì bà biết ý tôi định nói gì rồi đấy. Không, không rõ lắm. Ý cô định nói người Arap? Người Algeria, người Maroc, cá mè một lứa cả thôi, thưa bà Thẩm phán. Clémence nhìn kỹ gương mặt cậu bé. Một khuôn mặt xinh xắn, còn vương những nét mềm mại trẻ thơ. Cặp mắt đen láy, quắc lên như mã não. Một vết sẹo nhỏ ở khóe môi dưới, bên phải. Người to cồ cộ, lật đặt trong chiếc blu-dông hơi xộc xệch. Nó đã bị cảnh sát ghì chặt khi ra khỏi xe hòm, chắc nó đã tỏ ra khó bảo.

Đọc bản báo cáo của cảnh sát: “... cháu nhấc đi nhấc lại bảo cô ấy nộp tiền và xe mà cô ấy không chịu, cháu cáu quá, vì tối đó cháu uống nhiều, không tự kiểm soát được, cháu rút con dao bấm ra và đâm cô ấy một nhát thật mạnh vào bụng dưới, xiên lên trên.” Thằng nhỏ có cái nhìn bộc trực, không ẩn ý. Hàng mi dài và rợp khiến sắc mặt nó dịu dàng, hơi mượt mà, một vẻ quyến rũ tự nhiên làm cho sự tàn bạo càng hiển hiện, nghiệt ngã. “Rồi, khi nạn nhân ngã xuống vỉa hè và bắt đầu kêu cứu, cháu thọc dao vào ngực cô ấy, đúng tim, hai nhát, và sau khi chùi dao vào áo phong cô ấy, cháu lấy xe đi đến nhà bố cháu. Dọc đường, cháu vút dao vào một thùng rác. Cháu ngủ đêm ở nhà bố cháu cho đến khi bị cảnh sát bắt. Cháu không tìm cách bỏ trốn. Cháu không chống cự lại và dễ dàng thừa nhận các sự việc, có điều là cháu hành động khi có hơi men nên không nhớ rõ các chi tiết.” Sau đó là chữ ký của can phạm và cảnh sát trưởng.

Bà thẩm phán không sao rút những thứ mình nghe được, thấy được ra khỏi đầu. Toàn bộ chuyện ấy đọng lại nơi chị, ngày cũng như đêm, bất cứ lúc nào cũng có thể ùa về, như một giấc mơ cứ tái hồi, như một kỷ niệm. Paul, Jacques, Marwan, Aguirré, mỗi đứa một tội, một gánh nặng, mỗi đứa một lời ăn tiếng nói, một ánh nhìn. Nhoi ra từ đêm đen, từ hư không, tất cả ngày

ngựa nhóp mùi máu, tinh trùng, chết chóc, chỏ than phận mình như thứ mùi hôi chua nồng trên cơ thể, choáng váng vì ánh sáng hà khắc của công lý, không cất nổi thành lời, lặp lại những điều người ta gà cho mình, đờ độn trước bất cứ cái nhìn nào, của một cảnh sát, một viên chức tòa hay một luật sư, tìm một cọng rơm để bấu vào, để không chìm ngấm, để thoát khỏi cơn đuối nước. Ủ đặc vì ngôn từ của chuyên gia, các nhân viên trợ tế, các bác sĩ tâm thần, các luật sư do tòa chỉ định. Được lôi ra khỏi bóng tối trong chốc lát, bị dẫn đến trước mặt chị, trước bà thẩm phán thiếu nhi, rồi trở về xà lim, bị xiềng, bị còng, đầu cúi gằm, túi hổ, lại chìm vào câm lặng.

Chị không quên được lần đầu tiên khi còn là sinh viên. Ouarda, làm dĩ từ tuổi mười lăm, nghiện thuốc phiện, bị bạn trai bạo hành, sắc da nhợt nhạt vì những đêm nằm trại, mặc một bộ thể thao màu nâu, đi giày tennis mới cứng, mái tóc xoăn cắt ngắn, tai có bấm lỗ nhưng người ta đã tháo của nó đôi khuyên vàng vì lý do an toàn, người ta đã tịch thu của nó cái vòng tay khắc tên nó và bạn trai, người ta đã lấy của nó cái vòng cổ đá trắng, nó chẳng còn gì trên người, gầy gò, ốm yếu, xẹp xuống trên cái ghế trước bàn làm việc uy nghi bằng gỗ sồi, và viên nữ cảnh sát vẫn đứng, hơi lùi về mé cửa, lăm lăm còng sổ tám mở sẵn, sẵn sàng can thiệp khi cần.

“... cái gã tên là Éric ra hẹn cho tôi, và cả hội bọn tôi đi ô tô lên đỉnh đồi, đến khu nhà máy hỏa táng, một chỗ cách xa đường cái. Khi xe hẵn tới nói, hẵn không phát hiện ra xe của mấy người kia vì họ đã tắt hết đèn pha, còn tôi đi bộ đến tận xe hẵn như thể tôi có một mình. Hẵn hỏi tôi đi một mình à và tôi bảo người đưa tôi đến đã về rồi vì không muốn chứng kiến. Thế là hẵn túm tóc tôi và đâm tôi và cái nhẵn hẵn đeo cộc gậy một cái răng cửa của tôi. Rồi hẵn lôi tôi về phía bụi cây và bảo sẽ giết tôi. Thấy thế, mấy người đi cùng Gérard người yêu tôi bật đèn pha, ra khỏi xe rồi chạy lại, và họ bắt đầu bắn ngay, gã Éric muốn rút súng ra, nhưng một viên đạn đã trúng bụng hẵn, hẵn rú lên và khụy xuống. Sau đó những người kia bắn nhiều phát vào đầu hẵn và khi hẵn ngã vật ra sau tôi thấy mặt hẵn nát bươm. Hẵn chết đúng lúc đó nhưng Gérard người yêu tôi và những người khác liên tục bắn hẵn đến khi hết đạn mới thôi. Rồi họ tước xăng lên người hẵn định thiêu nhưng lửa không chịu bén, rồi tôi đi khỏi đó cùng Gérard người yêu tôi. Và tôi không biết thêm gì nữa.

Clémence đã đến dự phiên tòa, không phải để luận tội, mà là chị cần biết điều gì sẽ xảy ra. Ouarda, trước vành móng ngựa. Gầy guộc, khuôn mặt xanh xao như một đứa bé gái quặt queo. Mười chín tuổi mà trông như mới mười lăm, mặc chiếc váy xám mẹ nó may chỉ để dùng cho đợt xét xử. Bên cạnh nó, lũ khốn khiếp, bọn ma cô, tuổi từ hai mươi đến ba mươi, đầu gục xuống, chúng tránh nhìn về phía đoàn bồi thẩm. Còn luật sư bên nguyên thì hào sảng, đe nẹt, sửa húng hoảng, đóng hài kịch, diễn bi kịch. Luật sư của Ouarda, không phải người do tòa chỉ định nữa mà là một người khác, được gia đình thuê, nói giọng trầm nhẹ, tiếng vĩ cầm du dương, những lời ngọt ngào, hòng giảm nhẹ, hòng mua chuộc. Anh ta kể về tuổi thơ con bé, những khu phố nóng bỏng của Marseille, cha mẹ bỏ cuộc, không còn điểm mốc, không còn giá trị, đến tôn giáo cũng bất lực. Anh ta nói về quyền thế của đàn ông, về sự độc đoán của họ, xác tín của họ khi làm điều ác, và cô bé chưa bao giờ được thực sự lựa chọn, chưa bao giờ dám, chưa bao giờ mơ tưởng đến việc cưỡng lại, chẳng khác gì một con búp bê bằng xương bằng thịt trong tay bọn họ. Và rồi, sau tất cả những điều đó, lời phán quyết giáng xuống, thẳng tay, thê thảm, nặng nề, mười lăm năm tù cho Ouarda, hai mươi năm cho lũ giết người, mười năm cho những kẻ còn lại. Đầu tiên là sự câm lặng trùm lên căn phòng, rồi tiếng gào khóc của Ouarda khi người ta giải

nó đi, nó ngoái lại, nó chưa hiểu ra ngay, bây giờ thì nó đã nhận ra là tất cả đã kết thúc. Nó không thốt nổi một lời, nó đã làm tất cả những gì người ta dặn, thậm chí nó còn nước mắt vẫn dài khi ông luật sư nói về đứa trẻ là nó, và đột nhiên nó quay lại và phát ra một tiếng kêu duy nhất, chói tai, tiếng kêu ngân lên trong toà pháp đình và xuyên vào mỗi người như một cơn ớn lạnh.

Đó là cái mà chị, Clémence, vẫn còn nhớ khi ngồi một mình trong căn phòng rộng, phía sau những bức tường thành hồ sơ buộc dây, như nhớ về một đoạn phim cứ chiếu đi chiếu lại, với cùng những hình ảnh ấy, những lời nói ấy, những nỗi đau ấy.

Stéphane, năm năm trong tù, Chritophe, năm năm, bẻ khoá ban đêm, oa trử đồ ăn cắp, mang vũ khí trái phép, dùng bạo lực chống lại công quyền, vượt ngục. Sylvie, Rita, Yasmine, Barbara, Mélodie, hành hung gây thương tích, vật xe ngoài bãi, tàng trữ ma tuý, dọa giết người, tống tiền, mưu toan cưỡng bức, dùng vũ lực ăn cướp. Khi Pervenche bỏ đi, Clémence vừa tốt nghiệp Trường Thẩm phán. Chị không biết rồi một ngày kia mình sẽ làm công việc này, chị chưa bao giờ hình dung nổi làm thẩm phán thiếu nhi là thế nào. Ở phía bên kia ranh giới, phía những người bỏ tù, nhốt trại. Phía những kẻ quan sát, những kẻ quyết định, những kẻ trừng trị. Giống như có lần người ta bảo chị, cô sẽ làm cảnh sát trưởng. Và rồi điều đó xảy ra, gần như nằm ngoài ý nguyện của chị. Bởi giới chuyện thi cử, bởi có những chỗ trống.

Chị biết tin về Pervenche qua mẹ. Hélène hoàn toàn mãn nguyện trong ngôi nhà ở Ganagobie cùng Jean-Luc Salvatore. Bà tiếp tục vẽ, ông sống được bằng xưởng gốm. Họ ở xa tất cả, giữa thôn quê. Họ còn có một con ngựa ở lò nài ngựa trong vùng để cho những người đi dạo thuê vào mùa hè. Họ không nhiều ưu tư. Hélène là người vô trách nhiệm như bà vẫn thế, bà là đứa con gái bé bỏng còn Clémence là người lớn. Về Pervenche, bà nói với một sự vui vẻ vô tư vô lự: “Ồ con biết đấy, nó sống cuộc sống của nó. Đấy thứ nó muốn. Mẹ bảo nó để mẹ đến thăm, chỗ nó sống cùng bạn trai ấy, mẹ bảo nó có thể ở cùng bọn mẹ ở Ganagobie, nó có thể tìm được việc trong thành phố và về nhà vào buổi tối, nhưng nó bảo mẹ là nó chẳng cần gì cả. Con bảo mẹ làm gì bây giờ? Mẹ chẳng ép buộc nó”. Bà nhắc đi nhắc lại cái câu phi lý: “Nó có cuộc sống của nó, mẹ cũng vậy.”

Clémence có được địa chỉ của Pervenche. Hình như nó không còn điện thoại. Hoặc giả nó không còn muốn người ta gọi cho mình nữa.

Một kỳ nghỉ dài dịp cuối tuần vào tháng Chín, Clémence đáp tàu đi Marseille. Khi chị nhấn chuông, ra mở cửa là một gã du thủ du thực. Một gã người quần đảo Antilles đánh mỗi cái quần lót, có hình xăm nổi trên vai, hoặc có lẽ là một cái sẹo. Hình như gã tên Willie. Khi chị bảo mình là chị gái Pervenche, gã để chị vào nhà. Pervenche ở căn phòng trong cùng. Nó vừa thức dậy. Nét mặt phỉ ra, mặc một cái áo phong nhàu nhĩ, đầu tóc bết bần. Clémence khó lòng nhận ra nó, chị không gặp nó đã hai năm rồi. Pervenche sục mùi thuốc lá và rượu.

Họ nói đủ thứ, nhưng không còn nhiều chuyện để kể nhau nghe. Họ không còn tâm đầu ý hợp nữa.

Pervenche tỏ vẻ ngang ngạnh, một con nhím xù lông. Những câu chuyện ngộ nghĩnh xưa cũ không còn làm nó cười nữa, kể cả khi Clémence gõ cửa và khi nó hỏi “ai đấy?” đã trả lời: “*El viejo Ines.*” Và tiếp đấy: “*¿A donde vas?- A General de Gas.*”^[5]

Mexico, Jacona, đã xa thật rồi. Đó là những bóng ma. Pervence quên đến cả tên những đứa trẻ trên phố Tulipanes, Beto, Roralba, Pina, Chavel, Maira. Kỷ niệm duy nhất còn làm nó nhếch mép cười là chú chó Scooby-doo to bự, cái cách nó đi theo hai chị em mà không gây tiếng động và sục mõm vào bắp chân họ để làm họ sợ rú lên. Và cây ổi cao mà hai chị em trèo lên để ném quả xuống người nó, vắt vẻo trên cành cây chĩa ra ở mặt phố. Ở Jacona, có rắc rối với lũ chó. Có những con ngồi tựa vào tường mà tru hoài cả đêm, Perrine phải ném đá hoặc hắt những thùng nước to để xua chúng đi. Có những con điên cuồng cắn nhau trên phố, phát ra những tiếng gầm gừ hung tợn, và những con tối ngày tơ nhau, đít dính vào nhau như những con nhện quái thai, tám chân cùng tập tễnh, làm Pervenche hãi hùng. Một hôm, men theo con kênh, phía khu Nhảy dù để về nhà, Pervence bị một con chó tấn công, nó từ đằng sau lảng lạng tiến đến, răng nanh nhe ra, mõm sủi đầy bọt, và Clémence đã ném đá đuổi nó đi. Cả đêm hôm ấy, tiếng súng đi đùng khắp khu phố, và sáng hôm sau qua Chita hai chị em được biết là những người lòng sục đã giết sạch lũ chó dại.

Clémence nhìn em gái, lòng quặn lại. Chị không còn làm được gì cho nó nữa. Trẻ tràng quá rồi, xa xôi, khác biệt quá rồi. Chị đã học luật, đã thi đỗ mọi cuộc thi, thế nhưng chị đã không biết níu giữ em mình đúng lúc nó ngã xuống.

Chị gặng hỏi ngớ hầu biết Laurent đang làm gì, có tính thay đổi cuộc sống không. Nhưng chị không khởi hành động như đang tiến hành cuộc thẩm tra.

Pervenche thu mình lại. Nó căm ghét tất cả những thứ mà Clémence đại diện, các chức năng xã hội, các trách nhiệm, quyền uy. Có một lúc, Clémence vụng về nói chị có thể giúp nó, cho nó mượn tiền, để nó ra khỏi cái ổ chuột này, rời xa những con người kinh khủng này, Pervenche đã phản ứng gay gắt. Đôi mắt xanh của nó quắc lên một tia hằn học, cả khuôn mặt rúm lại cho đến khi khắc thành những nếp hằn quanh miệng, quanh mũi, trên trán. Nó nói bằng một thứ giọng trầm quái đản, khàn đặc, xa lạ với Clémence. “Chị sẽ giúp tôi, hẳn rồi, lúc nào chị chẳng là người biết tuốt, còn tôi, mới mười tuổi đầu, tôi phải nghe theo chị, chị với cái quyền lực bé tí của chị, chị tưởng mình biết gì đó về tôi cơ đấy, nhưng chị chẳng biết gì về đời tôi hết, chị cũng muốn biết lắm đấy, nhưng chị chẳng biết cóc khô gì về tôi cả, tôi không cần những lời khuyên thổ tả của chị, hãy biến khỏi cuộc đời tôi, hãy quên tôi đi.” Khuôn mặt nó mờ đi vì tức giận. Và vì Clémence không đáp trả, nó lại nằm xuống, tất cả thật hỗn độn, với tấm đệm trệt dưới sàn, chỉ có một tấm ga bẩn thỉu vo tròn lại. Khi nó ngồi dậy châm thuốc, áo phông hở ra và Clémence nhìn thấy ngực nó, phía trên vú có một vết đỏ trông như những vết phỏng. Chị rùng mình vì chị còn nhớ làn da xưa kia của Pervenche, khi hai chị em tắm chung ở bể Tulipanes, chỗ thật ra không phải bể bơi mà chỉ là một cái ao, chỗ bọn trẻ con khóa bơi cùng ếch nhái và rệp nước. Mùi da Pervenche, một thứ mùi cỏ ẩm ướt, tươi mềm và dịu mát, lâu lắm rồi chị không còn nhớ đến nữa, và nó làm cho hiện tại càng đáng căm ghét hơn.

Chị mau chóng rời khỏi căn hộ. Chị buồn nôn, có lẽ tại hoài niệm ấy, hoặc cũng có thể tại mùi ma túy đã ngấm vào chị. Tối đó, chị lên tàu trở lại Bordeaux.

Vụ đổi chác diễn ra trong đêm, trên một ngọn đồi. Một chỗ khác thường, heo hút, dù thành phố gần kề đến độ người ta nhận ra trên bầu trời những vệt sáng màu sữa. Đầu tiên là đáy thung, với con đường ngoằn ngoèo, và những căn nhà xây thủ công bám rải rác trên sườn đồi trông như những tổ ong vò vẽ. Rồi người ta băng rừng lên dốc, trời ẩm đến độ người ta xuyên qua những đám mây nặng trĩu sà xuống cảnh thông, quàng trong bụi rậm.

Đêm ấy, trời nóng kinh người, cào cào châu chấu kêu inh ỏi, cóc nhái chui rúc dưới khe đồi. Pervenche nghe chúng rõ mồn một. Có lẽ nó nhớ về những đêm xa xưa. Nơi ấy, trong màn, với đủ thứ tiếng răng rắc làm nó khiếp đảm. Còn bây giờ, nó không sợ đêm đen nữa.

Laurent lái xe thô bạo, làm bánh xe nghiêng ken kết ở các khúc quanh. Nó bảo hấn: “Sao anh đi nhanh thế? Làm em buồn nôn đây này, đi chậm lại đi.” Nhưng hấn không nghe. Cau có mặt mày, hấn không nhìn Pervenche, hoặc chỉ liếc xéo một cái, một kiểu nhìn chó má, hai tròng mắt vàng khè hấn một ánh nhìn súc vật.

Trước khi ra ngoài đi dạo, chúng đã làm tình trên tấm đệm trong căn phòng ngọt ngào. Khoan khoái nó nép mình vào người hấn, phần trên người hấn hẹp và nó thích thú vòng tay quanh hấn, đùi kẹp chặt lấy hấn cho đến khi hấn nghẹt thở. Nhưng điều đó không làm hấn cười. Hấn gỡ tay Pervenche, thở gấp, lưng muốt mồ hôi. “Anh sao thế?” Nó tìm cách đọc trong mắt hấn, nhưng khuôn mặt Laurent nghiêm ngã và căng thẳng như một cái mặt nạ. Nó nhớ đến những nếp nhăn trên trán hấn, mạch máu hình chữ Y phồng lên cạnh thái dương. Và ánh nhìn kỳ lạ này, đôi mắt hiện ra như hai cái hốc trên làn da cứng đanh của bộ mặt. Hấn lật người nó lại như thể hấn không muốn nó nhìn thấy hấn và dương vật cương lên của hấn như một ngọn thương bông rẫy làm tỏa ra nỗi đau và lạc thú hòa lẫn vào nhau. Pervenche rơi vào một cơn lốc và bị xoáy vào tâm của nó, trong giấc mơ mà đêm đêm nó chìm sâu vào sau tất cả những ngày triền miên uống, hút và uống, và ngủ. Chờ đợi. Và những bài hát phát xít từ băng cát xét của Sacha, nhạc rasta(6) của thằng Willie người quần đảo Antilles, tiếng lũ du côn văng lên trong căn hộ, dần xuống, những cái bóng ban đêm lượn lờ săn đuổi dân Arap và da đen, tiếng loảng xoảng của dây xích, cơn hận như một liều ma túy, mùi bia, và những đám mây khói bủa kín các phòng. Cơn lốc đã cuốn nó xa khỏi tất cả những gì nó từng biết. Một tối nọ, nhìn nó bằng đôi mắt mờ đục, Sacha nói với nó những từ này, những từ làm nó đông cứng như bị yểm bùa: “Cần phải chết đi để được tái sinh.”

Chúng ngủ đến tận tối, vì tiết trời nóng bức. Qua những cánh cửa đóng kín, Pervenche lắng nghe tiếng xe xào xạo trên đường. Nhưng ánh sáng không lấp lánh trên các thùng xe, và rạp chiếu bóng trên trần nhà của nó đã tắt. Một lúc, nó nghĩ đến chị gái, có lẽ nó đã tự nhủ: “Mình phải gọi cho chị ấy.” Điều ngăn nó lại, là nó đã thử một lần, hồi đầu tháng Tám, nó muốn nói với chị về đứa bé trong bụng, nhưng ở ký túc xá người ta bảo nó đợi hai mươi phút để rồi lại nói: “Cô Lauro không có trong phòng, cô có muốn nhắn gì không?” Nó vốn ghét cay ghét đắng những thứ ấy, những bức tường thành ấy, hộp thư thoại, lời nhắn, lớp kính cách ly, nó đập máy rồi trả tiền cuộc gọi ở quầy bar.

Cuộc suy sụp đã giảm tốc độ lại một chút, nằm ngửa mà bay bổng cũng không tệ, trần trướng trên đêm, vắng nghe âm thanh con lộ và tiếng thở bình thản của gã trai nằm sắp bên cạnh.

Xe lên đỉnh đồi, đến một ngã rẽ có con đường đất dẫn vào rừng thông, Pervenche không vặn hời. Có thể nó vẫn còn hơi chóng mặt vì cơn suy sụp, hoặc cũng có thể nó đã phê thuốc, đã quá chén. Laurent không còn vẻ gì là say nữa. Hắn lừng lững, bồn chồn, căng thẳng, lái xe giật cục, vẫn nếp nhăn trên trán ấy, vẫn mạch máu phồng lên hai bên thái dương ấy, và đôi mắt nhìn như xuyên qua những cái hốc trên một chiếc mặt nạ.

Đến giữa một bãi trống, Laurent dừng xe lại. Hắn tắt điện khi xe vẫn còn đang chạy và động cơ chồm lên mấy lần trước khi im hẳn. Bãi trống tối om, nhưng người ta vẫn nhìn được nhờ ánh sáng phản lại từ thành phố, một quần hình cầu tan loãng vào bầu trời bên trên những ngọn cây. Nơi này râm ran tiếng ca của lũ cào cào châu chấu. Hơi nóng ẩm ướt thoang thoang mũi nhựa cây, một địa điểm có hơi hướm lãng mạn, nhưng trên trời không có lấy một vì sao.

Bỗng sự yên ắng ập xuống. Lũ cào cào châu chấu, bị cái gì đó làm xáo động, im bật. Laurent xuống xe, để cửa mở và bước về phía giữa bãi trống, Pervenche cảm thấy tim mình đập vô cùng rời rạc, nó vẫn còn trong cơn lốc, nhưng nói đúng hơn là ngoài rìa, bị cuốn vào một chuyển động rất nhẹ đang khẽ giăng vài ngọn cỏ bên bờ. Nó nghĩ: “Mình làm sao thế này? Bây giờ có chuyện gì sẽ xảy ra đây?” Có lẽ nó nhớ lại câu nói của Sacha, và nó sợ phải chết.

Nó không nói gì, không một âm thanh nào thoát khỏi cổ họng. Nó ngồi đợi trong xe, ở ghế trước, người hơi co lại, tay đặt trên bụng.

Khi chúng đến, nó nhận ra ngay. Có Willie, và gã tên Dax. Laurent không đi cùng chúng. Dax nhỏ thó và khảng khiu, khoác một chiếc blu-dông bằng da màu đen. Gã người Antilles theo sau hắn. Chúng giúp nó xuống xe, rất dúi dụi dàng. Rất dúi dụi dàng, Dax bảo: “Bây giờ bọn anh sẽ chăm sóc em, em sẽ không sao đâu.” Pervenche run đến nỗi không bước nổi, Dax và Willie phải đỡ nó. Giờ thì cơn lốc gần như đã yên hẳn, đến lượt cả rừng thông chao liêng, sụp đổ, ngã nghiêng, và Pervenche cảm thấy cơn buồn nôn trong cổ họng. Trời hầm hập, không một tia gió nhưng nó bị một cái lạnh thấu xương xâm chiếm, có lẽ vì thế mà nó run lấy bầy và đầu gối nó va vào nhau.

Đột nhiên, tiếng cào cào châu chấu lại rộ lên. Khắp nơi xung quanh bãi trống, tiếng kêu chói tai của chúng hòa vào nhau, dệt thành một tấm lưới vô hình và Pervenche nhờ đó mà gần như được trấn an. Bây giờ, nó nằm trên tấm thảm gai và cảm thấy người Dax dựa lên mình, cưỡng ép mình, như thể hắn xuyên qua lớp áo quần nó, da thịt nó, thọc vào tận cùng ngõ hẻm của nó. Nó nghiêng rằng để khỏi bật kêu. Nó nghĩ: “Mình mà la hắn sẽ giết mình.” Nó nghĩ thể một cách bình thản, đó là một điều hiển nhiên. Laurent đã đưa nó đến chỗ hắn muốn, đến rừng thông này, hắn đã phản bội nó, bán đứng nó. Hắn đã dùng nó như một con vật. Nó nghĩ thể không chút ghê rợn, bởi bây giờ nó xuống tận đáy vực rồi, một mình ở cái nơi sẽ không bao giờ có ai đến tìm nó, cái bãi trống giữa rừng thông này, điểm nút của mọi ngã đường.

Khi mọi việc xong xuôi, hai gã đàn ông lùi ra xa một chút, châm thuốc hút. Pervenche chỉnh lại quần áo, loạng choạng giữa bãi trống, nó không còn nhìn thấy ai nữa. Nó tiến lên như một người mù, tay chìa ra, vấp vào rễ cây, sỏi đá. Có tiếng động cơ khởi động, nó nhìn thấy đèn

sương mù của một chiếc xe. Thằng người Antilles đang ngồi trước vô lăng, thậm chí còn không buồn nhìn nó, nó ngồi xuống hàng ghế sau, cạnh Dax. Hắn hờ hững quàng tay qua cổ Pervenche, vẫn không ngừng rút thuốc. Xe của Dax là một chiếc đồ sộ mác Đức, sắc mùi da, loại xe chồm chĩa. Dax đưa điếu thuốc của mình cho Pervenche, và nó thích thú rút một hơi. Chiếc xe nhẹ nhàng lăn bánh trên con đường ngoằn ngoèo nơi bánh xe của Laurent đã nghiền lên ken kết. Một chốc, ở chỗ ngoặt, bên trái, Pervenche thoáng thấy thành phố bao la như một hồ ánh sáng, rồi ngọn đồi lại che khuất đi.

Bà đã mất tất cả khi nào? Lúc này, trong cái nóng cuối hè bóp nghẹt mọi thứ ở Ganagobie, Hélène cố hiểu. Bà đã đẩy Édouard Perrine ra khỏi cuộc đời mình, với cùng lòng quả quyết như khi bà theo ông cuối đất cùng trời. Cái mà bà yêu ở ông, thuở ban đầu, là chất bác sĩ của người nghèo, một kiểu tông đồ của Tổ chức y tế Thế giới, được một hội từ thiện Canada tài trợ để giúp các cụm dân cư thiếu thốn nhất. Trước khi được cử đến nơi khuất nẻo ở Mexico ấy, ông đã từng làm việc tại Trung Phi, tại Madagascar. Khi Hélène tình cờ quen ông ngoài hiên một quán cà phê tại Aix một mùa hè, bà bị ấn tượng vì dáng người ông cao lớn, da rám đen, đôi bàn tay to với lòng bàn tay tai tái, và cái vẻ nghiêm trang khi ông nhìn bà. Họ hẹn hò suốt cả tháng Tám, khi ông sống trong một căn buồng nhỏ được trang bị đồ đạc trông như nhà ở sinh viên, Hélène có cảm giác được sống lại những tháng ngày hồn nhiên, trước cuộc hôn nhân tan vỡ với Vincent Lauro. Bà có cảm giác mình lại yêu. Édouard giải thích ông đi những đâu, rồi đề nghị bà theo mình, hơi giống như trong một cuộc chơi. Rồi Hélène còn lại một mình. Bà nội Lauro cho họ ở Ganagobie, chuẩn bị cho các cháu gái đi khai giảng ở trường làng. Thế rồi, một ngày tháng Chín, không dẫn đo, bởi tiết trời vùng Provence trở nên lạnh và ẩm, hay có lẽ bởi vẫn hằng ngóng đợi một sự thay đổi khác, bà vay tiền bạn bè rồi mua vé máy bay cho mình và Clémence. Pervenche sẽ ở lại Ganagobie với bà nội, chờ đến khi mọi việc xong xuôi. Từ Mexico, Édouard đợi họ. Họ bắt xe ca hãng *Tres Estrellas de Oro* ở ga Bắc và đến Zamora vào sáng sớm tinh mơ, mệt rũ rượi. Rồi, chắc để làm vui lòng hai mẹ con, Édouard đánh xe ngựa đưa họ đi cả quãng đường về làng Jacona.

Édouard Perrine thuê căn nhà nhỏ bằng xi măng trên con phố Tulipanes ấy, và ngày ngày, ông làm việc đến tối mịt ở bệnh xá gần làng, cạnh nghĩa trang.

Đó là cuộc sống mới lạ. Hélène phải học mọi thứ: học nói từ tiếng Tây Ban Nha với giọng ê a của người bang Michoacán, đến những lời nói tục, những câu chửi thề, những kiểu đùa cợt, những quy ước cần tuân thủ và những điều kiêng kị, những kiểu cách tốt và xấu, những mối quan hệ. Bà có xóm giềng, bạn bè, những người cùng khu sáng sáng đến gõ cửa bếp nhà bà, để tán gẫu, để xin muối hay bột, hoặc để biểu bà từ trứng, mật ong, đến bánh mì ngọt. Bà là vợ ông bác sĩ.

Sáu tháng sau, Hélène cho Pervenche đến. Nó đi một mình với tấm biển lưng lảng trên cổ, nó bị nôn trên máy bay, người tái nhợt. Clémence thì ngay từ đầu đã không chịu hòa nhập. Nó hầm hừ với Édouard Perrine, đầu tiên ra mặt, rồi ngấm ngầm, khi bị Hélène mắng mỏ. Pervenche đến, tình hình có khá lên đôi chút, nhưng Clémence lôi em nó vào cuộc tẩy chay hội đồng. Chúng rỉ tai nhau đủ thứ, không bao giờ chuyện trò cùng Édouard, kể cả khi ông nói với chúng. Chúng làm như ông là kẻ thù. Mặc dù không bao giờ gặp bố, chúng vẫn đứng về phía ông ta.

Phải cho Clémence chuyển trường ba lần. Rồi nó cũng chịu hòa đồng. Đến mùa khô, những trò chơi ngoài phố bắt đầu, và Clémence xông vào giữa đám trẻ. Nó học nói, học chơi. Nó khám phá mọi thứ tự do chưa từng có. Từ trường về, lúc hai giờ chiều, Clémence lột bộ đồng phục, xỏ

vội cái quần lốm đốm, cái áo phông lấm lem, đôi giày thể thao và chạy ù qua những con phố trong làng. Chẳng sợ xe con lẫn xe tải. Nó dò dẫm mọi ngã ngách, kể cả các khu phố tồi tàn nhất nằm dọc bờ kênh, nơi sinh sống của những người bị gọi là dân nhảy dù, bởi người ta đồn rằng chính những luật sư ý thức kém đã xúi bẩy họ đến đây để chiếm đất và buộc chủ đất phải bán.

Hélène cũng đi khắp chốn. Bà lại vẽ, lại tạc tượng, bà mua những tấm bìa các tông lớn từ hợp tác xã bao bì *Anáhuac* và vẽ chân dung những người hàng xóm trong khu, lấy cánh đồng ngô, đồng mía hay những cây ổi phía bên kia phố nhà bà làm hậu cảnh. Bà mê say những khuôn mặt ấy, những nét mềm mại, mái tóc đen huyền của người phụ nữ Anh-điêng. Bà vẫn giữ tất cả các bức chân dung ấy, cùng chúng trở về sống ở Provence, đó là những người cận vệ, cha mẹ, bạn bè duy nhất của bà.

Có Adam và Eva, hai đứa trẻ rách rưới, xin bánh hay lượm ổi, hay bà cụ Anh-điêng mà mọi người chế nhạo là Mariquita, đi từ nhà này qua nhà kia rao bán đất, cô pha nước uống, những lọ mật ong chất xít phủ đầy tro. Có những đứa trẻ trên phố, Pina, Chavela, cùng mái đầu tổ quạ, Carlos, Beto, Rosalba la Güera, Maia.

Có Chita. Đây là con bé gầy gò, ủ rũ, sống cùng gia đình ở một trong các lán gỗ của dân nhảy dù, bên bờ kênh. Tên thật của nó là Juana, nhưng bọn trẻ ngoài phố chòng ghẹo bằng cách đặt cho nó cái tên nhân vật xấu xí của bộ phim truyền hình. Nó làm tỉnh không đáp.

Hélène không vẽ chân dung nó bao giờ. Chẳng phải vì bà không nảy ra ý định, hay ham muốn, nhưng đứa bé này mang một điều bí ẩn trong mình. Ở nó có điều gì đó âm thầm, khó nắm bắt, xa vắng, vả lại nó không thích người ta nhìn mình chăm chăm, nó lấy hai tay bưng mặt, không muốn người ta thấy mình ăn, nó rầu rĩ, ngang ngạnh, khó hiểu như một con thú, có lẽ cũng vì thế mà bọn trẻ trong phố đặt ra cái biệt danh ấy. Nó mới mười bảy tuổi nhưng còi cọc đến nỗi trông như vừa mười bốn. Nó ra đứng ngoài phố, trước nhà bà, lần nào đi ra bà cũng thấy nó. Một hôm, bà định bố thí cho nó, nhưng con bé nhìn bà bằng cặp mắt u buồn, và chỉ nói: “Cháu không xin tiền, cháu muốn làm việc ở nhà cô.” Đầu tiên Hélène vừa cười vừa bảo nó: “Cháu nhỏ bé thì làm gì.” Nhưng con bé nằn nỉ mà không cười: “Cháu làm việc ở nhà cô được, cô cứ thử mà xem.” Chita đã vào nhà bà như thê. Nó giúp Hélène làm việc vặt, dội nước cọ sàn, hoặc trông Pervenche khi Clémence đi học. Nó kiêu lời, lúc nào cũng ủ ê, vẻ lo âu, cau có. Nhìn khuôn mặt cùng làn da gần như là màu đen, và mái tóc xoắn cắt ngắn của nó, Hélène thấy nó giống Mowgli^[7]. Rồi dần dà nó thấy thoải mái, thỉnh thoảng còn nhoẻn cười, nó chơi búp bê với Pervenche, con bé quần nó hết mực. Hélène bỏ thời gian gắng dạy nó đọc và viết, nhưng Chita không làm nổi. Nó cắm mặt vào cuốn vở, đôi bàn tay chai sạn vì công việc lóng ngóng cầm chiếc bút bi. Nó viết chữ hoa trên trang vở: JUANA. Nó không nhập bọn với lũ trẻ ngoài phố bao giờ. Nó ra về ngay khi xong việc, tiền công nhét trong áo ngực và bánh mì cũ trong cái túi ni lông. Nó có một cuộc sống đầy bí ẩn.

Một lần, Hélène đến tìm nó ở khu Nhảy dù. Chita ở trong một lán gỗ do chính tay bố nó dựng lên bằng gạch trần không trát vữa, mái làm bằng những tấm ván và mảnh tôn. Cứ mỗi mùa mưa, đường đi lối lại biến thành những dòng suối bùn. Khi con kênh tràn bờ, nước bắn lùa vào các căn nhà. Hélène không gặp bố mẹ Chita, nhưng trong lán có một con bé nhỉnh hơn Chita một chút, trên mặt có nhiều vết màu chì. “Đây là Tina, chị cháu.” Chita chỉ nói thêm: “Chị ấy có bệnh. Chị ấy bị động kinh.”

Tất cả những điều ấy thật xa ngái. Sao lúc này Hélène lại nhớ đến Chita? Tựa hồ tất cả những gì xảy ra nơi ấy mang một ý nghĩa nhất định với ngày hôm nay, không phải như một sự biến minh mà như một lời tiên báo.

Thời gian đã lùi xa khỏi Mexico, mới cách đây không lâu Pervence vào đúng độ tuổi của Chita khi lần đầu con bé đến ngồi trên bức tường thấp trước căn nhà ở phố Tulipanes. Hélène còn nhớ rất rõ, có lẽ vì hơi nóng của vùng Provence, trong căn nhà nhỏ ở Ganagobie nơi bà tìm thấy chốn nương nấu sau cái chết của mẹ chồng, một căn buồng quét vôi như căn phòng của bà nơi ấy. Con phố thì không giống thế, không có bọn trẻ tối tối ra nô đùa ngoài vỉa hè, chỉ có những ông già lập dị ném bi sắt trên quảng trường.

Thời Mexico không như thế, các năm vừa dằng dặc vừa tràn đầy, các ngày đều sục sôi, ngập tràn âm thanh, sự mãnh liệt, xúc cảm.

Cả nỗi cô đơn nữa. Có lẽ tất cả đã manh nha từ đấy, theo cách một cơn giông sắp sửa ập về, che kín bầu trời, mà người ta không biết nó sẽ đi đâu, đến tận nơi sâu thẳm nào. Tối nào Édouard cũng vắng nhà, ông qua đêm ở khu đỏ, trong các nhà thổ của Nacho hung bạo, người ta gọi hần thế. Một gã nhỏ thó da vàng, trông như một con chuột, một kẻ băng hoại tuyển chọn con gái từ các khu nghèo khổ rồi nhốt chúng vào các quán bar tồi tàn của mình.

Lúc đầu, Hélène không muốn biết, bà nghĩ ông ở lại trạm xá sau giờ làm việc, bà không muốn mọi việc lại bắt đầu như với Vincent Lauro, những trận xích mích, sự ghen tuông, một cái giếng không đáy.

Và rồi một người đã báo cho bà hay. Như thường lệ, vẻ úp mở, Lupe, một người mà thỉnh thoảng bà vẫn đến thăm vào buổi chiều, vì bà ta bị chồng bỏ. Hélène tưởng bà ta quý mình, không chỉ vì những sự giúp đỡ của bà, mà còn vì những khoản tiền bà cho bà ta vay, những viên thuốc, mẫu thuốc, những lọ kem chữa bệnh tổ đỉa mà nhờ Édouard bà có thể cung cấp. Bà tưởng đấy là một hàng xóm tử tế.

Lupe nói, và bỗng nhiên giọng bà ta trở nên kì cục, hơi sít lại, và mắt bà ta ánh lên tinh quái: “Ơ thế chị không biết khu của Nacho hung bạo à? Thế mà bác sĩ biết rõ lắm đấy.”

Hélène không gặng hỏi, bà có cảm giác con mụ nửa điên nửa khùng này khoái trá khi những người phụ nữ khác cũng mất chồng.

Nhưng khi Édouard trở về lúc hừng đông và nằm áp vào bà, bà không khỏi ngửi mùi của những người đàn bà khác, một thứ mùi cay nồng trộn lẫn với mùi mồ hôi. Bà cong người lại như con tôm, sau khi làm tình, lắng nghe tiếng thở sâu, và bà tự hỏi sao phụ nữ lại cần phải ngủ cùng một người đàn ông đến thế.

Dẫu sao mặc lòng, một ngày nọ, khi đang tắm, bà nhìn thấy những con vật quái dị ở chỗ kín, strong suốt, bò ngang như những con cua tí hon. Bà mua một chiếc giường gấp ngoài chợ và đặt nó ra xa hết mức, ở mép bên kia căn phòng. Bà mua cho mình nhưng Édouard lại là người ngủ ở đó. Ông còn chẳng hỏi tại sao!

Hélène khiêu khích ông. “Em bị sinh rận”, bà nói. Và ông, vẻ lạnh lùng châm chọc “Rận Haiti à?” Bà nhún vai: “Bọn chúng không có quốc tịch thành văn.” Bà cạo trụi chỗ kín và thoa thuốc. Édouard lại thấy thế mà kêu gọi, và có lúc bà thoáng nghĩ đó là một tai nạn, rằng tất cả sẽ trở lại như xưa. Nhưng ông không từ bỏ khu vực của Nacho hung bạo. Nó thuộc về bản chất ông, ông không thể ngăn mình đi lại với gái điếm.

Vậy là, cứ đêm đêm lại có một cơn giông ập về, sấm chớp gầm vang trên núi lửa, bầu trời nhuộm một thứ màu đen thẫm làm trái tim đập loạn. Pervenche khiếp đảm, nó ngủ trong giường mẹ, đầu vùi dưới gối. Édouard về nhà lúc trời đã sáng rõ, để nguyên quần áo mà ngủ trên chiếc giường gấp, ông ngủ đến tận một giờ chiều rồi lại đến bệnh xá làm việc. Sao đêm nào ông cũng ở được với lũ bọm nhậu ấy? Khi Hélène hỏi ông, ông nhìn bà bằng một cái nhìn lạnh lùng và nghiêm khắc, và trong tròng mắt xanh của ông có một sự bồn loạn, một nỗi hoang mang mà bà không sao hiểu nổi. Hoặc ông nổi cáu, quay đi, kiểu như muốn nói: cô chỉ nói những nói cuội, mà trước tiên, chúng ta không phải là vợ chồng nhé. Bà thấy mình bị sập bẫy, bị cắt lìa khỏi tất cả, trong cái pháo đài bê tông mà mặt trời buổi chiều hun lên như một cái lò, và trong tiếng vo ve của lũ muỗi cho đến tận tảng sáng, rập rình quanh màn của mấy đứa trẻ. Và tiếng thạch sùng tặc lưỡi trên tường.

Pervenche bị ốm nặng, bụng chướng lên vì nhiễm kí sinh trùng amip, nó nôn tổng nôn tháo và sốt bồng bồng như lửa. Édouard vắng nhà, phải chạy dưới mưa đến tận quảng trường mới gọi được một chiếc taxi, và ở cả đêm trong viện, trong khi các y tá trực chọc vào Pervenche những mũi tiêm Flagyl đáng ngờ. Édouard không làm gì, ông không ở bệnh xá, ông ở chỗ Nacho hung bạo, ông đáp lại bằng cái giọng bình thản ấy: “Có lẽ em nên về nhà ở Pháp đi, đảng nào anh cũng sẽ đi, anh đã xin chuyển rồi.” Lần đầu tiên, ông nhắc đến vợ và con gái ở Haiti, và tất cả những gì Hélène thốt ra được, giọng yếu ớt, là: “Thế mà em không biết anh có con gái, tên nó là gì?” Nhưng ông không nói gì thêm.

Một đêm giông, khi Édouard vắng nhà, sông Duero tràn bờ chảy qua làng, dồn vào con phố chính và đổ như thác xuống phía trũng, cuốn sạch mọi thứ trên đường nó qua. Chính Pervenche đã đánh thức bà, vừa ngủ nó vừa phát ra những tiếng ú ớ. Trở dậy, Hélène thọc chân vào dòng nước lạnh ngắt đã ngập khắp nhà. Đến hôm nay bà vẫn còn thấy cơn rùng mình vì kinh hoảng xẹt ngang người, cái nóng làm bải hoải và dòng nước lạnh lẽo, tối tăm, nặng nề, từ tất cả các cửa tràn vào nhà. Cuống cuống, dưới ánh đèn pin, Hélène cố nút khe cửa bằng giấy, bằng sách, bằng vải, nhưng dòng nước quá dữ dội. Mà thật khủng khiếp, sự câm lặng, vẻ ù lì lan tràn khắp nơi ấy. Điện bị cắt. Hélène đánh thức Clémence, bà xốc con bé Pervenche lên và mấy mẹ con trèo lên bàn trong phòng khách. Họ chờ ở đấy, gần như không nói năng gì, nép sát vào nhau như đàn gà trong cái ổ lơ lửng trên cao.

Sáng ra, nghe thấy những tiếng la, tiếng gọi bên ngoài. Hélène cứ tưởng Édouard về nhà. Pervenche đã thiếp đi trên tay bà. Clémence bị lạnh, môi mím chặt, như người bị ốm.

Đó là ông nuôi ong hàng xóm, ông bì bõm trên phố đi gõ cửa khắp lượt. Ông ta dừng lại trước cửa nhà Hélène: “Này, có ổn cả không đấy?” Trong hoàn cảnh ấy, câu hỏi gần như nực cười. Ngật ngưỡng trên bàn, Hélène gào lên: “Cám ơn bác, chỗ tôi ổn cả.” Bình minh bắt đầu lộ lên qua cửa sổ, Hélène thấy nước đã rút, đôi chỗ nền nhà lát đá nhô lên tạo thành một vũng bùn, đi chân không, bà ẵm Pervenche đặt vào giường rồi cùng Clémence ra ngoài nghe ngóng tình hình. Phố Tulipanes là một dòng sông bùn lờ lững. Trên bức tường trắng của khu vườn đối diện, dòng lũ đã vẽ hình những con sóng màu nâu. Những cành cây vướng vào đá, rồi nào thùng các tông, nào mảnh ngói, đến cả giày dép cũng có. Mọi người sải bước qua phố, tay cầm

đền pin, trông như những con ma ướt lướt, quần xắn cao, đàn bà thì vén váy lên tận đùi. Trẻ con đã lại chạy tán loạn trên vỉa hè, vừa té nước vừa hét toáng lên. Clémence tìm thấy đồng bọn, Rosalba la Güera, Pina, Chavela, chúng nói như ăn cướp, bằng cái giọng chút chít của những con chuột nhắt. Có lẽ buổi sáng ấy, trước con phố ngập bùn, dưới ánh sáng kỳ lạ của một ngày lụt, và nổi cô độc ấy, chính là lúc Hélène hiểu rằng thế là hết, rằng mình phải ra đi. Thế nhưng bà vẫn ráng nhiều ngày, nhiều tháng, bởi bà vẫn muốn tin rằng mọi thứ sẽ đâu vào đấy, rằng cuộc sống sẽ lại mãnh liệt và đẹp tươi, giàu trải nghiệm và những điều mới mẻ. Hoặc giả, đấy là tại mấy trò nghịch ngợm ngoài phố của Clémence và Pervenche, tại mấy trò mua sắm nhảy nhót, những màn kịch, những bài hát ấy. Bà sợ phải quay lại nơi kia, với nước Pháp, với mùa đông, sợ gặp lại bóng ma các thất bại của mình, gặp lại những vết tích của quá khứ của quá khứ giống như lại trượt ngã dúi dụi trên các lối mòn. Thẻ tạm trú của bà sắp hết hạn, bà biết Édouard sẽ không làm gì để gia hạn nó. Ông đã quyết định ra đi trước Giáng Sinh, ông sẽ quay về Haiti, tất cả đã kết thúc. Giờ đây, khi mà quyết định đã được đưa ra, ông lại trở nên ân cần, buổi tối ông ở nhà, đọc hoặc viết báo cáo. Ông trò chuyện cùng xóm giềng, và Hélène uất ức phát hiện ra rằng ông mới là kẻ mà người ta trọng vọng, ông mới là kẻ mà người ta nuôi tiếc.

Phố Tulipanes không tìm lại được bộ mặt trước đây của mình. Đệm giường phơi bên ngoài đã khô, nền nhà đã được cọ rửa sạch sẽ, thế mà hằng ngày bùn vẫn từa ra. Chỗ nào cũng có, kể cả ở mặt trong đồng hồ của Hélène. Cả một thứ mùi kỳ lạ nữa, mùi của hầm tối và cái chết, và người ta bảo đấy là nghĩa địa đã tỏa về làng.

Và cái mùi kinh khủng ấy, Hélène đã mang nó về theo mình, trong vali, nó thấm vào quần áo bà, sách vở của bà, cả trong tóc các con gái bà. Giống như là thoát khỏi một căn bệnh ủ dùi. Tháng Hai, ở Provence có giông, mưa sầm sập trên mái ngói làm Hélène thao thức. Bà canh chừng những tín hiệu nhỏ nhất của lụt lội. Clémence học bán trú ở trường trung học Avignon, còn Pervenche đến trường làng. Với chúng mới thật là khó khăn. Người ta nhạo báng giọng nói của chúng, những từ mà chúng phát âm trại đi. Chúng bảo “căn nhà chống chải” hoặc “mày nháng cẳng tao”. Một hôm, một đứa học cùng lớp Clémence hỏi nó: “Mày đã ở Mexico thật à? Ở đấy có trường học không thế?”

Sau trận lụt, Chita không trở lại. Sáng nào Hélène cũng ngóng nó, bà tưởng nó bị ốm hoặc bận lau dọn nhà cửa, hoặc bệnh trạng của chị nó nặng lên. Sau một tuần nó bật vô âm tín, Hélène đi bộ đến tận khu Nhảy dù. Những tưởng sẽ bắt gặp một khu nhà bị tàn phá tan hoang, bà sửng sốt thấy lụt lội đã chừa chốn này ra. Hoặc cũng có thể cuộc sống của họ bấp bênh đến độ họ đã vượt qua cơn khốn khó mà không hề hấn gì. Nhà bố Chita vắng ngắt, nhưng tin tức chóng vánh lan đi trong khu, và chỉ một lúc sau chị Chita về. Nó bước lè rề, vừa đi vừa vịn vào tường. Mặt nó còn xám xịt hơn, Hélène nhìn thấy một vết bầm trên trán nó. Và bà nghĩ con bé hẳn đã bị ngã trong một lần lên cơn. “Juana đâu hả cháu?” Tina nói chậm rãi, khó khăn: “Nó đi rồi - Khi nào nó về?” Con bé có vẻ tìm từ. “Cháu không biết. Không về.” Nó không có đôi mắt u tối như em gái mà là một đôi mắt vô hồn, và tim Hélène se lại. “Sao cơ, không về? Nhưng mà nó đi đâu?” Tina nói: “Nó cưới chồng rồi. Nó nhờ cháu đưa cho cô cái này.” Nó vào nhà và trở ra cùng cuốn vở của Juana. Ở trang cuối cùng, sau tất cả các bài tập, nó viết: JUANA. GRACIAS(8)

Đó là cuốn tập mà Hélène đã mang về tận Provence. Bà không biết vì sao, bà không cầm gì trong những thứ các con bà đã làm, tranh vẽ, bài tập lịch sử, toán, chính tả. Chỉ cuốn vở này, kín

đặc chữ viết vụng về của Chita và hai từ kết.

Pervenche trườn vào một cái hố sâu hoắm và tối om. Mà đúng hơn, đó là giấc mơ xưa cũ của nó về một đường ống xuyên vào lòng đất, trong đấy nó phải trườn, cùi tay tì sát mạng sườn, đầu gối trầy xước, có vừa đủ chỗ để nhích lên bằng cách vặn vẹo đến ê ẩm cả người, ống dài và hẹp đến nỗi nó không biết mình đang tiến lên hay lùi lại. Nó không rõ nó bị nhốt trong căn phòng này đã bao lâu rồi. Hàng tuần, hàng tháng. Thỉnh thoảng, nó đứng dậy, trườn lên người chiếc áo choàng tắm mà Dax đã đưa cho nó, tập tễnh đi đến tận nhà tắm. Rồi lại về chỗ nằm.

Bên ngoài trời đẹp, nó thấy ánh nắng qua những cánh cửa chớp đóng kín. Giờ đang là mùa thu, hoặc chớm đông. Tòa biệt thự nằm giữa một rừng thông, Pervenche ngửi thấy mùi hăng hắc của lá, lắng nghe âm thanh rin rít thoảng qua cửa gió, tiếng những con sóc gặm hạt thông sột soạt. Tất cả tĩnh lặng đến độ tiếng động nhỏ nhất cũng lộng lên trong óc Pervenche như một âm thanh gầm gào. Nó rình chờ những âm thanh, rồi tâm trí nó tách khỏi thực tại, và nó lại quay về với những giấc mơ của mình. Đó là một câu chuyện dài dai, vu vơ và bất tận, hết lùi ra xa lại sáp đến gần, cuốn nó vào dòng chảy. Khi nặng nề, khủng khiếp, lúc hiền hòa, tan vào các kỷ niệm của nó. Lần thì nó ở Camécuaro, trên cái hồ lạnh lẽo, cùng với một chiếc thuyền độc mộc nó len qua những nhánh cây, và từ hai bên bờ, phía xa xa, vẳng lại tiếng nhạc *mariachis*(9). Những tiếng nói rộn ràng, những giọng cười, hoặc một bài hát nào nề phát ra từ đài đĩa ở đâu đó, và tiếng thét của lũ trẻ mới lớn đang đá bóng trên một bãi đất hoang. Lần khác, nó sống lại những khoảnh khắc thuộc phần đời đã qua, đầy nghiệt ngã, buổi đêm cùng Laurent trong những quán bar ở khu phố cổ, có người đàn ông lịch lãm nọ, chống cùi tay lên quầy, khẩn khoản nhìn nó, và nó cảm thấy bị cái nhìn ấy nuốt chửng, nó chấp chới trong sự trống trải: “Sao thế? Ông nhìn cái quái gì nào?” Bạo lực bùng lên như tên lửa, lan ra khắp phòng. Laurent ngã sòng soài, thông thượt dưới người đàn ông đang siết cổ hắn một cách thành thực, thản nhiên, một nét khoái trá làm đôi môi ông ta hé mở. Thế là nó đánh ông ta, thu hết sức bình sinh, tay nắm lại, mà không cảm thấy đau đớn, nó túm tóc ông ta mà giành giật mà chửi rủa: Thằng khốn khiếp, đồ chết giẫm, buông anh ấy ra! Thả anh ấy ra. Và Laurent nằm trên đất, tay vắt chéo, một vệt đỏ trên cổ, mắt ầng nước, còn xung quanh mọi người cười cợt. Pervenche đỡ Laurent dậy, nó quàng tay qua cổ hắn và kéo hắn ra ngoài, trời tối đen, mưa lộp độp rơi trên những ngọn đèn nê ông. Nó hồi tưởng cảnh này như một bộ phim tồi trình chiếu trong tâm trí, tim nó đập loạn y như đêm ấy, trên phố, nó cảm thấy hơi thở mình thiêu cháy cổ họng, nó cảm thấy cơn choáng váng làm vĩa hè chao đảo, nó cảm thấy nỗi quanh quê của đời mình.

Nó ồm ư? Bị ồm, là như vậy ư? Không giống như bị sốt, nó nhớ lại những buổi chiều Mexico, căn phòng rộng có trần hai mái dốc đứng, thấy những tấm mạng nhện giăng thành hình sao, Hélène định lấy chổi quét chúng đi và Pervenche hét lên: “Không, con van mẹ, mẹ đừng giết chúng, bạn con đấy, bạn yêu của con đấy.” Còn ở đây, trong căn buồng im ỉm, với nắng mùa đông lấp lánh bên ngoài, những cây thông kêu răng rắc, những con sóc hay chuột chuyền càn, nó cảm thấy mình lùi lại đằng sau, về phía ký ức, không còn gì để bầu vịu.

Nhưng có lẽ đó là thứ đang nung nấu trong bụng nó, cái điều thầm kín kia, cái sự hờ hênh ấy. Pervenche cuộn tròn quanh nó, để không đánh mất nó, để người ta không tước đoạt nó. Dax đến vào buổi tối, dạo mạo trong bộ quần áo đen, khuôn mặt trắng bệch, hắt ghét mặt trời, tuyệt không ra bãi biển, không bén mảng ngoài vườn, hắt sống cùng những cánh cửa khép kín như một ma cà rồng.

Hắn mặc nguyên quần áo mà ngủ cạnh nó trên tấm đệm, không động đến nó, trừ một đôi lần thò đôi tay lạnh toát xuống dưới áo nó, vuốt ve ngực nó, bụng nó. Hắn rử rử với nó, nó không nghe xem hắn nói gì. Một hôm, hắn bắt gặp nó ở gần điện thoại, hắn nổi đóa: “Em định bỏ đi, thì em đi đi. Khi nào muốn thì cứ đi. Tôi sẽ chở em ra phố. Em chỉ cần nói thôi. Dễ mà. Cần gì điện thoại.” Hắn ngắt điện thoại ngoài hành lang.

Hồi đầu, những buổi đầu, những ngày sau hôm nó về ở tòa biệt thự, Dax giới thiệu nó với bạn bè. Điều đó thật kỳ dị, mơ hồ đe dọa. Hắn bắt nó mặc một chiếc váy mùa hè, muốn nó chải chuốt trang điểm như một con búp bê. Nhưng bây giờ thì nó không chịu. Nó bảo hắn là tại cái bụng, nó không muốn người ta nhìn thấy mình trong bộ dạng ấy. Thế là hắn để nó lại một mình trong phòng mà thả mình vào những cơn mơ.

Nó không gặp một ai. Thỉnh thoảng, nó nghe tiếng người lao xao ở phòng ngoài hay trong bếp. Tiếng xe ngoài vườn. Nhòm qua khe cửa chớp, nó chỉ thấy một đoạn đường rải sỏi, một thảm cỏ hình tam giác vàng úa vì mặt trời. Nó nghe ngóng tiếng sập cửa, nó hít hà mùi thông cháy bay đến cùng một luồng gió nóng, vừa đủ thời gian để làm nó nao người. Thật sống động, quá chừng sống động. Nó thấy mình như đã chết. Nó ngồi bệt trên nền nhà lát gạch, váy ngủ kéo xuống tận mắt cá, hai tay bó lấy chân.

Nó gần như chỉ sống bằng milkshake. Dax thay các bình kem vị va ni và bạch sữa, và nó ra bếp chỉ để bật máy xay. Thỉnh thoảng nó nhớ đến Clémence, hay mẹ nó, nhưng đó là một ý nhớ xa xôi, lơ lơ, mịt mịt. Nó không còn thấy giận dữ hay hận thù khi nghĩ về Laurent. Hắn đã phản bội nó, bán nó cho Dax. Giờ đây nó thuộc về gã đàn ông nhỏ thó lập dị và bất lực ấy, nó cùng đứa trẻ đang lớn lên trong bụng.

Một hôm, Dax bảo nó: “Có chị em tìm em đây, cô ta gọi điện đến nhà cũ, Sacha bảo cô ta là em không muốn nói chuyện với cô ta. Em phải viết cho cô ta đi.” Hắn đưa cho nó một tấm bưu thiếp khá xấu xí có hình một bờ biển, một bãi tắm. Nó vẽ trên đó hình một gã cao bồi đang bắn vào các ả tắm biển, còn mặt kia, nó viết: *Wish you were here*^[10]. Dax nhìn hình vẽ, cười khẩy: “Cái này sẽ làm cô ta yên tâm đây.” Hắn là người ghi địa chỉ, Pervenche còn không nhớ Clémence sống ở đâu. Ở đó, ở Bordeaux, cùng gã đàn ông ấy, Paul, một luật sư, hoặc cũng là thẩm phán như chị ấy, nó không nhớ rõ, nó bất cần. Có thể họ đã chuyển đi, có thể họ đã chia tay. Không điều gì làm nó quan tâm nữa.

Cùng lắm nếu có người nó muốn gặp thì đó là Chita. Hàng năm rồi nó không còn nghĩ đến Chita nữa, thế mà lúc này, trong cái tĩnh mịch của căn biệt thự bỏ hoang, chỗ bọn du thủ du thực đến trú đông, Chita lại trở về. Khi Clémence đi học, Hélène lòng vòng trên phố sau vô lăng chiếc Renault R16 cũ kĩ móp mép của Perrine. Thì Chita ở nhà một mình với Pervenche. Nó lôi hộp đồ chơi vào phòng ăn lơ nhờ tối, và chơi đùa cùng Pervenche, dịu dàng, ân cần, theo cách mà nó chắc chắn chưa chơi với ai như thế bao giờ.

Chita cau có, căm lặng, khi còn lại một mình với Pervenche khuôn mặt nó bỗng dưng bừng

sáng, nó cười giòn tan khi cởi quần áo búp bê, xếp dọn các món đồ đặc tí hon, những cái tách, cái lọ, những bánh xà phòng, những chiếc lược tin hin. Nó trở lại thời bảy, tám tuổi, tuổi của Pervenche, nó làm cho búp bê nói, nó ngân nga cho chúng nghe những bài đồng dao, những bài vè, những câu đố. Khi nó cười, hàm răng trắng bóng phát ra ánh chớp trong bóng tối. Đá lát nền xanh và lạnh, ánh sáng xuyên qua kẽ các lá ổi làm các vằn vện trên sàn lay động, khi những đám mây bay ngang qua. Chẳng bao giờ Pervenche còn được sống những khoảnh khắc như vậy nữa.

Khi Héléne quyết định rằng họ phải đi, Pervenche hiểu thế là hết, nó sẽ không bao giờ gặp lại Chita. Nó còn nhớ, sau trận lụt, tất cả đã sụp đổ. Nó biết mình sẽ không còn như cũ. Có thể Chita đã chết.

Nó không khóc, nó khép mình lại, nó căm ghét mẹ. Đến Clémence cũng không hiểu được. Đó đâu phải là một cơn dần dỗi mà người ta rồi sẽ nguôi đi, đó là một nỗi đau sâu thẳm mà mỗi thời khắc, mỗi ngày qua đi càng trở nên riết nóng, càng cứa sâu thêm. Hẳn đó là lúc nó hiểu ra cái ích kỉ rợn người của Héléne, người đã làm cuộc sống của các con đảo lộn theo những mối tình của mình.

Một buổi chiều, lúc sẩm tối, ở một mình trong tòa biệt thự, trong bếp, đang đun một nồi nước để luộc mì, Pervenche nghe thấy tiếng người lóe xoe bên ngoài. Trời vẫn còn hửng, một ánh sáng hằm hập chiếu qua chiếu qua cửa chớp, còn sáng hơn cả bóng đèn nê ông trong bếp.

Ai đó kêu lên, bằng một cái giọng kỳ lạ the thé, như đang than khóc. Nó vọng đến từ phía bên kia căn nhà trong khu vườn đằng trước. Pervenche đi về phòng ngủ, leo lên đệm và áp mặt vào cửa chớp đóng kín. Rồi đột nhiên, trước cả khi kịp nhìn, nó nhận ra giọng Laurent, và cái mà hẳn gọi chính là tên nó. Nó không sao nhìn ra hẳn qua chớp cửa, hẳn bị hàng rào cây phủ danh che khuất. Nó chỉ nhìn thấy lối đi rải sỏi, và những thùng xe đang đậu. Chắc bọn vệ sĩ của Dax đang đẩy hẳn, bởi chúng đi xa dần, rồi quay lại, còn hẳn kêu tên Pervenche bằng một giọng the thé, nghèn nghẹn. Nó nghe cái giọng kì dị của hẳn, nó cảm thấy ghê rợn, tim nó đập nhanh hơn, nhưng đó không phải nỗi sợ hãi, mà là sự chán ngán, như thể tất cả sẽ lại tái diễn, như thể nó sẽ lại vất vưởng ngoài phố, trong cái nắng gay gắt, trong làn sương mù phủ kín mặt biển, những hình ảnh phản chiếu trên xe, màn đêm buông xuống và những ô cửa kính sáng lên và người ta không biết là mình đang đi về đâu.

Pervenche đứng đó không nhúc nhích, trán tì vào khung kim loại của cửa chớp. Sau một hồi, có một tiếng động lớn, tiếng cửa xe sập lại, tiếng xe nối đuôi nhau xuống đồi hướng về thành phố. Rồi sự câm lặng.

Pervenche ngả đầu xuống đệm, đầu gối co lên bụng, cuộn tròn quanh đứa bé đang trở mình trong giấc ngủ, và nó đợi cho nhịp đập trái tim mình chậm dần, lại trở nên thông thả, rất đổi thông thả. Nó đợi Dax về, và đêm xuống. Đêm đêm, có tiếng kêu thảng thốt của những con chim hét. Nhưng nó thấy dễ chịu khi nghe thấy chúng, cũng như tiếng ve ra rả, càng lúc càng to, đến mức phủ kín căn phòng bằng một tấm lưới âm thanh giăng giữa các bức tường. Pervenche nhớ lại đêm Mexico, những tiếng động khuya khoắt làm nó khiếp đảm, cái màn giắt vào đệm trở thành tấm áo giáp. Và Clémence lặng lẽ nhìn nó, cho tới lúc nó thiếp đi.

Dax không về. Nhưng khoảng nửa đêm, quanh quăng giờ ấy, lại có tiếng ồn. Những tia sáng lấp loáng trong vườn. Chuyện đó xảy ra thật chóng vánh, như được định trước không thể khác.

Cảnh sát vào phòng, đèn pin bật sáng. Họ rọi phải Pervenche đang co ro trên nệm, chiếc váy ngủ hoa màu hồng kéo xuống tận mắt cá chân. Nó tái xanh dưới ánh đèn pin, mắt nhoè nhoét những vết thuốc chải lông mi bị chảy, môi đỏ rực tựa một vết thương. Trông nó giống một con thú bị dồn xuống đến tận đáy hang. “Quý thần ơi, thật không thể tin được!”, viên cảnh sát vào đầu tiên bật kêu lên. Đó là tất cả những gì Pervenche nghe thấy. Nó tự hỏi, nhưng cái gì không thể mới được chứ?

Tania đến vào mùa xuân, một buổi mai. Tuyết đã đổ trong đêm, và Pervenche nhớ khi nó được chuyển đến trạm xá, màu trắng đọng đầy trên các bụi cây và vỉa hè quanh sân. Nhưng bầu trời thanh khiết và trong trẻo, làm nó thấy khoan khoái.

Ở Trung tâm, không ai ngờ được. Tất cả diễn ra mau lẹ không ngờ. Đang đêm, nó bị vỡ nước ối, và còn không đủ thời gian để đến bệnh viện phụ sản. Tania chào đời tại trạm xá của trung tâm, trên một cái giường đã chiến căng một tấm ga, trong một căn phòng dài và tối mãi tít trong cùng, với một cái cửa sổ cao có chấn song, qua đó ánh ngày bắt đầu ló rạng. Charlène, cô y tá người đảo Guadeloupe, cùng một trại viên là những người đã làm bà đỡ và bà tiên nghiêng mình trên nôi Tania chào mừng nó ra đời.

Sinh xong, Pervenche thiếp đi trong một giấc ngủ sâu và tuyệt diệu mà đã nhiều tháng rònong nó không được tận hưởng. Nó không muốn người ta báo tin cho ai trong gia đình mình. Nhất là mẹ nó. Vả lại, Hélène bận túi bụi cùng Jean-Luc Salvatore và cái xưởng mỹ nghệ và gốm sứ của bà. Bà có ở đầu kia trái đất thì cũng không xa cách Pervenche như thế.

Pervenche lịm người khi nhìn cái mảnh da thịt đỏ hồng bé con lọt thỏm trong mớ quần áo ấy, nó tỉnh dậy để mút ti rồi lại thiếp đi trong tay mẹ, đôi tay bé tí xúu nắm lại. Tania có đôi mắt của mẹ nó, Charlène tuyên bố, đôi mắt xanh ngơ ngác tuyệt diệu. Có thể nó mang cả nét của cha, nhưng điều này thì Pervenchen thậm chí còn không nghĩ đến. Sinh linh nhỏ bé này thuộc về nó, đúng là của nó, tính đến giờ đó là thứ duy nhất Pervenche thực sự sở hữu. Nó không giống một con thú, hay một đồ vật. Đó là một thứ vị kỷ và cá nhân nối liền với cuộc đời nó, vừa nhận vừa trao.

Pervenche chưa bao giờ hình dung ra cái gì tương tự. Sinh được hai, ba ngày, nó quay quắt trên giường, trong buồng riêng của trung tâm và kê bên, trong cái nôi rộng thênh thang, có Tania đang thêm thiếp. Thỉnh thoảng, một cái bóng lướt qua khuôn mặt tí hon, nó chun mũi, nhú mày, và ọ ẹ đúng hai lần, như thế này: ư-ư. Thế là Pervenche cho nó bú. Rồi cả hai mẹ con lại thiếp đi, trong một giấc ngủ sâu mà nhẹ bồng, và bồng bềnh trên một cụm mây.

Sau đó, Pervenche rời Trung tâm. Charléne tìm được cho nó một căn nhà ở miền quê, gần một làng tên là Mazaugues. Một nơi sinh sống của những người mẹ đơn thân vị thành niên, và một vài phụ nữ bị chồng bạo hành phải bỏ trốn. Giám đốc là một phụ nữ tóc điểm bạc tên là Rachel.

Trong nhà, ở tầng trệt, có một căn buồng nhỏ dành cho Pervenche và Tania. Bao quanh nhà là một vườn hoa rộng có những con vật, những con gà, những con ngỗng và một con chó to lông xù để Laurent, cậu con trai của Rachel, cưỡi chơi. Thật yên tĩnh, đầy ắp tiếng cười và sự tươi trẻ, như phố Tulipanes thuở nào.

Sáng ra, khu vườn kêu lách tách vì băng giá. Những con ong hút nhụy trên những bông hoa đầu tiên. Chim cổ đỏ trong các bụi cây. Thậm chí thảng hoặc vào lúc rạng đông, một chú họa mi đánh thức những người con gái để kể họ nghe những câu chuyện tình.

Pervenche học lại tất cả, từ đầu. Học nói, học hát, học đỡ dần việc bếp núc, học giặt tã cho trẻ, học sơn lại cửa chớp trong nhà. Nó cùng Rachel đi chợ Brignoles bằng xe ô tô. Lần đầu tiên, nó có cảm tưởng đó là nơi tận cùng của thế giới. Lâu lắm rồi, nó không được thấy phố xá, xe cộ, những con người hối hả và ngó nhìn mình, nó run lên. Nó nép vào người Rachel, và bà bảo nó: “Nào, cháu cần phải đối mặt, cháu cần phải mạnh mẽ!”

Vụ án xử lũ đao phủ của nó đang đến gần. Một hôm, Pervenche phải đi Marseille. Nó gửi Tania cho những người kia, và nó lên đường bằng xe ô tô cùng Rachel. Trong hành lang Trụ sở Tòa án, khi ra khỏi phòng dự thẩm, nó chạm mặt Dax và lũ lưu manh, Sacha, Willie. Dax nhỏ thó, vàng vọt, hẩn nhìn nó không chút cảm xúc, có thể hẩn còn không nhận ra nó. Pervenche khựng lại, tim đập dồn, giống như việc xảy ra cách đây đã lâu lắm, trong một cuộc đời khác. Đó là những bóng ma xám xịt và buồn bã, bị còng tay, đang men dọc những bức tường.

Laurent không đi cùng bọn chúng. Đối lại những thông tin hẩn cung cấp để giải cứu Pervenche, người ta để hẩn được tự do, không giữ lại lời buộc tội chống lại hẩn. Hẩn chỉ là một cậu sinh viên bình thường và nghiện ngập, người ta đã đưa hẩn đi điều trị cai nghiện.

Một tối, ở bất điện thoại Mazaugues, Pervenche gọi về nhà bố mẹ hẩn. Giọng hẩn là lạ, hơi khàn. Hẩn trả lời nhát gừng, như một thằng bé nhõng nhẽo. Pervenche bảo hẩn: “Anh này, em có con rồi đấy.” Một thoáng im lặng, rồi hẩn hỏi: “Tên con bé là gì?” Nó trêu hẩn: “Ai bảo anh đấy là con gái nào?” Hẩn đáp: “Thì em vẫn muốn có con gái, chả phải thế à?” Hẩn nói, giọng càng nhỏ và khàn: “Em có cho anh gặp con một chút không?” Nó nói: “Để xem đã, có thể một ngày gần đây, em chưa biết được.” Nó nói: “Thôi nhé, chào anh, em phải đi đây” Nó nghĩ có thể một ngày nào đó nó sẽ gặp lại hẩn.

Rachel bảo nó: “Nhất là, nhất là, cháu chớ có liên lạc với cậu ta. Đừng bao giờ gặp lại cậu ta, đừng bao giờ quên những gì cậu ta đã làm, cậu ta đã bán đứng cháu để trả tiền thuốc phiện cho mình.” Rachel là người tử tế, nhưng bà ấy hiểu gì về cuộc sống chứ, bà ấy biết gì về lỗ đen mà bạn rơi, rơi tuột vào trong, và tuyệt không có thứ gì hay người nào ngăn được bạn khỏi ngã cho đến khi bạn đã nằm dưới đáy, bệt dưới đáy? Bà ấy biết gì về Pervenche, về những điều chất chứa trong lòng nó, về cái lỗ đen ấy trong nó, và những người khác chỉ là hoàn cảnh cho sự sa ngã của nó, chứ không phải nguyên nhân?

Nó về nhà ở Mazaugues trước khi đêm xuống. Nó đi bộ từ làng về, một mình trên đường, giữa những ruộng nho, vừa đi vừa hút thuốc và nó thấy ngon lạ. Bé Laurent, vẫn cưỡi trên lưng con chó đen to tướng của mình, băng qua cánh đồng xuống đón nó. “Chị hẹn hò với người yêu chị à?” Rốt cuộc, cậu bé ranh mãnh hơn mẹ. Pervenche nói: “Ừ, nhưng em không được kể với ai đâu đấy.” Các cửa sổ ngôi nhà phản lên bầu trời xanh. Pervenche leo dốc cho đến khi về đến căn phòng rộng, nơi mấy đứa cùng trông bọn trẻ. Giữa phòng, bọn chúng dựng một thứ kiểu như đấu trường, có gối dựa, và bọn trẻ lăn lộn, rập rình. Tania ở đấy, cưỡi truồng, đang bò trườn giữa những đứa trẻ khác. Pervenche bật cười, nó cảm thấy thật tự do.

Vào hè, Clémence cùng Paul đi du lịch. Đó là chuyến đi nghỉ đầu tiên của họ kể từ ngày cưới. Một cách tự nhiên, Clémence chọn Mexico. Bay đến tận Mexico, dài lê thê, nhưng chỉ là một chuyến bay. Việc này không như lúc xưa chị đi cùng mẹ, khi Pervenche ở lại Ganagobie với bà

nội Lauro, và họ ra đi để không bao giờ trở lại.

Lẽ đương nhiên, Clémence không nhận ra bất cứ thứ gì. Xe buýt Michoacán chạy trên một đường cao tốc mới, đi qua Via Corta, qua Querétaro, Acambaro, Morelia. Không có những con gà đậu trên mái nhà, hay người Anh-điêng lom khom trên lối đi. Đó là một chiếc xe buýt chất lượng cao có cửa kính sơn màu. Nó không dừng lại ở các làng. Tại thành phố Zamora, cuối đường, là những khách sạn mới có vườn và bể bơi. Có tắc nghẽn giao thông.

Một chiếc taxi thả họ ở góc phố Tulipanes. Đêm đang xuống, nhưng trên phố vắng bóng bọn trẻ. Chỉ có một bà già trên bậc thềm, trước ngôi nhà nơi ngày xưa Chevala đã sống. Clémence không dám hỏi bà điều gì, vì có Paul đi cùng.

Paul bóp chặt tay chị, xao xuyến. Anh hỏi chị: “Đây là nơi em ở ngày xưa à?” Căn nhà nhỏ của bác sĩ Perrine có vẻ bị bỏ hoang. Khoảnh vườn trước cửa sổ nhà bếp cỏ dại mọc đầy. Pervenche tìm nhà Pina, nhà của chúa tể loài ong. Khi chị gõ vào cửa kính, một ông cụ đi ra. Ông gầy hom hem, khuôn mặt hốc hác, ốm yếu. Clémence nói tên mình, nhưng ông không nhớ. Ông hỏi thăm tin tức gia đình cho phải phép. Ngược lại, ông nhớ bác sĩ Perrine rất rõ. Thế còn Pina, còn Rosalba, Carlos Quinto? Ông khoát tay trong một cử chỉ mơ hồ, ông chỉ ra xa, phía bên kia những ngọn núi lửa. Bọn chúng đi rồi, chúng ở phía bên kia, phía Los Angeles, California.

Pina đã đi làm, nghe đâu nó sắp lấy chồng. Carlos thì xung lính. Rosalba và Maira đi học bên ấy. Chúng chưa bao giờ trở lại. Mẹ chúng gửi chút tiền qua bưu điện. Nó lấy một gã Mèo rồi, chúng đang sống trong một căn nhà rộng, sở hữu một chiếc xe mới có cả vô tuyến và máy nghe hát. Ông kể với giọng của một người không tin lắm vào điều ấy.

Vắng bọn trẻ, phố Tulipanes lạnh lẽo và ẩm ướt. Clémence nắm chặt tay Paul. Tất cả giống như là chị đã mơ, các con phố về khuya, các trò chơi con trẻ, Chavela, Beto thẳng chân cừu, Pina, Maira, Rosalba la Guera. Không phải đã sống, mà đã mơ. Cùng những tiếng thét và bài ca, Pervenche đặt vào tay chị một bàn tay nắm chặt, khi những ngọn lửa bùng lên bên vỉa hè, trước mặt lũ trẻ, và trong màn đêm những tia lửa xoáy tròn, bay lên cao, tìm gặp những vì sao.

MỘNG PHIÊU DU

Trong lễ hội mà họ gọi là Ixnextiua, nghĩa là Mơng phiêu du, họ bảo rằng tất cả các vị thần đều nhảy múa, và thế là tất cả những người nhảy múa hóa thân thành các nhân vật khác nhau, những người này thành chim, những người kia thành thú, và thế là có mấy người biến thành chim ruồi, mấy người thành bướm, một số thành ong, một số thành ruồi, những người khác thành bọ hung. Những người khác nữa thì cõng trên lưng một người đang say ngủ, và họ bảo rằng đó là giấc mơ.

Bernardino de Sahagun

Historia general de las cosas

de Nueva Espana

Đêm xuống và cùng với nó là những hoài niệm về các dân tộc du mục, cư dân của hoang mạc, cư dân của biển cả. Hoài niệm ấy ám ảnh tuổi niên thiếu tại thời điểm bước vào đời, và là thần bản mệnh của nó. Cô bé mang theo mình, mà thực sự không hề biết, hồi ức của Rimbaud và Kerouac, giấc mơ của Jack London hay khuôn mặt của Jean Genet, cuộc đời Moll Flanders⁽¹¹⁾, cái nhìn thẳng thốt của Nadja⁽¹²⁾ trên đường phố Paris.

Thật ra, bước vào thế giới người lớn thật khó khăn, khi mọi ngã đường đều dẫn về cùng những lần ranh ấy, khi bầu trời cao vời vợi, khi cây cối chẳng còn đôi mắt, khi các dòng sông hùng vĩ bịt bùng vì những mảng bê tông xám xịt, khi động vật không còn cất tiếng nói và bản thân con người cũng đánh mất các dấu hiệu của mình.

Cô bé mười lăm tuổi thông thả bước lên con đường ánh sáng dẫn cô tới trường, giữa thành vách những tòa nhà, trong tiếng sầm sập của xe tải và xe con chạy giăng giăng mắc cửi. Cô nghĩ: hôm nay, có lẽ vậy, khi mình lên đến đỉnh dốc phía bên kia, đột nhiên sẽ không còn gì ngoài một cái hố lớn đào sâu xuống đất.

Cô bé mười lăm tuổi đi trong đám đông, giữa trưa, như thế cô để trường học lại trong vài giờ, chỉ vài giờ thơ thần đánh cắp của thầy cô dạy toán, khoa học tự nhiên hay lịch sử, địa lý, như thế cô đang ở trên một con tàu han gỉ mà cô nhảy lên trong khi nó đang chạy, con tàu sẽ đưa cô đến đầu kia trái đất, đến hắt những bờ rìa, Le Havre hay Rotterdam, hoặc thậm chí tận Yokohama. Cô bước đi, và dò tìm trong những đôi mắt chạm ánh mắt mình một điều gì đó, một niềm hứng khởi, một lóe chớp, ngay trước nụ cười và những ngôn từ kéo cô về một cuộc sống mới.

Hoặc là giữa đêm, khoác chiếc áo da mua ở tiệm cầm đồ, trên cổ có ghi chữ SCHOTT. Đêm lạnh là một cơn rừng mình trên làn da cô, đêm ánh lên trong tròng mắt biếc của cô, đêm tãi ra những tia sáng, những vì sao, những ngọn đèn đỏ, những cái tên được chiếu sáng bằng đèn nê ông lỏng lẫ mà xa lạ, những cái tên nguy hiểm, những cái tên gầm vang từ sâu thẳm cuộc đời, chúng nói.

THAY ĐỔI

Maccari & Franco

MAY RỦI

CHÂU CHẤU

CÔ ĐỘC

Trái tim cô rộn ràng theo nhịp những từ ngữ từ xa vọng về, những điệu nhạc cuồng loạn. Cô bé mười lăm tuổi dạo bộ một mình trong đêm, dò tìm một bóng hình, một phản chiếu, một ánh chớp. Trong sâu thẳm nơi cô, cái trống trải ấy, cánh cửa sổ đang đập ấy, một ngọn gió thổi, một cơn dơi lướt qua cô, và trái tim cô đập đập dồn, đập dồn. Cô không biết mình tìm gì. Không biết vì sao ngọn sóng trũng xuống, phía bên kia thành phố, và vì sao những cánh cửa vô tận của chân trời mở ra, bên kia những lối dạo và những đại lộ vành đai. Có gì ở đó, phía bên kia? Phải

chẳng nơi đó người ta không chết?

Nhưng hoài niệm về thuở du mục mạnh hơn hết thảy. Tối tối, nó làm trái tim dậy thì chao chác, nó làm bụng cồn cào. Hoài niệm về thời các bộ lạc Arapaho, Cheyenne, Lakota, Texas. Thời ấy không có những bức tường và cũng chẳng có cả những cái tên. Các con số cũng không. Không giấy phép, không hồ sơ lưu trữ trung tâm của cảnh sát, không hộ khẩu, không có những văn tự công chứng, những dấu vết kinh khủng trên cánh tay, dưới gan bàn chân, cũng không có những vết tiêm ở khoé tay, hay tất cả những thứ đó, tem, ảnh, điểm chỉ, những cái vòng nhựa đeo quanh cổ tay trẻ con và mắt cá chân người chết.

Thời ấy, vầng trăng treo chót vót bên trên những ngọn núi, bị tiếng tru của bầy sói đẩy lên. Đêm còn non nớt, nó bắt chợt trào xuống nơi này, nó mênh mông và lạnh lẽo, đồng tử các vị thần lấp lóa.

Cô bé mười lăm tuổi bước về phía những ngã tư, cô cảm nhận được đêm áp sát hai bên thái dương, rịn vào má, ấp đôi lòng tay lạnh toát lên hai mí mắt. Cô nghe thấy tiếng bước chân mình ngân vang nơi thẳm sâu thân thể, cô không rõ mình tìm gì, điều gì đang xâm chiếm mình.

Có lẽ ai đó đang rình rập cô, từ tận cùng bóng tối, nơi góc cửa, chỗ hõm xuống trong sân các tòa nhà. Phía xa xa, những dải đường đỏ ối trôi đi như dòng dung nham. Tiếng sóng băng tần hertz chạm vào nhau rồi dội lại, những con vật điên cuồng, những tiếng kêu gào của ngôn từ âm vọng từ tít tắp không gian, từ tận cùng lịch sử. Ai đó đang đẩy cô đi trên con đường này bằng hai bàn tay tì lên vai cô, ai đó đang đẩy cô và cô không biết nơi nào mở ra cánh cửa của đêm đen.

Bọn trẻ nằm cuộn tròn lại mà mơ màng, chúng là những con nhím mùa đông. Bọn trẻ lắng nghe những con hổ gầm gào và những con sói tru tréo, bọn chúng nhớ rãnh mạch. Có thể nào trong tầng hầm các tòa nhà lại không có những bầy thú hoang thuộc thế giới bên dưới, giống lũ thỏ rừng ăn thịt người chết ngày xưa? Có thể nào trên những khoảng đất chia ô nơi dòng đêm tuôn chảy lại không có màn khiêu vũ của những người du cư ăn thịt ngựa, những thanh kiếm của họ loang loáng ánh trắng, những thanh lao dính ruy băng chĩa về phía sao Sirius? Thứ cô cảm nhận được trên mặt mình là hơi thở họ, sự lạnh lẽo trong cái nhìn của họ, và trong tim cô rền vang nhịp đi của họ, những con ngựa đêm của họ, những cái vuốt ve của họ mơn trớn những ngọn cỏ dập dờn trong gió.

Để nhìn thấy điều ấy, để nghe thấy điều ấy, cô bé ra khỏi phòng lúc nửa đêm, trong chiếc quần jean bó sát và chiếc blu-dông bằng da, bộ áo giáp của cô, cô trượt xuống qua máng nước, cô trốn chạy cái lắng đọng êm đềm của tuổi thơ cô, cái tổ màu hồng cùng những chiếc gối hoa, hơi thở của tuổi thơ cô, những tấm hình và album ảnh chuột Mickey, những chiếc vỏ sò lượm trên những bãi biển đọng nước mưa và những quả thông, cô trốn giấc ngủ đang trôi đi như một dòng sông quá đổi yên bình.

Cô ra đi, bởi vì ở nơi kia, thẳng trước mặt cô, phía cuối con đường dẫn đến trường, bỗng

dung có hồ thắm xa lạ đang vẫy gọi cô, và những cái tên ấy, những cái tên đáng sợ đang rủ rỉ:

MARB MEMO Emporio

Auvers - sur - Ois

BẾN BỜ

Saturne

mỗi từ trong số ấy là một điều sâu kín, một bí mật vo tròn lại, một khoảnh khắc được thả bung ra, và nhảy lên, vọt ra, nhắm nhe trực cấn, một tia chớp.

Đêm lạnh là một thoáng gợn trên da thịt cô. Đêm đen là trang phục của cô. Bầu trời sạt xuống mặt đất, những lưới kéo tháo bung mũi vải, cắt đứt nút dây giày, khóa thắt lưng. Đêm đen trần trụi. Những rào chắn rạp đổ, những chiếc huy hiệu và những lá cờ, những cuốn sách úp tràn chữ và những cuốn được diễn trong đó khắc đầy những quy luật của con người. Đêm đen quây chúng lại, loại bỏ chúng đi. Thành phố trũng xuống như một ngọn sóng xô dào dạt. Móng các tòa nhà trơ ra, người ta trông thấy những thứ đỏ đỏ, bóng nhẫy, lục phủ ngũ tạng. Có một sự căm lạng bóp chết các đồng hồ quả lắc. Có một cơn ớn lạnh thâm nhập người cô, người bạn, một mũi tên xuyên thấu.

Cô bé mười lăm tuổi cảm nhận được đêm đen trên khuôn mặt mình, trên da bụng, trên bầu ngực, từng sợi lông tơ của cô dựng dậy. Mỗi lỗ chân lông là một con mắt, cô cảm nhận được tất cả những vì sao, những ngôn từ, những cái nhìn đang ngóng đợi mình. Bên trái, bên phải, những bàn tay chìa ra khi cô đi ngang qua, cô nghe tim mình nảy ra từ tận cùng không gian, trong cổ họng, trong não bộ, cô cảm nhận được cái lưới thè ra giữa hai đùi mình, thọc xuống tận đáy, đến điểm nóng bỏng nhất, sâu kín nhất, nhức nhối nhất, nơi cuộc sống bắt đầu, kết nối cô với mẹ, với bà, nằm giữa bụng cô nơi mạch máu miên man phập phồng.

Cô không biết hồi ức là gì. Không có gì phía sau cô, không có gì trong tên cô, không có gì trong nước bọt của cô. Chỉ có cái điểm ấy nhức nhối, co thắt, phập phồng. Đêm tối bủa vây làn da cô. Đêm tối rin rít trên các vân tay cô.

Cô không biết cái gì đang theo đuổi mình, cái gì rồi sẽ xảy ra. Cô như nghe thấy tiếng nhạc, văng lại từ xa thẳm. Một phụ nữ da đen hét lên trong đêm, và bụng bà toạc ra, đẩy xuống đất một đứa bé đỏ hồng nhấp nháy như một vì tinh tú. Rồi sữa chảy ra từ bầu vú bà, lan tỏa và vạc một dải trắng trên nền trời, tuôn vào miệng đứa bé đang sống. Và những giờ dằng dằng, cho đến khi ngày sang. Khi mặt trời lại ló ra, đã lại cháy bỏng, chiếc xe caravane lại lăn bánh, những người đàn ông với gương mặt kín như bưng, những đứa trẻ đã lộm khộm, những ông bà lão ỉ eo như những đứa bé con. Những con chim mồi trên trời, những con lửng và cáo giành nhau rau thai đang phơi ra.

Cô bước đi trong đêm, trong bộ quần áo bó sát, đôi mắt cô trở nên khắc nghiệt. Thành phố đầm trũng xuống như một ngọn sóng xô. Cái ác hiện ra khắp nơi nơi, nó lê la trong các hành lang khách sạn của gái làng chơi, trong những phòng khách sang trọng trên những màn hình khổng lồ những bộ phận sinh dục phụ nữ toang hoác như những con sao sao. “Bay lên nào!” “Bung ra!” “Lấy đi!” “Sung sướng thỏa thuê đi!” “Sục sạo đi!”. Những mệnh lệnh vóng lên từ trung tâm xao xác của thành phố, lao mình về phía ngoại vi, lồng lên như những con thú, rền rĩ và gào thét như những con vật trong lò mổ.

Trong đêm, cô bé mười lăm tuổi thấy sợ, cô nghe tiếng bước chân mình, cô cảm thấy hơi thở phả trên làn da mình. Nhưng cô vẫn tiến bước, không rõ mình tìm gì, cái gì tìm mình. Có lẽ là một cái tên, một bàn tay, một mùi con trai, một giọng nói đã thọc đến điểm sâu kín hợp nhất cô với thế gian.

Đó là một bãi đất trống mênh mông dưới ánh trăng. Đêm lấp lánh trên mặt gương. Tiếng những con sói đã đông cứng lại, treo trên những tinh thể băng giá bám ngay mõm chúng. Từ chỗ đứng của mình, cô bé mười lăm tuổi có thể nhìn thấy trái tim lờn lợt đỏ của thành phố. Bầu trời vô hình, nó là một hơi thở. Không có những con quái vật. Không có những sống vắt vương như những bóng ma. Có những kẻ sát nhân và nghiện ngập. Nhưng chẳng có gì thay đổi. Các dân tộc du cư, các dân tộc của hoang mạc cát và hoang mạc biển, các dân tộc của những con đường chạy dưới những đám mây lang thang, tạc những dấu vết của mình thành những đường tròn bằng đá và giọt đồng trên da thịt, các dân tộc đeo mặt nạ linh dương và bước ra khỏi giấc mơ ghìm giữ họ.

Cô bé mười lăm tuổi phải bước vào đời khi rời khỏi căn phòng mình. Cô biết thế. Cô nhìn thấy chúng, cô ngóng đợi chúng. Chúng nằm trong bụng cô. Chúng bước ra từ cái nhìn cô. Chúng là tạo vật của cô. Cô không có tri thức, không có ký ức. Cơ thể cô đánh lại như đêm đen, đôi mắt cô, bầu ngực cô, bờ vai cô, mái tóc như dòng suối huyền của cô. Cô trải mình theo lời thơ Rimbaud. Cô đi trước điều đang trông vào cô, cô đi về phía đang mời gọi cô. Trong bụng cô có cơn đói cồn cào, cơn đói được sống, được nắm bắt, bị tóm lấy, được hoài thai, được khai sinh. Cô lắng nghe trong đêm tiếng kèn kẹt của những chiếc đàn guimbac đang chơi điệu Mejorana, Malaguena, những điệu nhạc nhắc đi nhắc lại tên cô, nhắc hoài nhắc mãi. Cô là mình. Cô thuộc về các dân tộc du cư thuở xưa, các dân tộc của sa mạc biển sa mạc cát, các dân tộc của hang hốc, của thung lũng, các dân tộc của rừng của sông.

Cô lướt nhẹ trong đêm, cô tự do. Cô ra đi.

KHÁCH SẠN CÔ LIÊU

Với Eva, đó là ký ức về một cuộc đời khác, một thời vô định. Bà đã ở khách sạn cả cuộc đời, ngao du trên những con tàu lao mình phiêu lưu trên biển, chuyển từ bến này sang bến kia, giữa Venice và Alexandrie, hay trên biển Cortés, đi từ Topolobampo đến La Paz. Bà đã nếm trải hết thấy, tình yêu và hội hè, khi đứng dịp lễ tết, của cải, danh vọng phù du tựa hồ một làn khói, rồi tất cả tan dần từ thành phố này qua thành phố khác, trong những đại lễ hội tầm thường cùng những chàng tình nhân đặt hàng, và giờ đây bà là một mục già cô độc, của cải còn lại duy nhất là những kỷ niệm.

Trong các căn phòng trọ này, khi sang trọng lúc nhợt nhạt, có điều gì vừa huy hoàng vừa thảm hại, giống như phản chiếu quá đà của cuộc đời. Cuộc phiêu du không gì ghìm lại được, cái cháy bỏng của mối tình không còn nữa, sự xóa nhòa những gương mặt, sự rút lui triền miên khỏi cuộc đời, một niềm cay đắng tao nhã. Giờ đây, trong căn phòng này của khách sạn Almunecar, cái tên gần như được bà đặt ra, ngay từ đầu đã đợi sẵn bà, bà hồi tưởng tất cả những gì mình từng biết đến, tất cả những gì mình đã trải qua. Cái mà bà ưa thích hơn hết thấy là hòa mình, bên dưới những bậc thềm, vượt quá cầu tàu, vào sự náo nhiệt của các thành phố. Chúng thật xa khác, mà cũng giống nhau làm sao (tiếng xe ngựa ở Mérida, đám đông ở Constantinople, sự huyền ảo của Tokyo). Để không lạc lối, bà đặt lên bàn cùng những quyển sách ấy, mở sẵn. Mỗi ngày, bà lần dở một trang *Ấn tượng Phi châu*(13), *Nadja*, hay *Tho*(14), chừng như là để làm phép tống xuất cái chết. Bởi bà nghĩ đến chính Raymond Roussel, đến thi thể lạnh toát mà cứng đờ mà gia nhân khiêng đi xa, sao cho căn phòng vẫn phẳng phiu như thế, siêu thực như thế. Bà nghĩ đến chàng thanh niên người Montevideo, đến gương mặt thiên thần nhợt nhạt ngửa lật ra trong căn phòng vô danh. Nằm dài trên cái giường đôi, bà mơ màng nhìn lên trần nhà nơi khói thuốc của bà vẽ ra những con chữ không thể luận ra.

Ký ức về một thế giới khác, thế giới bà đã đi qua mà không trông thấy, mắt lóa vì những tấm gương. Nơi đây, lần đầu tiên bà cảm thấy mối nguy hiểm tiềm tàng trong cái tầm thường của cách bài trí, những tấm màn ni lông mắc vào thanh sắt, những chân nến, những bức tranh minh họa vẽ hình cối xay gió, dòng sông, con tàu. Bây giờ, khi tất cả đã vượt trôi (và chính bản thân bà đã tự lùi khỏi tầm với), chỉ còn lại cái rừng mình tuyệt diệu trước hiểm nguy, những tiếng gõ khê khàng vào cánh cửa, như tín hiệu yêu đương cho một cuộc hẹn buổi chiều tà. Bà trở dậy không hối hả, đi chân trần trên sàn nhà lát đá, ra tận cửa. “Trà của cô đây, thưa Cô(15)”. Cậu bé phục vụ tăng trưởng giống Nathan, cậu ta có cùng một cặp mắt hình hạnh đào ánh lên một tia sáng vừa ngọt ngào vừa bạo liệt. Đặt khay lên chiếc bàn thấp cạnh cửa sổ, cậu đi ra, nắm trong tay một vài tờ tiền. Vậy là chẳng còn gì phải vội vã, bà không còn bị đòi hỏi gì nữa, trừ cái giá của sự cô quạnh. Thứ của cải duy nhất bà nhận được từ cuộc đời, đổi lại những ảo vọng về cơ thể bà, âm thanh của giọng nói bà, ham muốn mà đàn ông tưởng là đọc được từ trong cái nhìn của bà.

Eva nhớ những ngày ở khách sạn Washington, nhớ Colón, cùng Nathan, những ngày miên man ngắm biển, những con tàu thả neo ngoài khơi đợi đi qua kênh đào. Cùng nhau họ phiêu lãng trên những con phố của thành phố xám xịt này, lắng nghe những dàn nhạc chơi điệu pindin, ngắm nhìn các nữ tu nhảy múa trước cửa điện thờ, trước những lá cờ tam giác rực lửa và những mâm cúng hoa quả. Rồi họ trở về lúc rạng đông, và cái khách sạn lớn giống như một con tàu gỗ, rặng rắc trong gió đại dương trước khi vượt qua eo biển. Nhiều năm sau, Nathan đã mất, còn bà chưa từng trở lại Colón. Tại Buenos Aires, từ trên phòng suit của mình ở khách sạn

Revolución, bà ngó xuống dòng xe, nghe thấy tiếng ồn ào những vụ đụng xe, tiếng còi hú của cảnh sát. Bà lang thang trên phố, đến tận quán bar Corrientes, như thể bà đang đi gặp Onetti. Hay ở Conlima, khách sạn Casino, ngồi dưới quạt, trong cái lối vào hun hút có những cây nhựa làm cảnh, bà vô vọng ngóng chờ được trông thấy bóng dáng nặng nề và khế ngập ngừng của Rulfo.

Còn lại gì, ở nơi này, Almunencar (Costa Bananas)? Trong tất cả những căn buồng này, trong những phòng khách này, những quán bar và những sảnh lớn này, là thời gian mà bà đã không biết nắm bắt. Thay vào những bức ảnh hay đồ mỹ nghệ, bà thích đặt vào cái đĩa chén một loại quả, một quả táo, mà ngày qua ngày bà nhìn nó già đi và nhăn nheo lại như một khuôn mặt đàn bà.

Những trao đổi nhẹ bồng với ông gác cổng, với người trực đêm, “Thưa Cô, cô ở lại cùng chúng tôi có được lâu không? - Các bạn thương mến tôi có đủ không?” “Mùa mưa sắp đến rồi, mùa-chết - Vậy thì đó là mùa của tôi.” Bà yêu thích hơn hết thấy những thành phố sống theo nhịp điệu của khách du hành: Chichester, Étretat, Biarritz, Syracuse, Tanger, Alexandrie. Ở đây, tại Almunecar, khách sạn Cô Liêu, Eva không còn sở hữu bất cứ thứ gì, thậm chí không còn đủ tiền để tiếp tục sống. Chỉ còn lại những kỷ niệm lằng lằng ấy, ảo tưởng về cuộc trở về vĩnh cửu, và niềm tin mơ hồ về sự tất yếu sớm phải ra đi, mãi mãi. Người ta không lựa chọn gì cả. Chỉ thế thôi, một vài tiếng gõ nhẹ nhè nhẹ vào cánh cửa căn buồng, sự yên ắng, rồi một thi thể lạnh ngắt, đã cứng đờ, mà người ta mang về miền quên lãng, và trong cầu thang, thiên thần mặc màu trắng trông xuống bằng đôi mắt ưu tư và tàn bạo. Và, trên một chiếc bàn bị bỏ quên nọ, chông chờ một tách trà vô dụng.

BA NÀNG PHIÊU LƯU

Sue

Ngày nó tròn mười sáu tuổi, Sue bỏ đi khỏi nhà bố mẹ. Nó sống tại một thành phố nhỏ thuộc miền Đông Bắc nước Mỹ, hãy cho là Moline, ở ngay một khu trung tâm có hiệu tạp hóa, có những cửa hàng bán đồ câu, một café-bar, City Hall⁽¹⁶⁾, trường học, và mỗi đầu phố là một trạm sửa chữa, đầu này là Chevron, đầu kia Shamrock, trạm này chuyên sửa chữa lốp, trạm kia chuyên về cơ giới nông nghiệp John Deer. Nó sinh ra tại thành phố này, sống hết mười sáu năm giữa nhà bố mẹ (nơi chỉ có màu tắm tắm là thay đổi một lần) và trường Saint John. Nó từng có những cô bạn gái thân thiết, và ở tuổi mười ba, khi chớm có kinh, nó bắt đầu hẹn hò với con trai. Bố nó không thích thú gì chuyện này, đặc biệt là cậu bạn trai tên Eddie, mà ông thấy hỗn hào và có phần lưu manh. Một hôm, khi ông gọi cậu ta là kẻ vô tích sự, Sue đã vặc lại và bị ông cho một cái bạt tai, nhưng không phải vì thế mà nó quyết định ra đi. Đó là vì thế giới thênh thang vô tận, còn Moline lại quá chùng chật hẹp. Đó là vì con đường độc nhất rạch giữa đồng bằng như một lối đi cho người ngoài hành tinh, và tiếng xình xịch ám ảnh của những đoàn tàu băng qua trong đêm, tiến về phía vô định. Thời đó, Sue đã là con người đúng như tôi vẫn biết, một cô bé phổng phao và mạnh mẽ, tóc vàng óng, có một cái nhìn bộc trực và một hàm răng hoàn hảo. Nó giống mẹ, nhưng cuộc sống đã làm cha mẹ nó mòn mỏi đi, dẫu rằng học không hẳn phải lo toan nhiều nỗi, giống như những cái cây cứ thế rần reo lại và cần cội đi.

Nó lăm lè không nói. Họ cũng làm thình. Chỉ có điều, ngày nó tròn mười sáu tuổi, vẫn vì chuyện muôn thuở, bố nó làu bàu: “Nuôi mày tốn quá, phải tìm việc mà làm đi.” Thế là Sue vớ lấy túi xách, nhét số tiền chắt chiu được vào túi quần, và ra đi. Nó không hé với ai một lời, kể cả Eddie. Nó có gì để nói đâu. Nó bắt một xe ca hãng Greyhound ở Chicago và đi về hướng đông, bởi đó là nơi người ta tìm được công ăn việc làm. Nó làm việc một năm ở Philadelphia, nhân viên phục vụ trong một tiệm cà phê. Nó thích cuộc sống ấy, nhưng nó gặp trục trặc với một gã, thế là nó lại xách túi và đi về hướng Nam, đến Atlanta. Nó đã làm trăm thứ bà già, thu ngân trong một tiệm tạp hóa, thậm chí cả bán hàng trong một tiệm bánh mì Pháp. Sang tuổi mười chín, có chút giắt lưng, nó thêm gặp lại bố mẹ. Nó bắt một xe Greyhound và sau một đêm thì đến Chicago. Suốt đêm nó đợi xe đi Moline. Vẫn buồn thảm như thế, những phòng đợi ấy, có những gã sếp lại, tìm cách tấn công nó, ăn nói cợt nhả. Từ bấy đến giờ, nó đã biết cách tự vệ. Ở Atlanta, một đứa con gái da đen làm cũng ở quán cà phê đã cho nó một thứ, con dao rọc giấy để trong túi xách, bên cạnh bao thuốc lá. Nhưng nó chưa bao giờ cần dùng đến. Xe ca khởi hành lúc 8 giờ, 9h25 nó về đến Moline. Trời mưa. Nó thả bộ trên con phố lớn, nó vẫn nhớ mọi thứ như in. Phải nói là không có gì đổi khác. Trừ quán cà phê nơi nó đã quen Eddie. Bây giờ, đây là một cửa hàng bánh kẹo. Nó mua kẹo gồm và đi quá City Hall thì sang đường. Căn nhà nhỏ màu trắng của bố mẹ nó vẫn đấy, với sườn dốc trồng cỏ và cây thông xanh úa vàng vì phân bón. Nó nghe thấy tiếng tivi trong bếp, chỗ mẹ nó vẫn ngồi nhâm nhi cà phê với mái tóc quăn lỏ. Khi nó nhân chuông, có một tiếng sửa rền từ bên trong cánh cửa, và Sue đã nghĩ: “Chà, giờ họ còn nuôi cả chó cơ đấy?” Một giọng nói bảo: “Có việc gì thế?” Không phải giọng mẹ nó. Sue nói tên mình, rồi tên bố mẹ. Qua cánh cửa, người phụ nữ nói vọng ra rằng những người ấy đã chuyển đi một năm trước và không để lại địa chỉ. Nhưng chẳng ai hay họ đi về chốn nào. Sue loay quanh trên phố một lúc mà không biết phải làm gì. Bởi trời mưa, và bởi đầu sao cũng chẳng còn gì để làm nơi này, nó trở lại bến xe và bắt chuyến đầu tiên đi Chicago. Từ đấy, nó lên đường hướng về phương Nam.

Rosa

Thuở bé, ở Zamora (bang Michoacán, Mexico), Rosa đã sớm biết rằng mình không giống mọi người. Ở trường của các xơ, có những đứa con gái mặc cùng một bộ đồng phục, váy và áo gi lê xanh nước biển, tất trắng, áo khoác xám. Nhưng chúng không thuộc về cùng một thế giới. Chúng mang họ Hernandez, Acevedo, Gutiérrez, Lopez, Ayala. Chúng có đủ thứ tên, Leti, Chavela, Lourdes, Araceli, và thậm chí cả Barbara, hay Cathy, khi bố mẹ đi nhúng ướm vai mình ở dòng sông rio Grande⁽¹⁷⁾. Rosa không trách cứ việc chúng là người như thế, nó nhìn chúng không lòng trắc ẩn mà cũng chẳng thù hằn. Nhưng thiện cảm cũng không. Nó không tài nào quên được. Các bà cô nó luôn miệng nhắc đi nhắc lại: Đừng làm điều này, chớ làm điều nọ. Cháu là một người nhà Verduzco. Cháu không được nói thế, một người nhà Verduzco không bao giờ ăn nói như thế. Những kẻ mà nó thêm thường nhìn theo, mỗi buổi tan trường, là những đứa trẻ tung tăng ra nô đùa ngoài zocalo⁽¹⁸⁾, hoặc tối tối tụ tập trong khu vườn nhỏ của nhà thờ San Francisco để gặm mía và mút kẹo cay. Nhưng nhất là nó rình xem, từ trong vạt váy đen của các bà cô, những đứa trẻ nghèo khổ rách rưới, phi nước đại qua phố hết lũ mèo hoang, cảnh sát rượt đuổi sát sạt sau lưng. Những đứa đi hoang, những đứa ăn cắp vặt. “Bọn vô lại! Bố nó bảo. Mầm mống sát nhân.” Thỉnh thoảng trước mặt Rosa, một đứa trong bọn chúng đi ngang qua, tay bị cảnh sát kẹp chặt, mặt xám ngoét, đôi mắt quắc lên như lưỡi dao, chẳng hiểu bị người ta dẫn đi đâu, đến một trại giam, nơi ấy, Mexico, thủ phủ của mọi thói hư tật xấu. Ý tưởng đã nảy sinh trong nó như thế. Nó không hề hé răng với ai, nhưng nó miên man nghĩ về điều đó, và ý tưởng lớn lên cùng nó, trở nên sôi sục hơn, rõ rệt hơn. Một ngày kia nó sẽ có con. Nó sẽ không có những đứa con cùng các ông chủ, các công chứng viên, nó sẽ không có những đứa con rồi mai đây sẽ trở thành bác sĩ, dược sĩ hay người bán dâm. Không, chính bọn chúng sẽ là con nó, những đứa bé vặt trộm rau hái trộm quả đen nhẻm đen nhẻm, đầu bù tóc rối và ốm quặt queo như những con mèo hoang, chúng, những đứa chỉ biết tuôn ra những lời tục tằn, báng bố, những đứa có khả năng dối trá, trộm cắp, thậm chí cả giết người nữa. Ở tuổi người ta là thiếu nữ lo kiếm tấm chồng thì Rosa lùng tìm những đứa trẻ lạc. Trong một căn nhà cũ lụi xa khỏi mặt đường, cô đón mười, rồi hai mươi, rồi năm mươi đứa trẻ. Hôm nay, bọn chúng đã hơn ba trăm. Cô dạy bọn chúng học, cho chúng cái ăn, cái mặc và một vị trí trong nền cộng hòa thiếu nhi ấy. Cô dạy nghề cho chúng, cô chỉ bảo chúng về kỷ luật, trách nhiệm. Cô trao cho mỗi đứa một cái họ, cái họ Verduzco quý hiếm kia. Cái họ uy thế, giàu có kia. Rosa là người mẹ độc nhất của mấy trăm đứa con bị quăng lên vỉa hè Mexico, Morelia, Guadalajara. Những phường trộm cắp, những “mầm mống sát nhân” ấy. Những đứa trẻ hít mùi xi măng ấy. Bị cảnh sát tóm như những con chó hoang, ra tù để nhập vào “Đại gia đình”. Có chúng, Rosa chẳng sợ một ai. Khi nhả túi, bà lái xe tải con dạo khắp các con phố của thị trấn Bajío và dùng loa công bố tên những người chưa quyên góp, những *pendejo*⁽¹⁹⁾, những kẻ tiểu tư sản hà tiện. Những ngày Fiesta Patria⁽²⁰⁾, đội quân cùng khổ của Rosa diễu hành trên phố, trong những bộ đồng phục bạc màu. Rosa có nhớ cái thời bà rúc trong vạt váy đen của các bà cô rình xem những đứa trẻ lạc, bà có nhớ về lòng quyết tâm của mình, về cái sức mạnh đã nhập vào bà và chưa từng rời bỏ?

Alice

Alice sinh ra vào cuối thế kỷ trước, trong một gia đình phong lưu và đầm ấm. Bà yêu cha mẹ mình theo cách người ta không yêu được ai hơn thế, người mẹ thanh lịch và kín đáo nhường ấy, người cha gầy gò, nghiêm cẩn, lạnh như đất và lơ đãng nhường ấy. Khi bà còn bé, gia đình lâm vào cảnh lụn bại. Chuyện xảy ra trên đảo Maurice, cách xa âm vang của Thế chiến thứ nhất, như trong một thế giới khác. Người này nối tiếp người kia, các anh em trai Alice lần lượt ra đi. Họ đi học ở Luân Đôn, ở Paris. Họ ngao du đây đó. Họ lập gia đình nơi xa. Còn bà, Alice, bà ở lại đảo. Có người em gái, yếu ớt, bệnh tật. Có cha bà, mẹ bà, nhu mì và bị đè nén. Sau khi sạt nghiệp, họ tìm được nơi nương náu trong một căn nhà dễ chịu, kề bên Phoenix, trên một rẻo cao nhiều mưa. Alice yêu say cuộc sống, tinh thần, thơ ca. Bà còn hơn cả thông minh, bà xuất chúng. Khi nói về tuổi trẻ đã qua đi chóng vánh, bà bảo: “Mình đã từng hò hẹn, mình đã từng có tình nhân.” Bà cũng bảo: “Đến nước Pháp là một giấc mơ.” Dẫu vậy, bà đã biết mình sẽ không thể sống cuộc đời của mọi người. Bà nhìn thấu điều ấy. Bà sẽ không cưới chồng, bà sẽ không sinh con. Bà, người muốn thoát khỏi đảo xiết bao, tìm biết thế giới, thăm thú Paris, say sưa với cuộc liên hoan của tinh thần mà bà mường tượng nơi đó, những công trình, những bảo tàng, những khu vườn, âm nhạc, bà đã biết ngay rằng đó sẽ chỉ là một giấc mơ. Cuộc đời chỉ là một trò tung hứng, số phận bà đã rủ, bà không thể không công nhận nó. Cuộc đời: em gái bà, cha mẹ bà, cái thế giới mong manh và dễ sụp đổ này, ở đó bà là người đốc canh duy nhất. Bởi không thể sống tận giấc mơ của mình, Alice đã lựa chọn không quay lưng với số mệnh mình, dẫu chỉ để có một khoảnh khắc hạnh phúc. Những người khác sẽ vui duyên chồng vợ, sinh con đẻ cái. Những ngôi nhà đầy ắp âm thanh và hoạt động, ý ngông và hội hè. Ai mà muốn có người con gái nghèo khổ và thông tuệ, khác biệt đến thế đây? Với mọi người, Alice đã hóa thân thành hình ảnh bà muốn đưa ra về chính mình, một phụ nữ cao dong dỏng, có gương mặt cương nghị, cái nhìn buồn bã mà thấu tỏ, quanh năm ăn mặc khắc khổ, và biết cách nắm bắt thần thái của những người sống cùng thời với mình, những người đàn ông và đàn bà nực cười trong sự yếu đuối và trong cuộc mưu cầu hạnh phúc của họ. Năm tháng trôi đi không chọc thủng được lớp áo giáp ấy, không làm suy chuyển được sự mãnh liệt trong cái nhìn ấy. Những năm khủng hoảng, nỗi khát thèm của kẻ giàu sẵn lòng hy sinh thế giới để cứu vớt quyền lợi của mình, chiến tranh, cơn hoảng loạn của những người cứ luôn miệng lắp bắp: “Bọn Nhật đến! Tàu của chúng kìa!” Sự khốn cùng của bọn trẻ, những người phụ nữ bị bỏ rơi, những con chó chết đói, mà bà cùng chia sẻ những thứ ít ỏi mình có. Những người ung thư mà bà giúp ra đi. Cha mẹ bà đã khuất bóng, người em yêu dấu của bà cũng không còn nữa, vì những khốn khó do chiến tranh. Họ đã là phần ngọt ngào nhất của Alice, niềm vui của bà, tấm lòng dịu dàng vốn là bí mật duy nhất của bà. Xung quanh Alice, mọi người mòn mỏi đi, đến lượt mình họ trở nên mong manh. Sự yếu ớt của họ chính là nơi Alice nhìn ra phần thánh thiện ở họ. Nỗi cô đơn thăm thẳm là sức mạnh của bà. Chính bà là người giữ cơ thể mình vươn thẳng và mạnh mẽ, bất chấp thán năm, chính bà là người mang lại cho đôi mắt mình tia chớp cuộc đời. Tia sáng nằm trong bà, như nguồn cội của thứ ánh sáng đã cho phép bà nhận ra vẻ đẹp siêu nhiên trong những điều phù phiếm của cõi đời, và không bao giờ quay lưng với sự cần cỗi vô phương cứu chữa của dòng giống con người. Trong ba “nàng phiêu lưu” ấy, tất nhiên rồi, Alice là người khiến tôi vương vấn hơn cả.

KALIMA

Ô Kalima, con đường nào em đã đi theo cho đến cái ngày tháng Giêng năm 1986 ấy, khi em ở trần nằm thõng thượt trên nền đá cẩm thạch lạnh lẽo của nhà xác, trên người phủ một tấm ga trắng uốn theo đường lượn và chỗ hõm của thi thể em, che mặt em đến trán, chỉ để hở mái tóc em đen nhánh, dày dặn, bông bông, vẫn tràn trề sức sống, và đôi bàn chân cân đối, móng đánh đỏ màu son, cùng một cái nhẫn ép nhựa cứng, được cột vào mắt cá chân trái em bằng một vòng dây sắt, mang tên em, tuổi em, nguồn gốc em, và ngày em qua đời, những ký hiệu và con số ít ỏi mà người ta biết được về em.

Ai còn nhớ em, khi em ở trên con tàu cập bến tại cảng Marseille? Tiết trời lạnh, hình như em mặc đến hai cái áo săng đay len, cái này lông ngoài cái kia, bên trong áo mưa, dưới làn mưa lất phất trên các bờ kè và các tòa nhà hải quan. Chỉ cách đây có hai năm thôi, thế nhưng với em đó là cả một vịnh hằng, những năm đằng đẳng đến nỗi có thể dài bằng cả một cuộc đời, đến nỗi lần cập cảng ấy, trong làn sương mù, đã nhòe đi, lẫn vào những năm đầu của cuộc đời em, nơi ấy, phía bên kia biển.

Cái thành phố màu trắng, bên bờ biển, với tiếng huyên náo của phố phường, chuyển động của đám đông, những khu chợ ngoài trời nơi lũ trẻ và bầy dê vật vờ, những ngã tư ngồn ngộn xe tải, xe ba gác, tải, mùi đồ ăn bình dân, mùi dầu nóng, cá rán, mùi hoa quả úng.

Hồi đó, đôi khi em buộc phải nhớ lại, trong cái lạnh của con đường men theo bờ biển, với nào xe ô tô, có đến hàng nghìn chiếc chạy trước em, nào những cái nhìn lén lút của bọn đàn ông, nào tiếng ồn động cơ. Chốc chốc, một chiếc đi chậm lại, và em dõi theo nó, rồi em rẽ phải vào phố X..., vài phút sau nó đã lại chạy trước mặt em. Phải chăng các thành phố không giống nhau? Chúng là những con phố, những ngã ba ngã tư, những chiếc xe vượt lên,, những cái nhìn khắc khoải.

Mùa đông thật khắc nghiệt với em. Em mặc hai áo săng đay cái này choàng ngoài cái kia, nhiều khi đến ba cái, dày cộm, bằng len thật, cổ dựng cao. Trùm ra ngoài tất cả em có chiếc áo len chui đầu bằng lông dê màu tím pha đen, cổ lộ cao hơi chõe ra, làn da em ánh một màu hổ phách ấm áp, màu bánh mì nấu ướp hương, như anh bạn Bruno của em vẫn hay bảo. Bruno là người quần đảo Antilles. Anh có làn da đen gần như ánh xanh, và anh luôn luôn cười thích thú vì em, cô bé châu Phi, tóc còn sáng sủa hơn anh, và mái tóc em thật bông bông, thướt tha và dày dặn, tóc của người Ấn Độ.

Đây là vì mẹ em là người Cam-pu-chia, em bảo Bruno thế. Trước đây nữa thì hình như có một ông Da trắng, một nhà buôn Tây Ban Nha, hoặc cũng có thể là Bồ Đào Nha. Bruno thích đọc ra tất cả những gì có nơi em, anh đúng là người bạn tâm giao của em, anh ưa tìm trên làn da em tất cả những gì đến từ hang cùng ngõ hẻm của thế giới, từ Trung Hoa, từ tận cùng châu Phi, cả châu Âu bằng giá nữa, trong đôi mắt em trong trẻo, trên cổ em thông mảnh. Anh làm một chân viên chức bệnh viện. Có thể anh ở đây, khi em đến, lần duy nhất, trên một chiếc băng ca đẩy, với máu đã khô trên ngực, kết thành một mảng đen làm áo xăng đay dính bết vào nhau. Có thể anh đã nghe thấy những lời đùa cợt của các bác sĩ nội trú, khi họ cởi áo quần trên di hài em.

Khi ấy trên da em không còn màu hổ phách, không còn ánh mặt trời, mà chỉ một màu xám xỉn của cái chết, và màu đen của máu khô.

Điều trở lại trong trí nhớ em là con phố tuổi thơ em, chuỗi ngày đơn độc, những buổi sáng

khi em uống cà phê trong một cái quán bán kèm thuốc lá đối diện với nhà trọ. Nó không quá xa xăm, con phố ấy. Nó chỉ cách quãng độ ba hoặc bốn năm, đã qua đi thật nhanh kể từ khi em đến Marseille, trên con tàu xuất phát từ Tanger.

Có toàn bộ tiếng ồn ấy, toàn bộ đám người ấy. Tất cả những kẻ đã “đi qua trên bụng em” như em vẫn nói, không phải với Bruno, vì anh không bao giờ dấn động đến chuyện này, mà với bọn con gái ở quán bar Forum, Cathy, Gisèle, Mado, Céline, Raissa, Hélène người Antilles, lúc em cùng họ đứng dưới ánh đèn nê ông mùa đông, em và họ uống cà phê trước khi ra đứng đợi trên vỉa hè. Toàn bộ tiếng ồn ấy, những cái nhìn ấy, những đốm sáng phát ra từ những chiếc xe, tiếng máy gầm rú và tiếng bánh xe nghiêng lạo xạo trên đường nhựa.

Bây giờ trong cái lạnh lẽo của nhà xác, thân thể em bất động, trần trụi, câm lặng, dưới tấm ga cứng lại vì đá lạnh, đôi mắt em nhắm chặt đến nỗi tưởng chừng hai mí mắt bị khô lại, và em không còn biết gì về cõi đời nữa, cõi đời của chúng ta, em trôi ra xa, như được một cái bè chở đi, trên một dòng sông băng, em lùi xa, mờ dần. Giờ đây, thế giới còn lại gì? Còn lại kỷ niệm nào về thời đại này, về thành phố này? Con đường thăng thang chạy ven biển này, bức thành những tòa nhà không thể xâm nhập, những khung cửa kính rộng, những ban công vắng tanh nơi những cây mỏ hạc run run trước gió, những cây cộ bị khí ô xít các bon gặm mòn, bãi biển bao la trải đều sỏi trên đó những con mòng biển kêu khào đi lại, co ro vì lạnh, và những chiếc xe ấy, không tên, không số, nối sát đuôi nhau, giống đám vảy trên mình một con rắn kim loại loằng ngoằng cứ vừa trườn vừa rung lên.

Kỷ niệm nào đây? Thành phố màu trắng nơi em ngóng đợi con tàu, một mình, giữa những người di cư khác, đi qua cầu tàu, trong tiết trời se lạnh cuối hè, cuộc đến dưới cơn mưa, và người đàn ông ở bất cảnh sát chòng chọc nhìn em dò xét, đọc giấy tờ của em, những bức thư của chị em đang làm việc trong một khách sạn Marseille, khuôn mặt chị em, phía bên kia cửa kính, người chị ép sát vào người em, những bước đi đầu tiên trong thành phố, dưới mưa, ban đêm, đã có những ánh đèn pha, những tiếng còi xe. Rồi quãng thời gian khám phá thế giới mới lạ ấy, cuộc sống mới mẻ ấy, việc làm trong các quán ăn, những tiệm cà phê, vòng xoáy của đồng tiền, nỗi cô quạnh. Khi đó em đã biết em sẽ bị cầm giữ, em sẽ không thể nào ra đi nữa, không thể nào quay trở về thành phố của em nữa, về với quảng trường chứa chan ánh nắng, với những con phố nhỏ vắng tiếng đài phát thanh, tiếng kêu của bon trẻ, tiếng gáy khàn khàn của lũ gà trống. Có lẽ em còn nhớ, tuyết đã rơi vào mùa đông ấy, mùa đông đầu tiên, đó là lần đầu tiên em chạm vào tuyết. Em chạy ào ra phố, hôm đó là một ngày Chủ nhật, em ra khỏi căn hộ chật chội trên phố Génie, và em chạy ù về phía doanh trại, em đi dưới đường tàu hỏa trên cao, và em đến tận nhà máy thuốc lá, để được nhìn những bông tuyết xoáy tròn trong ánh mờ tỏ của những ngọn đèn đường. Em bị lạnh cóng, em mặc nhiều lần áo len, và em tung tăng trên con phố vắng ngắt, để cảm nhận những vết châm của tuyết vào má, vào mí mắt. Đó là lần đầu tiên.

Không bao giờ em còn có cảm giác đó nữa: trẻ trung, phơi phới, khám phá tuyết, say sưa vì một điều bình dị nhất mực, tự nhiên nhất mực. Rồi chị em bỏ đi, một hôm chị biến mất, không để lại địa chỉ, chị đã xếp đồ của mình vào một chiếc va li rồi rời khỏi nhà, và em trơ trọi ở đời, nhưng em không thể quay lại được nữa, không thể vùng thoát được nữa. Em bắt đầu qua lại với đàn ông, ở quán bar, trong khu nhà ga, điều này đã được mặc định và viết ra, không thể đảo ngược. Lũ ma cô túm lấy em, chúng đánh đập em, hiếp và đánh em trong một phòng trọ, dúi

đầu thuốc lá lên bụng em, ngực em, làm thành những vết tích không thể xóa nhòa, như những bông hoa cháy sém trên làn da hổ phách của em, những dấu vết không thể gột tẩy trong lòng em.

Sau đó, không còn gì đáng kể nữa, không còn gì thay đổi nữa, chỉ có những tên phố, những tên quán bar, những phòng trọ, lúc ấy mùa đông đã tàn. Khi tiết trời ấm lại, có lẽ em mộng lung nhiều hơn về cách mọi thứ diễn ra, ở nơi ấy, trong thành phố màu trắng của em, những âm thanh và tiếng kêu trên quảng trường, nơi làn gió bông rang của sa mạc đi qua, tiếng gọi cầu nguyện của thầy cả trong ánh chiều vàng rực, những đứa trẻ chạy theo mê cung các phố nhỏ, những con chim, những con ong vò vẽ xung quanh các đài phun nước. Có lẽ điều đó đến từ gió biển lồng lộng trên cây cầu cổ kính và em như cảm thấy một cơn sốt mới chớm đến quấy động sự mịt mùng của đời em, gợn trên làn da em đã chai cứng, đã tê dại. Có phải để trốn điều đó mà em đã rời bỏ thành phố ấy mà đi lên phương Bắc, đến những thành phố mùa xuân, xa xôi, lạ lẫm, những thành phố khổng lồ có hàng nghìn người cũng cảnh ngộ với em, những người con gái lạc lối, những đứa trẻ lầm lạc, những người đến từ mọi ngả và đi về nơi bất định, có phải để không nghe thấy gì từ quảng trường của em, từ con phố bụi bặm của em nơi em chào đời, đã bay nhảy cùng anh chị em, để không còn cảm thấy cơn rùng mình, cái lợn gợn ấy? Nhưng chính bọn chúng lại túm được em, những kẻ đã đánh em, hiếp em và bán em trong những phòng trọ, chính chúng đã dắt em đến cuối đất cùng trời, Luân Đôn, Hambourg, Munich. Từng ngày, từng đêm, từng giờ, em ở ngoài phố. Trời nóng hầm hập, đám đông loạng choạng đi dọc vỉa hè, bu lại quanh lũ con gái. Ban đêm, những ngọn đèn nê ông thiêu đốt gương mặt họ. Bọn đàn ông đến, không nói một lời, họ chồm lên sau em, họ thọc sâu vào trong em như vào một da thịt đã chết, rồi họ lại lảng lạng ra đi, còn tiền ở lại. Ô Kalima, bao nhiêu đàn ông đã biết đến em? Nhưng hàng nghìn lần, em không ở đó, em ở nơi khác, em không mơ, mà đậu về một thân hình khác. Có lẽ đôi lúc em đã trở về nơi ấy, con phố cát bụi và lấp lánh của em, trong căn nhà đóng ván chặt chội có mái tôn uốn lượn nóng hầm hập dưới ánh mặt trời như nắp lò nướng, hay gần một đài phun nước nơi những người con gái có đôi chân trần nhún nhảy theo tiếng nước róc rách tuôn vào thùng nhựa. Có lẽ...

Năm tháng dần xa, tan loãng. Người ra đi trên con tàu ấy, xuyên Địa Trung Hải, về cảng Marseille không còn là em nữa. Đứng trên boong một con tàu trắng lưng lửng bụi bám đầy đang lùi xa về phía chân trời sương phủ, về phía bên kia cuộc đời chính là thành phố quê hương em, khu phố em, những người bạn gái của em, các anh em trai của em, mẹ em. Họ đi, mang theo sự chào đời của em, tên em và tuổi thơ em, những bí mật, tiếng cười, những bài ca rền rẹt trong những chiếc đài, mùi cà phê và rau mùi, mùi các khu chợ và lũ dê, mùi cuộc sống. Họ đi, họ rời bỏ em. Một hôm, em đã biết ra. Em phát hiện ra rằng mình bơ vơ, em không hiểu vì sao. Em nhận ra mình không còn thành phố hay quê hương, chỉ có những tờ giấy, những giấy phép cư trú, những tấm thẻ, những hóa đơn tiền nhà, chỉ vậy thôi. Có lẽ chuyện giống như em chưa từng ra đời, như em chưa từng có tuổi thơ hay khu phố, chỉ có những giấc mộng. Có lẽ nó giống như em đã ra đời vào một đêm đen, do tình cờ, căn hộ trên phố Génie, một đêm đông khi tuyết xóa tròn quanh những ngọn đèn đường, cạnh các tòa nhà của nhà máy thuốc lá.

Rồi em bỏ trốn, em đến thành phố này. Em đến đây bởi đó là nơi chân mây cuối trời, bên cuối, thành phố xa khuất giữa trùng khơi. Tất cả những người con gái của Marseille, Lyon,

Gaulincourt, Paris đều nói rằng một ngày kia họ sẽ đến đó, họ sẽ ra bờ biển, họ sẽ có một cuộc đời khác. Em cũng nói thế, nhưng khi bỏ trốn em không nghĩ gì đến điều đó. Em không nghĩ rằng nó sẽ thay đổi cuộc đời em. Theo bản năng, em muốn đi về phía biển, em muốn càng gần với biển càng tốt, như thế em nghĩ rằng con tàu đã đưa em đi từ Tanger đến Marseille sẽ quay trở lại, vẫn chính con tàu ấy, và em có thể thực hiện một chuyến du hành ngược chiều, ngược dòng thời gian đã xa tít tắp và tìm lại những gì em đã đánh mất. Có lẽ em đã tin điều ấy? Có lẽ em đã đáp chuyến tàu hỏa từ Bắc xuống Nam chỉ bởi vì không còn con tàu nào khác?

Tại thành phố này, có cùng những chiếc xe chạy lòng vòng, cùng những cái nhìn khi em đứng đó, giữa hai thanh chắn sọc, với làn gió mơn man trên mặt. Trời lạnh lẽo, và năm chiếc áo chui cổ mà em mặc chồng lên nhau làm ngực em có vẻ đồ sộ, bất thường. Những bàn tay đàn ông thò vào dưới làn áo ấy, trong những chiếc xe đã ngã dựa lưng thấp hẳn xuống. Ngay cả trong phòng trọ khách sạn AAA, em cũng không cởi bỏ những chiếc áo len. Điều làm em sợ, là hơi lạnh, hơi lạnh của gió thổi bên ngoài, nhưng nhất là hơi lạnh tuôn vào phổi và đào xoáy thành hang, gặm nhấm và kéo giật. Chuyện cách đây đã lâu rồi, khi em vừa đến. Một tối nọ gió thổi vù vù trên đại lộ, ở ngã tư phố Réaumur. Trong đêm, gió bắt đầu đột nhập vào em, trong phòng trọ, và em không sao nhắc nổi bước. Em nghe tiếng không khí trong phổi mình, như tiếng cát lạo xạo trên bờ biển. Em nghe tiếng lửa cháy phần phật, tiếng cơn lạnh o o trong thân thể mình. Chuyện đó kéo dài nhiều ngày, và một đêm em đã suýt mất mạng, một mình trong căn phòng. Em cảm thấy sự sống đang bỏ đi. Em đập vào tường, dùng hết sức bình sinh, mà không kêu gào vì em không còn nói hay gào được nữa. Bà hàng xóm cuối cùng cũng đến, và người ta đưa em đến viện, một căn phòng rộng màu trắng. Chính đây là nơi em quyết định ra đi. Trong căn phòng mê mông kê đầy giường ấy, với những người phụ nữ nhợt nhạt ngóng chờ người ta đem hoa và báo đến. Chính Bruno là người đã mang thuốc lại trên một chiếc xe đẩy, chuyển ga và bát đĩa đi. Với anh, em đã nói về chuyện ra đi. Lúc đầu, anh không biết em làm gì. Em không muốn nói cho anh biết, em làm như mình là nhân viên văn phòng ở đâu đó, trong một bệnh viện, ở Salpêtrière, giả dụ vậy. Khi biết ra, anh đã đánh em, nhưng không bỏ đi. Anh đến gặp em ở nhà trọ, hoặc thỉnh thoảng em là người đến nhà anh, vào buổi tối. Và rồi một ngày, em đã cùng anh ra đi, trên cùng chuyến tàu hỏa, đến tận thành phố chân mây này. Như thế tất cả sẽ thay đổi, và em sẽ tìm lại được ký ức về thành phố của mình, đài phun nước, căn nhà nơi mẹ em nấu món cơm cá. Nhưng không hề có thay đổi. Chỉ là, ở đây, khi em về nhà mình, trong tòa nhà mới tinh nằm trên đường ra sân bay, thì có Bruno đợi em. Anh nghe nhạc của hòn đảo của anh, trên một dải băng tần. Anh có một cậu bạn là võ sĩ đấm bốc, đến cùng cô bạn gái mang tên Josèphe. Không ai đánh đập em nữa, không ai lấy tiền trong túi xách của em. Em, em ở gần biển hơn. Em không nhìn nó, vì buổi sáng, không có gì đẹp đẽ, còn buổi tối không có gì ngoài con rắn kim loại, hàng dài những chiếc xe vờn qua trước mặt em.

Đó là mùa đông tự do đầu tiên, có lẽ vậy. Em nghĩ về điều sẽ thay đổi, khi đang kiểm khách trên đại lộ ù ù gió, một nơi chốn, một chỗ náu mình, xa khỏi tiếng ồn ào, xa khỏi những con đường. Không phải thành phố của em, vì nó đã vĩnh viễn biến mất. Một nơi chốn, bình dị thôi, một căn hộ thực sự thuộc về em, nơi em có thể nằm ngủ. Không ai còn nhìn thấy mặt em nữa. Em sẽ không ngóng chờ điều gì nữa, em sẽ không còn cần ai nữa. Bruno, có lẽ? Nhưng đàn ông chỉ là những kẻ qua đường, và em biết rằng anh sẽ ra đi, rằng một ngày kia anh sẽ về nhà mình, phía bên kia đại dương, xứ sở âm nhạc của anh. Dẫu sao, em cũng từng có lúc nghĩ. Em đã mộng tưởng. Nơi ấy, một căn nhà, một khi vườn giọng trẻ con, ánh sáng lấp lánh đầu những

ngọn sóng, mùi hoa quả, những con cá quẫy trong dầu nóng. Sẽ không bao giờ em dám nói điều đó với anh. Khi gã võ sĩ đâm bốc đến và khi họ nói chuyện trong thứ tiếng lạ lẫm của họ, em biết rằng điều đó là bất khả, rằng em sẽ không bao giờ đến nơi đó cùng Bruno. Một hôm, em khóc trong phòng, em đã uống rượu và khóc. Anh đã nhìn em, anh nói: “Em sao thế? Em điên à?” Sẽ không bao giờ em có thể nói rằng em muốn ra đi cùng anh, đến nơi đó. Những người con gái đứng đường không có tương lai. Điều đó em không thực sự biết. Con tàu lớn đã trở lui, mang theo nó tất cả, quảng trường thành phố của em với lũ trẻ vừa chạy nhảy vừa hò hét, những mùi hương, những điệu nhạc, tất cả những người có cái nhìn trong sáng, con tàu ấy không chỉ tước mất sự chào đời và quá khứ của em, Kalima. Nó lấy đi cả tương lai của em.

Trên cái đại lộ khủng khiếp vù vù cơn gió đông lạnh buốt ấy, những chiếc xe đến rồi đi. Không còn ý niệm thực về giờ. Một giờ là gì, khi người ta vì tiền mà làm tình với một người đàn ông mình không yêu? Một buổi tối, một gã đàn ông trong số đó đã mang theo định mệnh của em. Có lẽ hắn đã đi bộ tới. Hoặc có lẽ hắn đã xuống xe, trong khi một tên khác đợi hắn. Hắn đi bộ về phía em, không vội vã. Em không nhìn thấy mặt hắn do lóa mắt vì ánh đèn phía sau hắn. Một gã đàn ông. Hắn đi về phía em, như thể hắn muốn đưa em đi, như thể hắn là một khách hàng. Chắc hắn em đã nói với hắn, hoặc cũng có thể em quay về phía hắn, với phần thân trên phồng căng nổi lên giữa những chiếc xe đang đậu. Hắn đã đâm em một phát, xuyên từ dưới lên trên, một cú dữ dội, và vì lớp len dày của năm lần áo, con dao không đâm sâu được vào ngực em, và em đã kêu lên. Những chiếc xe tiếp tục chạy phía sau em, con rắn kim loại long thong đuôi mù và không trần trở. Lần nữa, và lần nữa, gã đàn ông đâm em, mạnh đến nỗi người em gập làm đôi, và lần thứ ba con dao đã xuyên qua năm chiếc áo len cắm vào tim em. Sau đó, cảnh sát đến, và chiếc xe cứu thương chở em tới bệnh viện nhưng em không còn sống nữa, em đã rời khỏi thân thể mình và phần trên có năm chiếc áo len vô dụng thấm đẫm máu em. Giờ đây, thành phố này, những con lộ này, và cả cõi đời này không còn cần đến em nữa, ô Kalima. Em đã rời xa, em đã để lại thế giới này trong trật tự của nó, trong guồng máy của nó, thế giới này nơi các quảng trường sẽ tiếp tục huyền ảo, với những đài nước và những người con gái, và những tiếng gà trống gù gù và tiếng chó sủa hùng hăng, và bụi bặm miên mãi bay lên và rơi xuống, dâng lên và đậu xuống. Nhưng em, em không còn ở đó nữa.

GIÓ PHƯƠNG NAM

Tôi không còn nhớ rõ ngày tôi gặp Maramu lần đầu tiên. Tôi vừa bước ra khỏi tuổi thơ, còn cô, cô đã là một phụ nữ. Cô tên là Jehanne, nhưng người ta gọi cô bằng cái tên maohi(21) của cô, Maramu, Gió Phương Nam. Hồi đó cha và tôi sống trong căn nhà bên bờ biển, ở Punaauia. Ông làm bác sĩ tại bệnh viện Mamao. Cha ly thân với mẹ khi tôi lên chũng sáu hay bảy tuổi. Kỷ niệm tôi còn lưu giữ là tiếng cười, là giọng nói khẽ ngân nga của bà. Chính vì bà mà cha tôi đã đến đây lập cư, thế rồi bà bỏ ông để đi theo một người Mỹ đến Los Angeles. Cha bảo mẹ bỏ đi là vì cha không còn làm mẹ vui cười nữa. Ông dẹp bỏ tất cả những gì có thể nhắc ông nhớ về mẹ, những bức thư, những tấm hình, kể cả những món đồ mỹ nghệ bà mua. Dẫu vậy, một hôm tôi tìm thấy một bức ảnh cũ, chụp hồi họ mới cưới nhau. Hai người đứng trên boong, một con phà, giữa những người khác. Bên ông, trông bà bé nhỏ và mảnh khảnh, với khuôn mặt Á Đông và mái tóc màu đồng. Tôi đã giữ bức ảnh trong phòng mình, bỏ vào một chiếc hộp bí mật mà tôi dùng để đựng những thứ quan trọng. Rồi cuối cùng tôi quên bằng nó đi.

Maramu là một con người kỳ lạ nhất mà tôi từng biết. Cô có thể bắt chợt vào nhà chúng tôi, như một nữ thần với làn da sẫm, khuôn mặt thơ trẻ, đôi mắt hiền từ và cách xa nhau, và khi cái nhìn của cô trở nên mệt mỏi, con mắt trái lảo đảo khiến cô nhuốm vẻ thần thờ. Đặc biệt nhất là cô có mái tóc đẹp tuyệt trần, bông bênh và đen nhánh, nó trùm lấy người cô và buông ngang hông như một món đồ trang sức hoang dã.

Cô chuyên đời đi chân đất, chỉ mang một chiếc váy quấn thắt lại trên ngực. Cô vào nhà từ lối bãi biển, không gây tiếng động, với vẻ vô tư lự bất cần của những người không có gì trong tay. Một hôm cha nói cho tôi biết cô là hậu duệ của các thần Ta'aroa và Temeharo(22), thuộc số các công chúa đảo Ralatea, những nàng công chúa không có đất phong. Cô đặt cho tôi một cái tên maohi, cô gọi tôi là "Tupa", tôi không còn nhớ tại sao, có lẽ tại những vệt cháy nắng của tôi, hoặc tại tôi đi loạng choạng như những con cua đất. Cô ôm hôn tôi. Cô đến gặp cha tôi để ông đưa thuốc cho con trai cô. Tôi ngỡ ngàng khi nghĩ rằng cô đã trải qua biết bao kinh nghiệm, chúng tôi xấp xỉ tuổi nhau, thế mà cô đã trải nghiệm tất cả những thứ ấy, tình yêu, sinh nở, cuộc đời. Tôi chưa bao giờ gặp con trai cô. Nó là con một tay người Mỹ tên là Sumner, và được cha mẹ Maramu ở Raiatea chăm nom. Nó tên Johnny. Hình như bây giờ nó đang làm việc trong một khách sạn, ở Hawaii. Thời gian đã trôi qua.

Tôi còn nhớ, cô vào nhà, lấy thuốc cho con trai như lấy những chiếc kẹo, không để ý nghe xem cha tôi nói gì. Tôi phải lòng cô, phải lòng đôi mắt cô, mái tóc cô, dáng đi lạng lẽ của cô, đôi chân chai cứng bước bằng chẵn chẵn trên nền xi măng. Cô trò chuyện cùng tôi, cô xưng hô thân mật với mọi người, những quy ước của người Pháp làm cô chán ngán. Tôi còn nhớ cái cách cô ngồi xếp bằng tròn dưới đất, bàn chân trái tì lên đùi. Cha tôi bảo đó là cách ngồi của người Khmer và Maya cổ. Một tay đặt trên đùi, lòng bàn tay kia mở ra hướng lên trời, để kể những câu chuyện.

Cô kể tôi nghe về những điều phi thường mà cô đọc được trong sách, có lẽ thế, hoặc do cô tự nghĩ ra, về tổ tiên mình, những con cá biển, hoặc về những cây đại thụ mọc dưới chân núi lửa, có bộ rễ là những xúc giác, rung rinh vì tất cả những thứ được nói ra ở đời.

Buổi sáng, khi tôi không đến trường trung học, cô đưa tôi ra bãi đá ngầm. Chúng tôi thông dong thả bộ, giống như đang dò tìm điều gì, trên một tấm thảm mượt mà sống động, và ngọn sóng dập dờn vồn dấy chúng tôi, tung bọt vào mắt chúng tôi. Rồi chúng tôi trở về căn nhà mát

rượu. Cha tôi đã mang hoa quả về. Tôi còn nhớ rõ là Maramu cất lời hát, nhớ về ánh chiều ấm áp, có cảm giác rằng tất cả những thứ đó sẽ mãi mãi bất diệt.

Khi mặt trời xuống thấp, Maramu ra tắm ở hồ nước mặn. Cô ngồi xuống trong nước, bất động. Cách cha tôi bơi làm cô bật cười. Cô biết lặn, từ từ chĩa thẳng lên trời hai bên gan bàn chân sáng trắng. Sau đó, cô về nhà, thẹn thùng tráng người bằng nước vôi, không cởi bỏ chiếc váy quần. Cô có bắp chân, tấm lưng dày, bộ ngực nhỏ xíu nhẹ nhõm. Người cô óng ánh dầu. Cô lắc lắc mái tóc dày, làm bắn ra một chùm tia nước.

Với Maramu, mọi thứ thật đơn giản. Chẳng có gì làm tôi bất ngờ. Tôi nghĩ mình đã biết ngay cô là người tình của cha tôi. Thỉnh thoảng cô qua đêm ở nhà chúng tôi, cô ngủ dưới đất trong phòng lớn, cô bảo nằm trên giường cô thấy nóng lắm. Cha tôi tên là André, nhưng cô gọi ông là Bob, tôi không rõ vì sao, có lẽ vì cái mũi nhỏ ông đội khi đi câu vào các dịp cuối tuần. Cô không bao giờ nói về ông, ông cũng gần như chẳng biết gì về cô. Cô là một con chim di trú.

Và rồi một ngày, mọi chuyện thay đổi. Cô thôi không đến nhà chúng tôi nữa, và ngày lại ngày tôi ngóng đợi cô. Tôi rình chờ tiếng chân trần của cô nhẹ bước trên nền xi măng, tôi ngỡ nhìn thấy bóng dáng cô phía xa xa, đứng trên gờ vách đá, một ảo ảnh.

Tôi hiểu đã xảy ra chuyện nhưng không rõ là chuyện gì. Cha vắng mặt, câu bản, về nhà muộn. Một hôm, ông nói chuyện với tôi về nước Pháp, ông bảo chúng tôi sẽ trở về, sau kỳ nghỉ tôi sẽ đến học một trường ở Lyon. Ông đã tìm được việc nơi đó, tại một bệnh viện.

Rồi Maramu trở lại. Khi đó là vào cuối kỳ nghỉ, tôi ở nhà một mình. Cô vào mà không gây ra tiếng động, theo thói quen của mình. Cô ngồi xuống ngoài sân thượng để trông ra biển. Cô có vẻ thất thểu, mái tóc rối bời. Chừng như cô say rượu. Cô mặc một chiếc váy xanh ngăn ngắt. Cô đã tô son môi, miệng cô trông rộng hoác, một vết thương.

Cô rủ rỉ với tôi cứ như chúng tôi vừa mới từ biệt hồi sáng. Cô siết chặt tay tôi, ngả đầu vào vai tôi. Tôi ngửi thấy mùi dầu dừa trên da cô, một thứ mùi của mặt trời sẫm vào bóng tối đang lan tới. Có những đám mây là lạ trên đường chân trời, phía đảo Moorea.

“Tupa, vì sao biển làm chị muốn khóc?”

Tôi rủ cô ra tắm biển. Tôi sợ cô nói với mình một điều khủng khiếp, rằng chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại. Maramu đi bộ với tôi trên cát. Cô hút thuốc. Hoàng hôn làm biển tắt lịm, có những chú chim ủ rũ. Cô bảo:

“Đi nào, mình đi đập phá đi.”

Tôi viết lời nhắn cho cha, để nó lại trên bàn ăn. Tôi đi ra không khép cửa.

Trên đường, một chiếc xe đang đợi. Lái xe là một người Hoa, ông Wong, một ông “lai” ngồi hàng ghế sau cùng một cây đàn ghi ta nhỏ. Ông ta quen Maramu. Tôi nghe thấy cô gọi ông là Tomy. Cô ngồi xuống cạnh ông. Đó là một người da nâu sậm, gầy gò, có đôi bàn tay thanh mảnh. Ông mặc một chiếc quần màu lông chuột sẫm, một sơ mi kẻ caro cổ cồn là cứng. Tôi không hiểu ông là ai, mà cũng không biết Maramu muốn tôi cùng đi làm gì.

Tomy khẽ gảy ghi ta, nhạc jazz, một bản của Billie Holiday. Trời nóng bức, chiếc xe bon nhanh. Maramu cất tiếng hát hòa cùng Tomy, rồi chuyển sang những bài hát maohi, những bài hát của người Ute. Giọng cô không còn khàn khàn nữa, mà mảnh như một làn khói. Tôi ngưng vì không biết hát, và có cảm tưởng mọi nỗi sợ và đau đớn đều tan biến trong làn âm

thanh du dương ấy. Maramu kéo quai váy tuột xuống hai cánh tay, khuôn mặt nghiêng đi, mái tóc dày che kín nửa người. Tomy nhìn cô.

Đêm đã xuống, chúng tôi vẫn lăn bánh, chúng tôi đi xuyên qua những khu dân cư. Ánh đèn pha loang loáng trong đêm. Chúng tôi đi trên một con đường đê, biển là một khoảng không đen thẫm mênh mông bên tay trái. Về phía mũi Venus, cuối con đường gồ ghề, đỗ đầy xe ô tô, có một quán bar. Đó là một nhà kho lợp mái tôn, được chiếu sáng bằng những ống đèn nê ông dài. Một dàn nhạc đang chơi âm ỉ một điệu nhạc êm dịu, bài *All Kinds of Everything* của Dana. Tôi vẫn nhớ vì đó là một bài hát mà tôi yêu thích. Trời oi nồng. Chúng tôi ngồi xuống bên một cái bàn, gọi bia Hinano, và Maramu kêu một chai vang đỏ.

Có rất nhiều tiếng ồn, đầu óc tôi quay cuồng. Có những con người kỳ dị, lính lê dương, những cô gái ăn mặc sặc sỡ. Đó là lần đầu tiên tôi đến một nơi như thế. Tôi nhảy với Maramu. Chúng tôi va vào những đôi nhảy khác, vào những chiếc ghế. Maramu tập cho tôi, đó là một điệu valse, điệu pa-xô-đốp, một điệu vũ xa xưa. Cô cười, mái tóc cô lơ lả quanh người cô. Tôi ngửi thấy mùi mồ hôi của cô, cảm nhận đường cong của eo cô nơi ngón tay. Ngồi bên bàn, Tomy tiếp tục uống, khuôn mặt bình thản. Đôi mắt ông trũng xuống vì mệt mỏi, làm ông như thể mang mặt nạ thần chết. Maramu cũng có vẻ bơ phờ. Cô ngồi xuống bên cạnh, tay chống lên bàn. Tôi thấy cô có hai nếp nhăn hai bên khóe miệng, và một dấu hình sao giữa hai lông mày. Người lái xe đã ra khỏi quán bar. Ông bị ngộp, ông thấy nhàm.

Rồi một trận ẩu đả xảy ra, ngay cạnh bàn chúng tôi, nguyên nhân là một anh lính say bí tỉ. Maramu sợ cuống lên. Cô khẩn khoản xin Tomy ra khỏi đó. Cô đi chân đất trên đường, chiếc váy xanh lấp lánh trong đêm như ngọn lửa Saint-Elme^[23].

Tôi dừng lại bên một cái hố mà nôn. Maramu dìu tôi ngồi xuống hàng ghế sau, rất mực dịu dàng, bằng những cử chỉ gần như mẫu tử. Cô lướt đôi tay mềm mại trên mặt tôi. Các ngón tay cô thoảng mùi thuốc là.

“Tupa tội nghiệp, em không chịu nổi! Chị thì quen rồi, chị làm thế từ khi còn bé xíu.”

Ông Wong lái xe thông thả, để tôi có thể ngủ được. Chúng tôi dừng lại bên bờ biển, phía xã Pirae, Maramu muốn xuống tắm. Gió mơn man thổi, biển đen thẫm một màu, thật hiền hòa. Hai người đàn ông ngồi lại chỗ cao trên bãi biển. Tomy chơi ghi ta. Tôi nhìn thấy đốm điệu thuốc lập lòe của ông. Tôi trần truồng đi vào lòng biển, khóa bơi mà không nhìn xem mình trôi đi đâu. Không còn thời gian, không còn không gian. Khi tôi ra khỏi nước, Maramu ngồi xuống cạnh bên tôi trên bãi cát.

“Chị định lấy ông ấy à?” tôi hỏi.

Cô bật cười.

“Tomy ư?”

Cô bảo:

“Anh ấy tốt bụng, anh ấy khá giả, anh ấy có một khách sạn ở Hawaii. Ngày mai, chị sẽ già, Tupa ạ. Chị sẽ đến đó, anh ấy sẽ là *tané* của chị, chị không còn ai khác.

“Nếu chị đi, Maramu, có lẽ em sẽ chết mất.”

Tôi nói thế để chọc cho cô cười, nhưng nó không làm cô cười.

“Có khi chị sẽ đi Pháp cũng nên. Bob muốn chị cùng anh ấy đến đó, đến Lyon. Chỗ ấy xa quá, chị mới là người sẽ chết.”

Chúng tôi ngồi lại trên bãi biển, bên mép nước. Maramu lần sờ gan bàn chân phủ đầy những vết chai của mình.

“Em có nghĩ chị đi bộ được bằng giày ở đó không?”

- Chị sẽ đi giày.

- Chị sẽ đi chân đất, họ phải quen thôi.”

Tôi gắng cười, gắng đùa, nhưng bỗng nhiên tôi thấy đau quặn giữa người, phía dạ dày, hơi chéch về bên phải. Tôi chống người lên cùi tay, cảm thấy mình run lên. Maramu nhận ra. “Em lạnh à?” Cô ghì chặt tôi vào người để truyền hơi ấm cho tôi. Không hiểu sao, tôi nghĩ đến mẹ. Tôi muốn cô nói về bà, và cô đã đoán ra. Maramu là như thế, cô biết nhiều thứ. Cô bảo:

“Bà ấy tên là Tania, chị vẫn nhớ, hồi ấy chị lên mười hai tuổi. Bà đẹp lắm, ông gặp bà ở Bali, chị nghe người ta kể thế. Thỉnh thoảng chị nhìn thấy bà trên tàu, cùng cha em và em. Em là một cậu bé xinh xắn, chị nghĩ mình đã phải lòng em. Em có cùng màu tóc với Tania. Khi bà bỏ đi, Bob buồn lắm. Nhưng bà không chịu nổi nữa. Mãi mà người ta vẫn cứ tưởng bà sẽ trở lại, vì Bob chỉ có một mình với em, ở Punaauia. Có thể ông sẽ về Pháp, ở đó, cái thành phố xa xôi ấy, ở Lyon, Tania sẽ trở lại sống cùng bố con em.”

Bầu trời quang đặng, chỉ chút sao. Tôi nhớ về những câu chuyện Maramu đã kể tôi nghe, trên sân thượng của căn nhà, trong lúc ngắm những vì sao, đám mây Magellan lừng danh, và đôi cánh con chim lớn mà người ta gọi là Thập Tự phương Nam. Có tiếng sóng vỗ ì oạp vào bãi đá ngầm. Ngày bùng tỉnh, ông Wong bảo phải đi. Maramu ra nói với Tomy, họ hơi to tiếng, tôi chỉ nghe thấy loáng thoáng giọng người. Tôi không hiểu điều họ nói. Rồi Tomy và ông Wong đi. Tôi nghe tiếng xe xa dần trên đường Mũi Vénus. Maramu trở lại bên tôi. Cô choàng tay qua vai tôi. Tôi ngửi thấy mùi của cô, tỏa ra từ mái tóc phi thường của cô.

Cô hòa làm một với bình minh. Thật tuyệt diệu và khủng khiếp bởi tôi vừa hiểu ra rằng đó là lần cuối cùng. Cô nói rủ rủ, sát cạnh tai tôi, như một lời hát:

“Mọi thứ đều là những vỏ ốc, Tupa à, thế giới là một cái vỏ ốc, bầu trời là một cái vỏ ốc còn rộng hơn nữa. Đàn ông là những cái vỏ ốc, và bụng đàn bà là một cái vỏ ốc đựng tất cả đàn ông.”

Cô cũng nói về những chiếc thuyền độc mộc, những chiếc lá là những ngón tay của cây, và những hòn đá mọc rễ đâm vào lòng đất. Cô nói những điều đó như để truyền lại cho tôi trí thức của mình, bởi hẳn là tôi sẽ không gặp lại cô nữa. Khi ánh bình minh chiếu xuống, tôi nhận ra mình đã thiếp đi. Còn dấu của Maramu trên cát. Tôi tưởng cô đã ra đi cùng những người kia khi tôi đang ngủ, tôi cảm thấy một nỗi kinh hoàng vô tận. Tôi gọi: “Mara-amu!”

Cô đi ra từ sau các bụi cây, chỗ cô ngồi xồm xuống để tiểu tiện. Tôi run cầm cập, tôi bị sốt. Mặt trời ló ra từ dãy núi. Có những đám mây hình cái đe phía chân trời, về hướng đảo Raiatea. Maramu long lánh trong chiếc váy xanh lá cây. Khuôn mặt sẫm màu của cô mịn màng, cái nhìn của cô sâu thẳm thẳm. Chạm rãi, cô chải hất mái tóc ra phía sau và cuốn thành búi, cố định bằng một chiếc lược gitan. Khi đi về phía con đường, tôi trông thấy xe của ông Wong đang đợi. Ở ghế sau, Tomy đang hút thuốc. Dưới ánh ban mai, mọi thứ nhuộm màu lạnh lẽo và nhàn

nhật.

“Em sẽ đi phà về Raiatea.” Maramu dịu dàng nói. Đó là quyết định của cô. Không ai có thể làm cô thay đổi.

Chúng tôi lăn bánh về bến cảng. Tomy không nói gì, ông không gảy đàn nữa. Ông có vẻ bơ phờ, ông cũng vậy, có lẽ ông bị trầm uất. Đến cảng, Maramu đi lấy đồ để tại một khách sạn người Hoa, gần bến phà. Tôi ra khỏi xe và đợi cô dưới bóng cây. Khi trở lại, cô đã thay quần áo. Cô mặc một chiếc quần và áo sơ mi nam, và đi một đôi giày cao gót làm chân cô đau dữ. Cô ôm hôn tôi.

“Tạm biệt. Có thể chúng mình sẽ lại gặp nhau, một ngày gần đây.”

Tôi nói: “Tạm biệt.” Cổ họng tôi thắt lại, tim tôi nhói đau. Ông Wong ngồi lại trong xe, không nhìn ra. Chắc chắn là ông bàng quan trước tất cả những thứ đó, những người đến, những người đi. Nhưng tôi, tôi không nghĩ mình sẽ không bao giờ gặp lại Maramu nữa, sẽ không còn được nghe cái giọng trong trẻo của cô khi cô hát những bài ca của người Ute nữa. Tôi sẽ không còn được hít hà mùi hương trên da cô nữa. Bởi thế hôm ấy ánh ban mai thần thờ.

Tomy xuống xe. Ông lẳng lặng nhìn tôi không nói. Ông xách theo một chiếc vali đen. Cùng nhau, cùng với Maramu, họ đi xa dần, về phía con phà. Tôi lại leo lên xe, và ông Wong đưa tôi về Punaauia. Ông không muốn nhận tiền tôi trả. Tôi nghĩ chính Tomy đã yêu cầu ông thế. Khi tôi về nhà, cha không nói, không căn vặn gì tôi. Chúng tôi không bao giờ nói về cái đêm tôi ở ngoài ấy. Ông không bao giờ nhắc đến tên Maramu nữa.

Sau đó, chúng tôi quay về Pháp, về thành phố Lyon, nơi những ngày đông dài quá một mùa, nơi người ta không bao giờ nghe tiếng biển, nơi gió Nam không thổi đến nơi. Tania trở lại sống cùng cha tôi. Tôi nghĩ đó là điều Maramu hằng mong mỏi. Tôi không biết gì nhiều về Maramu nữa. Tôi nghe nói cô đã lấy Tomy và đi vòng quanh thế giới. Thời gian trôi đi. Bạn nói bao điều, bạn sầu muộn và bạn nghĩ mình đến chết đi được vì chúng, rồi một vài năm sau, đó chỉ còn là một kỷ niệm.

KHO BẤU

Đó là thời khi ngựa quá già không được việc gì nữa người ta không chọc tiết chúng mà thả về núi, để chúng đi gặp cái chết trong cơn say cuồng tự do. Đó là điều cha cậu kể. Samaweyn còn nhớ giọng cha khi ông nói về thời xa xưa, khi các linh hồn còn ở với người trong thung lũng Pétra⁽²⁴⁾, gần các dòng suối, còn sai khiến các ngọn gió và các cơn giông, và còn lưu giữ bí mật của các năm mờ.

Khi ấy năm gia đình người Bédouin⁽²⁵⁾ có một thỏa hiệp với các linh hồn, và các linh hồn đã mang họ đến sống trong thành phố của mình, ở trung tâm thung lũng. Trẻ con chăn thả súc vật trên sườn núi, đàn ông gặt lúa mì mọc tự nhiên trên đồng bằng, trước thành Al-Bayda. Các dòng suối tự do tuôn chảy, phụ nữ đến múc một thứ nước ngọt lành và bất tận. Những phụ nữ lớn tuổi nhóm lửa trong những năm mờ khoét vào vách núi, và cả thung lũng, khi đêm xuống, phủ đầy khói những người con của dân tộc.

Cha Samaweyn cũng nói cả những điều cấm đoán, vì thời ấy không ai được lòng tìm bí mật của quá khứ. Không ai được để người lạ lại gần Kho báu, vì các linh hồn rất ghen tị và nóng nảy. Nếu bất hạnh đưa đẩy một người lạ vào thành và tìm cách chiếm lấy của cải của họ, các linh hồn sẽ báo thù và dân tộc Bédouin sẽ vĩnh viễn bị xua đuổi khỏi Pétra.

Cha Samaweyn bảo vậy, và mọi chuyện đã kết cục như ông nói. Bây giờ Samaweyn chỉ còn lại một mình trên đời, vì cha cậu đã đi về phía bên kia biển, để không trở lại. Năm gia đình Bédouin bị xua đuổi khỏi thành phố của các linh hồn, và chính phủ xây cho họ một ngôi làng có những căn nhà bằng xi măng, y hệt nhau. Thế là lũ trẻ vật vờ trên những phế tích, chúng rê tay đọc những bức họa mà các thần linh để lại trên đá, trên những mảnh vỡ, chúng ngắm nhìn điệu vũ vô hình vén lên những đám mây bụi trong sân các cung điện đã chết.

Samaweyn mở cái va li đen. Đó là cái va li mà cha cậu mang về từ phía bên kia biển. Một cái va li đẹp được nẹp sắt chắc chắn, có một cái khóa gồm bốn vòng quay nhỏ đánh số, nó chỉ ban lệnh mở để đổi lấy một bí mật. Samaweyn là người duy nhất biết bí mật ấy. Những người khác trong nhà, cậu ruột của cậu, các em họ cậu, đều không biết đến nó. Họ cũng không rõ va li đựng gì. Những món trang sức, vàng, tiền, có lẽ? Đó là điều họ tưởng. Và Samaweyn hài lòng vì họ có thể tin như thế. Khi muốn mở va li, cậu ra khỏi nhà và đi ra ngoài thảo nguyên, càng xa càng tốt. Cậu đến tận mỏm đất từ đó có thể trông rõ toàn bộ thung lũng hóa vôi của các linh hồn. Đó là nơi cậu vẫn đến cùng cha, cách đây xa lắc xa lơ, để nghe tiếng các linh hồn nói. Cậu còn nhớ âm thanh giọng cha, nhớ đôi tay ông đặt lên vai mình. Tất cả đã tan biến, ngôn từ và hơi thở, sức mạnh bàn tay cha và màu mắt ông. Còn lại chỉ là quang cảnh hóa vôi, và cái va li một hôm về từ phía bên kia biển. Chính bởi lẽ ấy mà Samaweyn có thói quen đến đây, để hồi tưởng.

Các em họ cậu ngó nghiêng, rình chờ bên bức tường gạch nén bao quanh ngôi làng Bédouin. Chúng không biết gì. Chúng mịt mù về kho báu. Vậy là, vì ganh tị, chúng ném đá, chúng rít lên như đại bàng. Nhưng chúng không dám lại gần Samaweyn. Chúng biết rằng cũng giống như bí mật của các thần linh, kẻ nào xâm phạm nó sẽ bị nhốt trong một cái vòng tròn vô hình làm hấn phát điên cho đến khi giày xéo cái bóng của chính mình.

Samaweyn xoay những vòng quay nhỏ xíu, chúng giải phóng ổ khóa, cậu thông thả mở nắp va li. Cậu vẫn luôn mở một cách thông thả, vì ngọn gió ranh mãnh có thể ùa đến thổi bay tứ tung những thứ đựng trong va li.

Dưới đáy va li, có những tờ giấy được buộc lại, những tấm ảnh, những bức thư. Kho báu là đấy, không có gì ngoài những tờ giấy và những tấm hình. Nhưng Samaweyn lằng lằng mỗi lần nâng nắp va li lên, mắt cậu lấp lánh và khuôn mặt ngời sáng, và chính vì thế mà những đứa kia tưởng tượng ra vàng ròng hoặc những xấp đô la.

Samaweyn chưa bao giờ mở va li trong nhà cậu mình. Cậu để nó dưới đất, tựa vào giường, chặn một cái gối lên trên, trông như một cái ghế. Một hôm, cậu bắt được Ali đang tìm cách mở va li. Nó vừa xoay xoay mấy cái vòng vừa lần lượt ghi lại các con số. Nó không nghe thấy tiếng Samaweyn đến. Samaweyn nhảy bổ lên cổ nó và hai đứa choảng nhau. Ali khỏe hơn, nó vật ngã Samaweyn và định bóp cổ cậu. Nó siết lấy họng cậu, chỗ yết hầu, và khi Samaweyn bắt đầu ngáp thở thì ông cậu bước vào phòng. Ông đã vớ lấy cây gậy quất lạc đà, nện thẳng Ali con trai mình và cũng choảng luôn cả Samaweyn, nhưng chỉ quất vào chân cậu. Ông sùng lên, chửi rủa chúng, gọi chúng là đồ ăn mày, quân vô dụng. Về sau, Ali không cố mở cái va li màu đen thêm lần nào nữa. Nếu nó xin phép, hẳn Samaweyn đã chỉ cho nó cái kho báu gồm những lá thư và những tấm ảnh ố vàng, nhất là trong đó người ta thấy cậu còn đỏ hỏn trong vòng tay của người mà cậu gọi là mẹ, người đàn bà xa lạ tóc vàng đến từ phía bên kia bờ biển và đã mang cha cậu đi theo cùng.

Cậu biết người đàn bà xa lạ không phải là mẹ mình, người mẹ thật đã chết trong khi sinh cậu. Nhưng người đàn bà ấy là người mà cậu chọn, kể từ khi cậu biết có gì trong va li.

Samaweyn ngắm những tấm hình lay động trong gió. Cậu gắng đọc những từ tiếng Anh viết ở mặt sau tấm ảnh. *Love, Sara*. Không ai ngoài cậu biết những từ này. Chúng trĩu nặng, áp chặt lên mí mắt cậu, làm tim cậu đập liên hồi. Bên dưới cậu, là thung lũng hóa vôi hiu quạnh, không còn khói phủ, ngay cả chim chóc cũng đã ngừng lời. Có lẽ cha cậu đã ra đi là vì vậy, đôi khi bí

mật quá nặng không thể mang trên mình.

Vậy là, tôi, John Burckhardt, tôi lại xâm nhập cái huyền hoặc của thời gian. Sau bao nhọc mệt, khát lần, tôi đến gần bức tường thành, đi vào khe Syk (lữ khách gọi nó như thế, trong cuốn nhật ký của mình). Trong ánh nhàn nhạt của buổi hừng đông vừa ló rạng các ngọn núi dường như càng nhuốm vẻ lạ lẫm, chúng có điều gì bất lương, siêu nhiên. Tôi đã khước từ người dẫn đường để một mình dẫn bước vào khu thành người chết. Mọi thứ xung quanh đều vắng lặng. Ngôi làng, những khu lân cận với các khách sạn, ngay cả cái hang nơi ngày xưa người ta cho thuê ngựa cũng thế. Sự sống đã rút khỏi thung lũng này, các cái nhìn đã hướng đi nơi khác. Vậy là tôi quay trở lại cái tháng Tám năm 1812 ấy, khi mọi chuyện bắt đầu, khi lữ khách mà tôi mang tôi cũng đang đi trên lối mòn này, hướng xuống phía bức tường thành cháy sém, nơi khe Syk mở ra.

Cả tôi nữa, tôi cũng đi vào thế giới người chết. Những mỏm đá hơi chồm ra từ bóng tối của màn đêm khoác màu tái tái của tử địa, và một vài mỏm trông giống những hộp sọ có hốc mắt há hoác và bộ hàm móm mém.

Tôi dạn dĩ đi vào một hầm mộ. Mặt đất phủ một lớp bụi mỏng tang, rất khó nhận ra. Tôi biết lữ khách hẳn cũng đã bước vào, trước khi lần theo hẻm vực. Có mùi khai của nước tiểu, và ở lối vào tôi thấy những viên phân dê. Khi lữ khách vào trong hầm mộ, người dẫn đường hẳn chờ bên ngoài, anh ta để con dê già của mình đứng trong đám bụi, còn mình thì ngồi lên một tảng đá. Có lẽ anh ta đã tưởng (đúng như lữ khách xa lạ muốn vậy) rằng người khách vào hầm mộ để giải quyết một nhu cầu tự nhiên. Rồi họ đến trước một cây cầu do các thần linh xây trước lối vào khe núi, trên một độ cao chóng mặt để không người trần nào dám lại gần. Và người dẫn đường dõi theo lữ khách, anh ta đã hiểu rằng người đàn ông kỳ quặc trùm măng tó kín người và đội chiếc khăn xếp lạc điệu muốn đến tận nơi này để đánh cắp kho báu bí mật của người chết.

Anh ta vừa đi vừa kéo sợi dây buộc con dê, và con dê cố trì lại, như thể nó đã hiểu ra điều gì chờ đợi nó phía cuối con đường. Dưới lớp lông vàng nhạt bám bụi, trái tim dê hẳn là đập mạnh, và nhịp thở làm đám xương sườn gầy guộc của nó giãn ra.

Bây giờ, cả tôi nữa, tôi cũng bước về phía điều bí mật. Trong ánh sáng lờ mờ, tôi trông thấy dáng người gầy gò của người dẫn đường. Để đi nhanh hơn, anh ta đã cởi xăng đan, giấu chúng dưới một tảng đá, và vác con dê lên vai. Lữ khách mang theo một túi nước bằng da dê đã đổ đầy nguồn nước kỳ diệu của Wadi Moussa.

Mặt trời lên cao sau lưng tôi, rọi sáng bầu trời và bên trên các vách núi. Bụi dâng cao trên hẻm vực, bay lên rồi lại rơi xuống thành tàn bụi.

Tôi nhớ đến bụi sa mạc, trên đường đi Bagdad. Âm vang chiến tranh đang bít bùng thế giới, còn nơi đây, chỉ có thỉnh lặng. Cơn cuồng nộ của con người đã rút khỏi những ngọn núi và những thung lũng kề cận, như dòng máu của một con vật bị chọc tiết. Lữ khách xa lạ và người dẫn đường của mình bước trên nơi này cách đây đã hơn một trăm năm, vậy mà tôi như vẫn thấy dấu vết của họ, vẫn ngửi thấy mùi của họ.

Tôi bước đi trong lòng thác, cứ sau mỗi cơn giông những dòng nước bạo liệt của nó lại hất lên từ những hòn đá đến những cành cây khô. Từ bước chân tôi, bụi bay lên và quây lấy tôi

trong một lớp mây xám, làm tôi ngộp thở. Tôi buộc khăn mùi soa che mặt, nhú mảy lại. Bụi chui vào quần áo tôi, tất giày tôi. Dưới đáy khe, vẫn còn những mảnh đêm bám vào vách đá. Khe núi hẹp đến nỗi tôi cảm thấy vách đá lạnh toát, nặng màu nội tạng, trượt qua vai. Đó có phải là cảm giác của lữ khách, khi người đi dưới đáy hẻm, khuôn mặt vùi trong lớp khăn xếp? Phía trước người, người dẫn đường tiến nhanh, vấp vào những viên đá lở ra, vai vác con dê bị cột chân. Vậy là, cũng như tôi, hẳn người đã nghĩ đến lối đi xuống trung tâm trái đất, về phía bí mật của nguồn cội mình, cái bụng đỏ của mình, nơi cái chết ngự trị.

Điều đó hẳn phải làm trái tim người se sắt, giống như lúc này đang khiến tim tôi thắt lại, và bụi bóp nghẹt hơi thở người. Khi ấy trời nóng hầm hập, hình như tôi còn nhớ, bên trên họ các ngọn núi rực cháy. Trên hoang mạc ngút ngàn, về phía thành Bassora, bầu trời bình minh rạng rỡ. Và tôi, tôi bước đi trên cùng một mảnh đất, tôi ở dưới cùng một bầu trời, ở đáy khe này, tôi trông thấy cùng một luồng ánh sáng soi rọi qua làn bụi. Đôi chỗ, khe Syk hẹp đến nỗi các vách đá như chạm trên chòm và che khuất bầu trời.

Người dẫn đường mãi miết bước đi, trước lữ khách khá xa. Tôi như nghe thấy rõ mồn một tiếng những bước chân trên sỏi, và tiếng thở khò khè của con dê. Khi trời hửng sáng, tôi phân biệt được trên vách núi những dấu vết, những đường rạch, kẽ nứt chạy tít lên cao, những dấu hiệu mờ nhạt, đã quay về khu địa chất. Tim tôi thắt lại, tôi thở khó nhọc, bởi tôi đã bước chân vào một thế giới khác, thế giới trong đó các thần linh để lại dấu ấn của mình. Thời gian chỉ còn là một khoảng hạn định, và tôi sát gần với lữ khách, tôi đi trong bóng người.

Tôi dừng chân trước một dấu hiệu. Bên trái, kề với bãi bồi của dòng thác, có một đền thờ nhỏ khoét vào vách núi. Nước nơi này hẳn đã cuộn xoáy lên, nhưng chỉ có phần chân đền thờ là đã bị ăn mòn. Bên trong đền, vẫn còn chưa nhìn rõ dưới ánh sáng lơ lờ, nhô ra một hình dạng tròn, trông giống một quả trứng vươn lên khỏi bụi bặm và những cơn lốc đã khô, giữa những kẽ nứt và góc cạnh, trong tất cả cái vẻ bụi bặm và bạo liệt này, sự tròn trịa thật kỳ diệu, thật mềm mại, khiến tôi lặng người đứng nhìn. Nó chính là thứ mà hẳn lữ khách cũng đã nhìn thấy khi lần đầu tiên dẫn bước trong khe Syk. Người dẫn đường hẳn đã đặt con dê xuống đất để lùi lại phía sau, vừa giật giật vạt áo choàng của lữ khách anh ta vừa buông ra những lời phẫn nộ. Đó là hòn đá thần, nó ngó nhìn anh ta như một tấm gương. Rồi họ lại tiếp tục lên đường ở hẻm vực, khuất dần trong những cơn lốc bụi mà bước chân của chính họ làm cuộn lên.

Và tôi, tôi đi về phía bí mật, tôi bước vào trong cùng một đám mây bụi. Tim tôi đập thành thịch, cổ họng tôi khô khốc, bởi tôi không biết mình sẽ nhìn thấy điều gì. Tôi chờ đợi khoảnh khắc này, nó ở trước tôi, vẫn còn khuất lấp, mà dấu vẩy nó thiêu đốt cái nhìn tôi. Ở mỗi khúc quanh của vách đá, ở mỗi chỗ rạn, tôi chờ được nhìn thấy nó. Tôi chỉ như đang trở lại trên con đường ngày xưa tôi đã đi, thuở cách đây xa lắc xa lơ. Tôi đi trong một giấc mộng. Hoặc cũng có thể trong những trang sách đã đọc tại thư viện của ông tôi, ở Zurich, cuốn sách đóng bìa da màu đỏ, nó nói về những nơi chốn huyền diệu này, Damas, Kerak, Shaubak, Maan, Akaba. Những trang sách kể về Eldjy, về Wadi Moussa, về khe Syk, và về tộc người có cái tên kỳ là ấy, bộ tộc Lyathenes. Đó là lịch sử của tôi, được viết trong sâu thẳm nơi tôi, tôi nhận ra nó ở mỗi bước đi. Tôi bối rối đến độ phải dừng bước, ngồi xuống một phiến đá để lấy lại hơi. Lúc này, ánh sáng giăng trên khe Syk, bầu trời rực cháy. Trong hẻm vực, vẫn còn những vệt bóng tối, người ta cảm nhận được nước đang chảy trong lòng đất. Lát nữa thôi sẽ vang lên những bước chân ngựa chạy nước kiệu đầu tiên, tiếng gọi của những hướng dẫn viên tháp tùng khách du

lịch. Chính lúc này, giữa đêm và ngày, nó nhòa đi. Lát nữa thôi những chiếc máy bay sẽ che mờ bầu trời Irak, sẽ thả xuống những tấm thảm bom của mình.

Tôi như thấy mình đã với tới bí mật, bây giờ, tất cả sẽ khác. Tôi sẽ hòa làm một với thời gian của lũ khách đầu tiên, khi thế giới vẫn còn trong trẻ, vẫn còn thư thả xoay quanh vòm đài quan sát trên đỉnh núi Haroun.

Tôi vùng chạy để thoát khỏi nỗi bồn chồn của khoảnh khắc ấy. Trước mặt mình, tôi đoán có lũ khách và người dẫn đường, núp sau những khúc quanh của khe Syk, tôi nghe thấy tiếng bước chân họ, tôi nghe thấy hơi thở họ, tiếng rền rĩ của con dê đang run lên vì lạnh.

Bỗng nhiên, tôi trông thấy nó. Kho báu. Vẻ mảnh mai, nét dịu dàng. Sự mới mẻ. Một ý tưởng, hơn cả một ý tưởng, một giấc mơ. Màu mây. Nó đã hiện ra trước mặt người như thế, vào buổi sáng ngày 22 tháng Tám năm 1812, vào khoảng tám giờ, ở cửa khe Syk, sau bao nhọc nhằn và lần lửa, ngút ngàn và lóng lánh như hoàng hôn giữa những lối đi tối thẫm của núi. Khi ấy, cũng như tôi, người khựng lại, chìm trong cơn lốc của gió bụi, người đặt túi nước xuống đất và ngồi xuống để trông rõ hơn. Người dẫn đường để con dê bị trói trên nền đất, và cũng nhìn nơi an nghỉ của các thần linh. Rồi anh ta quay sang Burckardt, và hỏi người: "Cậu làm gì thế?" Lũ khách, cúi xuống, nắm chặt cuốn vở ghi chép giấu dưới lần áo choàng: "Tôi không đi tiếp được nữa, tôi mệt rồi, chúng ta hãy dừng lại đây một lát." Nhưng cái nhìn sáng rực phản bội lời nói của người. Tim người đập mạnh hơn, mắt người rực cháy, bởi người đã khám phá ra. Kho báu. Một giấc mơ, người nghĩ, một giấc mơ dang dở, vẫn còn run rẩy vì cái rung động của đêm đã tạo ra nó, bên bờ của lãng quên. Nhô lên như một khuôn mặt bằng đá. "Đi thôi! Chúng ta phải khẩn trương lên" người dẫn đường nói. "Hầm mộ Haroun vẫn còn xa, các thần linh ở khắp mọi nơi." Khuôn mặt đen đúa của anh ta căng thẳng, đôi mắt quắc lên như một thứ kim loại. Anh ta đứng giữa nơi ấy, quay lưng lại phía hầm mộ, chiếc áo choàng toi tả phất phơ trong gió. Dưới chân anh ta, trong cát bụi, con dê già bò dậy, vật qua vật lại trên những cái chân bị trói như một con thú bị người ta chọc tiết.

Trong lồng ngực tôi, có những nhịp đập của trái tim tôi. Sự cô độc chết người của chiến tranh. Tôi nghe thấy những giọng nói, tiếng kêu chói lói của bọn trẻ, tiếng gõ búa của công nhân tạc tượng bằng đá, tôi còn ngửi thấy cira mùi bột đá bung ra. Tôi ngửi thấy mùi mồ hôi con người. Tôi ở dưới cùng một tầng trời, tôi hít thở cùng một luồng gió. Những đám mây mãi miết trôi. Nơi ấy, xa hơn một chút, trên đường đi Al-Hajara, cũng những đám mây ấy bay qua, với bóng của chúng dễ dàng trôi về tận hợp lưu của hai con sông, nơi khởi đầu thế giới.

Tôi thở cùng một luồng gió, hít cùng một lớp bụi. Tôi nghe thấy cùng những tiếng chim kêu, những tiếng quạ gào, những tiếng đại bàng gầm rít. Trên những hòn đá, sát đất, có những con ruồi nhện, và những cọng cỏ gầy rung rinh trong gió. Tôi đang ở trong thung lũng của ký ức, ở khe nứt nơi thời gian nấu núp như một chiếc bóng. Tôi giẫm lên chính thân thể mình.

Tôi bước vào một hầm mộ mở ra trên vách núi, phía bên kia thung lũng, đối diện với Kho báu. Tôi leo lên những mỏm đá, ngồi xuống trước lối dẫn vào động. Đó là một phòng rất rộng, khọt sâu vào vách núi. Tường thành màu đỏ, lốm đốm vệt bồ hóng. Có một đường nứt rộng xuất phát từ mỏm vách núi, chạy qua năm một và hướng xuống tâm trái đất. Khi bước vào, tôi trông thấy nó, và tôi rùng mình, như thể đó thực sự là vết rạn sẽ cắt lìa thế giới. Tôi nghĩ đến

tỉnh Ghor, đến Wadi Mujib trải rộng, đến cái vĩa dung nham ấy. Vậy là Burckhardt, người lữ khách, đã vượt qua những bức thành và vực thẳm này, trước khi ngồi xuống đây, bất động, trước Kho báu. Người đã nhìn thấy biển nhựa đường chỗ sương mù dính chặt vào. Người đã vào đây, như vào chính nắm mồ của mình, không thực sự biết người đã thực sự đã đạt tới đích cuộc hành trình của mình. Tôi đi trên dấu người, bây giờ tôi đọc lịch sử của chính tôi trên những vân đá. Tôi trườn vào cùng một cái dốc, tôi bước vào cùng một phòng chờ.

Vậy là người dẫn đường hẳn đã ném ra một cái nhìn vừa nhìn giận dữ vừa sợ sệt về phía thung lũng khi xốc con dê lên vai. “Chúng ta không thể nấn ná ở đây được nữa, bọn cướp sẽ bắt gặp chúng ta mất.” Tôi nghe thấy tiếng rền rĩ của con dê, ngửi thấy mùi nước đá làm bộ lông nó nhor nhóp. Tôi đổ đầy túi nước trên vai mình và đi dưới đáy thung, về phía thành phố của các linh hồn.

Lúc này, mặt trời chót vót trên bầu trời không gợn mây. Khách tham quan bắt đầu đến. Bỗng chốc có khoảng hai chục người, tưởng như một chiếc xa ca vừa từ hư không trời ra với đèn pha sáng choang và những cánh cửa áp khí khóa chặt trút họ xuống trước vũ đài, ở cửa ngõ thành phố.

Họ đi dọc con đường La Mã. Họ đội những chiếc mũ sắc sỡ. Phần lớn là người Ý, cũng có vài người Tây Ban Nha. Chiến tranh ở Irak không làm họ bận lòng. Họ nói rào rào, họ chớp hình.

Dọc con đường, có những người bán các món đồ lật vặt, những người bán cát, những người Bédouin vận đồ đen quỳ trước sạp bày những mảnh thủy tinh nhuộm màu, những mảnh vỡ được cho là của người Nabatene, những chiếc đỉnh gỉ. Có cả những người bán nước soda, những người bán mũ, những người bán kẹo cao su Chiclets các loại. Mặt trời lấp lánh trên đồng phế tích, óng ánh trên tóc bọn trẻ. Một con lạc đà một bướu già vừa phục xuống càu nhàu. Trên những ngọn đồi, bên trên thành phố, tôi thấy bóng những con lạc đà đang rún rày trên những cái cẳng bị xích.

Đến cuối thành phố, lữ khách ngồi xuống trước những bức tường của lâu đài Con gái Pharaon. Người cổ ghi chép và phác họa, tay giấu dưới áo choàng, và người dẫn đường hét lên: “Ta biết tổng người là ai rồi, một tên dị giáo, mục tiêu của người là xâm nhập thành phố của tôi tiên người, nhưng hãy biết rằng chúng ta sẽ không để người mang đi bất kỳ mẫu nào từ những kho báu cất giấu nơi này, vì chúng ở trên đất chúng ta, chúng thuộc về chúng ta.” Anh ta túm lấy con dê, lăm lăm tiếp tục con đường lên đỉnh Haroun.

Tốp khách du lịch vào trong các hầm mộ, leo lên bậc thang các đền thờ. Một tốp học sinh được một thầy giáo cầm một cây gậy dài dẫn đi nhập đoàn với họ. Họ từ Shaubak đến. Vài người mặc áo phông in tên các trường đại học Bắc Mỹ.

Tôi leo lên đồi, phía trên thành phố, tôi đi theo một lối mòn hầu như không nhận ra, cho đến khi gặp đàn lạc đà. Tôi nhìn thấy cột đá cắm sâu vào đất được Burckhardt đặt cho cái tên ngộ nghĩnh là *Hasta virilis Pharaonis*, còn người Ả rập thì gọi đơn giản là Zab Firawn. Nơi đây, tất cả là thỉnh lặng, chỉ có tiếng cọ se se của gió lên các tảng đá. Vách núi phía sau tôi lỗ chỗ những lỗ thủng, những cửa hầm mộ, những hốc, bị ăn mòn và mờ dần vì xói lở. Những hố mất toang hoác. Bên dưới, về hướng Tây Nam, tôi trông thấy Wadi Ath-Thughra, một vết nứt sâu hoắm, không có nước, bị ánh mặt trời thiêu đốt. Đó là nơi lữ khách đã đi qua, cùng người dẫn đường, đến tận chân núi Haroun. Tôi nhìn kỹ đáy thung, như đang nhác thấy bóng hai người

đàn ông, như vẫn đang nghe thấy tiếng con dê mà họ đưa đi hiến tế. Cuối thung, núi Haroun, ẩn nấp trên các ngọn núi khác. Đỉnh vòm màu trắng được mặt trời chiếu sáng.

Bây giờ tôi biết mình sẽ không đi đến tận hầm mộ. Đơn giản tôi chỉ muốn tìm thấy một nơi chốn, dưới chân núi, ngửi thấy dấu hiệu, chỗ mà máu con dê già đã chảy. Vốc một ít đất và xoa lên mặt. Ngào bụi đỏ với nước bọt mình và quệt lên mí mắt. Chính vì điều này mà tôi đã tới đây. Để thấy. Để mất thời gian, và thấy, với đôi mắt của người xa lạ mà tôi mang tên. Nhưng đã muộn quá rồi, hẳn là vậy. Ngày 17 tháng Giêng, khi trời đêm ngập đầy tiếng máy bay ném bom, tất cả đã trở nên câm lặng trong thành phố của các linh hồn, và lũ khách cùng người dẫn đường đã trở thành những bóng ma không thể xâm nhập. Thoáng chốc, lúc rạng đông, tôi ngỡ mình nghe thấy tiếng bước chân họ, giọng nói của họ, tiếng gọi rền rĩ của con dê già mà người dẫn đường vác trên vai. Rồi tất cả biến mất, tất cả lại trở thành thực tại.

Tôi trở xuống thành phố. Mặt trời đã nghiêng bóng. Những đám mây xuất hiện trên các đỉnh núi, về hướng Tây, mộ Haroun đã khát hẳn. Lúc tôi đến chân vách núi, một đứa bé gái xuất hiện trước mặt tôi. Nó đi chân đất, mặc một chiếc áo dài màu đen của người Bédouin và một chiếc quần xanh. Quấn quanh mặt là một tấm voan màu trắng nhờ nhờ. Tôi nhận ra một trong những cô bé đi trên con đường La Mã, phía vũ đài. Nó có một khuôn mặt kỳ lạ, bình thản, mắt màu hổ phách, ánh lên mạnh mẽ. Tôi hiểu ngay là nó bị câm.

Vì tôi đứng bất động, nó tiến lại phía tôi, chìa bàn tay phải đang mở ra. Trong lòng bàn tay nó, có một viên sỏi đỏ rực, màu than lửa. Nó dừng lại trước mặt tôi, rồi đặt viên sỏi vào tay tôi. Mặt nó căng thẳng, nhưng không chút sợ sệt. Nó có một vẻ đẹp gây hoang mang và man dại. Mái tóc dưới tấm mạng rối bù, mặt lem luốc vì bụi, nó có những vết xước trên hai bàn tay.

Tôi chia với nó chỗ đồ ăn mang theo từ khách sạn, bánh mì và một quả cam. Tôi gọt cam như người ta vẫn làm ở Châu Phi, chỉ liếc một lớp mỏng bóng, rồi cắt làm đôi và đưa cho nó một nửa để mút như mút kem. Đứa bé gái bắt chước các cử chỉ của tôi, nó nuốt nước cam rồi nhổ hạt và các mẩu tép. Nó có đôi môi nứt nẻ vì ánh mặt trời, răng nó bị sún.

Ăn xong, nó vẫn ngồi xồm dựa vào vách, dưới bóng một móm đá. Nó tiếp tục nhìn tôi, lấy các ngón tay vạch hình lên lớp bụi. Tôi lôi từ túi ra một cuốn sổ nhỏ mà trên đó dọc đường đi, trong khe Syk, tôi đã vẽ những vân đá trong các hầm mộ. Nó trở cuốn sổ cho tôi và làm điệu bộ như đang viết. Nó nhìn các con chữ, rồi đến lượt mình, bằng bút chì, nó vẽ những ký hiệu, trong một thứ chữ viết lạ thường chỉ thuộc về mình nó, những vòng tròn và những đường vạch. Nó làm thế, rồi chìa cuốn sổ cho tôi. Gương mặt nó bộc lộ một niềm vui thơ trẻ. Trên khuôn mặt rầu rĩ của nó, đôi mắt có vẻ trong suốt. Cái nhìn của nó xuyên thấu vào tôi, khóa lấp bằng sự im lặng.

Tôi muốn biết tên thật của nó. Tôi nói những cái tên, hú họa, trong khi nó đọc trên môi tôi. Tôi nói Ayicha, Meriem, Samira, Alia, Hanné. Nó lúc lắc phần thân trên, lưng quay về phía ánh sáng. Ngọn gió làm cái áo đen của nó phồng lên, tấm voan bay lất phất. Trên khuôn mặt ủ ê của nó, đôi mắt vàng sáng lên một ánh siêu nhiên. Phía dưới, trong thung lũng, bóng những du khách người Ý nhúc nhích từng chút một. Đứa bé gái chỉ nhìn lướt qua họ. Nó vẫn đấy, non nớt, mảnh dẻ, hoang dại, nó chính là người trị vì trên thành phố của các linh hồn. Khi lũ khách và người dẫn đường Lyathene bước vào, mang theo con dê dùng để hiến tế, nó đã nhìn họ từ trên

mũi đất của mình. Có lẽ nó đã đi xuống lòng Wadi Ath-Thughra, phía hầm mộ Rắn, và có lẽ nó đã đi trước họ, với cùng viên đá than hồng trong bàn tay đang mở ra.

Rồi đột nhiên, y như lúc đến, nó biến mất. Tôi thoáng thấy bóng đen của nó vọt đi dọc theo vách đá, hướng về phía Wadi Siyagh. Nó trườn những khe núi, hòa mình vào bóng tối. Chỉ còn lại núi non, tiếng gió, và sườn núi trơ ra, chỗ các con vật bị trói chân đang rậm rịch.

Tôi quay xuống, về thành phố, cùng khách du lịch người Ý. Một người lính Bédouin mặc quân phục Lê dương Ả rập đứng cạnh một con lạc đà cái đang phủ phục. Có cả một chú lạc đà con bị xích. Người lính đứng làm mẫu chụp ảnh cho hai cô người Canada mặc quần soóc và đeo balo. Sau khi họ đi khỏi, tôi mời ông lính già một điếu thuốc, và chúng tôi cùng hút, lặng thinh không nói. Lúc tôi sắp sửa đi, ông bảo tôi bằng tiếng Anh rằng lạc đà có tên là Espana, còn lạc đà con chưa có tên. Chúng thuộc về gia đình ông. Chúng được đánh dấu bằng một dấu hiệu có hình ba khía lá.

Dần dần, những du khách tản ra. Những người bán hàng gấp sạp lại, chất chúng lên những con la. Con lạc đà cái và lạc đà con đi xa dần trong tiếng rê chân oặt ẹo. Gió bắt đầu thổi mạnh trong thung lũng, thành phố của các linh hồn nhuộm màu tím sẫm. Ngay cả viên đá cầm trong tay cũng thấm lại.

Tôi không quay về Wadi Moussa. Tôi cất bước trong lòng Wadi Siyagh, hướng về đầu nguồn. Trong tôi có một sự trống trải, một nỗi bất rút. Tôi mong thấy những vách núi ấy, những mỏm đá gió, những con mắt các ngôi mộ mở ra trong đêm đang tới. Chúng đã hiện ra trước lũ khách phi thời gian như thế. Khi đang bước đi dưới ánh hoàng hôn, dọc theo khe núi cho đến tận chân đỉnh Haroun, người cảm nhận cùng một nỗi bất rút, cùng một sự trống trải. Đi sau người dẫn đường, người vội vã hướng về hiến tế, chờ đợi dòng máu phọt ra từ cổ họng con dê đang hào hển và tuôn chảy xuống mặt đất bụi bặm, nhuộm nó bằng sắc than hồng. Tôi cũng vậy, chính máu đã dẫn dắt tôi, cái vệt nâu trong lòng tay tôi, viên đá mà cô bé cầm đã trao cho tôi như một viên ngọc. Nó đốt cháy tay tôi. Đó là tấm bùa duy nhất của tôi để chống lại tính tiền định của chiến tranh.

Tôi bị thiêu đốt vì cơn khát. Tính từ quả cam chia đôi với cô bé cầm tôi không uống gì, tôi không còn nước bọt trong miệng và môi tôi tứa máu. Hai bên, vách đá cao hun đốt như lò, hả ra hơi nóng tích trữ trong ngày. Trên tay tôi, viên đá đỏ nhức nhối.

Tôi bước đi, không biết để làm gì, không hiểu mình đi đâu. Tôi phải tìm ra đầu nguồn, đó là thứ duy nhất hệ trọng với tôi, thứ duy nhất ám ảnh tôi. Đi qua mỏm đất của thành Habis, Wadi Siyagh tạo thành một góc quanh rộng, đó là chỗ thợ đẽo đá ngày xưa vẫn đến lấy những khối đá về. Ngọn núi như được tạc bằng những cú rìu phạt mạnh mẽ. Dưới chân các công trường đá, có những cánh đồng canh tác, bạt ngàn lúa mì. Dòng suối uốn lượn thành những dải nhỏ giữa những bãi đá cuội và cát. Không một bóng người. Tôi vẫn còn nghe thấy những tiếng kêu của quạ, đầu đỏ, vang lên từ đáy thung, hoặc mãi tít trên cao, tiếng than của những con chim săn mồi. Tôi vừa bước đi vừa dò tìm những dấu vết, những dấu vết mờ mờ trên cát của đôi chân trần. Cô bé hẳn đã qua đây một giờ trước, có lẽ thế. Nó đã ngược suối về tận đầu nguồn. Đó là nơi nó ở. Tôi cảm nhận được trên mình cái nhìn của nó, cái nhìn lạ lẫm và trơn chảy, cái nhìn phẳng lì mà không một ngôn từ hay một lời lăng mạ nào có thể khuấy đảo. Tôi đi một mạch

không nghĩ, tay phải nắm chặt viên đá đỏ.

Cuối cùng, ngay trước nửa đêm, tôi cũng tìm được đầu nguồn. Nó nằm khuất dưới đáy thung lũng, giữa những bụi rậm và những cây con. Tôi đi xuống đáy khe, bám vào rễ cây, bò qua bãi trúc đào. Thỉnh thoảng, tôi khựng lại và nín thở, để nghe rõ hơn. Đâu đó, ngay sát gần, tôi thoảng nghe tiếng nước chảy, âm thanh êm dịu nhất, như một giọng nói, như một lời nói trong ngôn ngữ của cô bé câm. Tôi tiến lên bằng cách trườn trong bùn. Những bụi cây quao vào mắt tôi, cành trúc đào là những cây roi đung đưa. Rồi tôi trông thấy nó, dòng nước xanh sóng sánh muối, dòng nước bí mật thầm lặng rỉ ra từ bụng ngọn núi, chảy giữa những mỏm đá và cành cây con. Một con chuồn chuồn ớt bay là là trên mặt nước.

Nó chính là thứ tôi đến để xem. Nguồn nước thuộc về nó, cô bé câm nghèo khổ lang thang trong đồng tàn tích của các thần linh và phân phát những hòn cuội của mình. Nguồn nước, chính là nó. Nước có màu ý nghĩ của nó, nước nói bằng miệng nó. Tôi sắp bụng trong bùn giữa đàn muối, và cảm nhận được cái nhìn của nó. Nó ở đấy, giấu mình trong các bụi rậm, đây là nơi nó dẫn đàn dê cái của mình đến vào giờ uống nước. Quanh bờ đầm, có những vết móng guốc, những cục phân. Có mùi áo quần nó, mùi hơi thở nó. Tôi rùng mình. Thông thả, tôi trườn đến mép nước, dùng bàn tay khóa đám muối và uống một hơi dài dòng nước mát lạnh, màu lục bảo, nước ủ men đầy sự sống.

Đêm dần buông. Có tiếng gù gù của lũ bồ câu rừng, không xa, tiếng nghiêng răng, tiếng bay loạng quạng của lũ dơi trên nền trời xám.

Tôi lảng lảng, như ngà ngà say vì dòng nước ấy. Tôi lại xuống thung, về phía các bãi cát, chỗ mà dòng Siyagh uốn lượn qua những đám cỏ cao và những cánh đồng lúa mì. Bây giờ, tôi không còn cảm thấy nổi cô đơn nữa. Nơi đây, trong thung lũng Pétra, tôi ở sát gần lối vào, thậm chí là kề bên cánh cửa của một thế giới khác, thế giới mà người lữ hành xa xưa chưa bao giờ bước vào. Ở nơi nào, chiến tranh ngổn ngang con người, những kẻ sát nhân đáng phỉ nhổ và những nạn nhân bị nguyên rủa, còn tại thung lũng này các linh hồn vẫn sống.

Tôi tìm lại được hầm mộ, phía cuối thung lũng, nơi dòng Siyagh chia đôi ngã. Lúc này mưa đang nặng hạt và đúng lúc bước qua ngưỡng cửa vào hầm mộ, tôi ngần ngừ giây lát. Đây là nơi cô bé câm đang sống. Trên vách mộ, tôi thấy bóng nó, tấm áo dài màu đen, mái tóc rối buông xõa trên vai. Đêm tối đã phủ bóng lên đôi môi nó. Tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi nhận ra những tiếng thành thịch của nó trong cơ thể tôi, tứ chi tôi, khoèo tay tôi. Khi bước vào hầm mộ, tôi đặt viên đá đỏ xuống đất, như một món quyên góp. Đó là một nghi lễ rất cổ xưa, mà tôi không bao giờ được bỏ qua. Tôi nằm dài xuống nền đất cứng, tôi tìm chỗ của mình trong một chốc. Lối vào hầm mộ mở vào một nền xám xám vô cùng êm dịu. Có mùi khói, mùi than hồng xa xăm, của thời người chết và kẻ sống còn biết ngủ cùng nhau.

Cô bé câm ngồi cạnh tôi. Tôi ngửi thấy mùi da nó, mùi quần áo nó. Tôi nghe thấy nhịp thở đều đều của nó. Nó thức và tôi ngủ, tôi chìm vào giấc mơ về thời Chúa chưa có một gương mặt, thời các linh hồn của Người ngự trị trong đá, trong gió, trong các giọt nước mưa, trong mặt trời đang xuống và trong quảng nước dưới mặt trăng.

Con viết cho cô, cô, người sống ở phía bên kia biển, tại xứ sở xa xôi mà từ đó cô không trở lại. Con viết những dòng này, biết rằng chúng sẽ không bao giờ đến được nơi cô. Con viết chúng ra để gửi theo gió, khi gió từ sa mạc thổi về phía mặt trời lặn, vì chỉ có gió vượt được sóng cả trùng khơi. Cô đã đến, và đã đi, cách đây từ lâu lắm, và hôm nay người ta bảo rằng bởi tại chiến tranh, thế giới sẽ không thể trường tồn. Con đúng là người cuối cùng của dòng họ Samaweyn.

Con nhớ về cô như về một giấc mộng, và con nhớ từng khoảnh khắc của giấc mộng ấy. Những lời cô nói bằng ngôn ngữ của cô. Sự trong trẻo của đôi mắt cô, ánh vàng trên mái tóc cô, chiếc váy rộng màu trắng mà cô mặc và làm tất cả mọi người sửng sốt, vì trong làng chúng con phụ nữ vận đồ đen. Trẻ con đi sau cô. Khắp nơi cô đi, bọn chúng đồng hành cùng cô. Khi đó nhìn thấy con, đứng tựa vào vách núi, chỗ của những người cho thuê ngựa. Vì sao cô lại chọn con? Có phải vì cô hiểu ra rằng con mồ côi cả cha lẫn mẹ, rằng của cải duy nhất của con chỉ có chiếc vali này, cùng kho báu của nó gồm những tấm ảnh và những tờ giấy ố vàng? Con bước đi cùng cô trong thành phố của các linh hồn, con tháp tùng cô trong các hầm mộ. Trời lạnh, gió thổi bay cát trong khe Syk, những bụi cây bị nhổ bật lên xoay tròn trên con đường La Mã thênh thang, trên vũ đài. Con còn nhớ, cô bị bụi bay vào mắt. Cô quấn một chiếc khăn rộng màu trắng quanh đầu và đi ngược chiều gió, không nói một lời, còn con, con đi trước cô một quãng, người nghiêng về một bên như cách các con chó vẫn làm. Mùa đông năm ấy, tuyết rơi thật dày trên những ngọn núi xung quanh, và bầu trời mang màu tuyết, hồng và xám về đằng Đông, còn những dòng suối thì đóng băng. Tất cả lặng như tờ và lạnh cóng. Người ta đến, người này nối tiếp người kia, từ những ngôi làng lân cận, người già, trẻ em, bị cái lạnh xua đuổi, họ lại đến trú ẩn trong các hầm mộ, như ngày xưa. Họ xua các đàn súc vật của mình lên trước, trong khe núi nhỏ hẹp, và cả khu thành người chết dậy lên tiếng súc vật và tiếng hét của những người cưỡi ngựa. Thung lũng âm vang như dưới thời các Pharaon, thời mà thần linh và con người còn sống trong thung lũng này. Bà lão Ayicha, thuộc gia đình của cậu con, đến ngồi trong mộ Rắn, trên đường lên đỉnh Haroun. Hằng ngày, bọn trẻ họp lại trên quảng trường, trước vũ đài hoặc trên con đường La Mã, ngóng chờ một sự kiện mới. Cô, cô đã đến như thế, khi không ai chờ vọng, mặc chiếc váy dài màu trắng, cùng mái tóc vàng óng và đôi mắt vờ vờ.

Cô đã đến, đã đi vào cuộc đời con, và ngay lập tức con đã nghĩ cô là người phải đến, như thể tất cả đã được viết trong cuốn sổ của số phận. “Tên cháu là gì?” cô đã hỏi con. Cô nói ngôn ngữ của chúng con với một âm sắc là lạ. Những đứa trẻ khác, những đứa trẻ mới lớn, xúm lại quanh cô, tất cả nhìn cô bằng đôi mắt u tối của chúng. Và cô, cô đã chọn con, giữa tất cả những đứa trẻ nôn nóng được nhìn cô và chạm vào váy cô.

Con đã đi cùng cô, tất cả những ngày này, qua thành phố của các linh hồn. Con không có gì khác để làm ngoài việc đi bên cô, trước cái bóng cô một chút, từ sáng đến tối. Thỉnh thoảng cô phân vân, cô tìm đường để đi lên tận những ngôi mộ nằm trên sườn núi. Cô có một tấm bản đồ lớn chi chít những ký hiệu và hình vẽ. Thế là con đi trước cô, con chỉ đường cho cô. Ngọn gió lạnh thiêu rít mặt cô, mắt cô rung rung.

Khi cô vào trong các hầm mộ, con đứng lại bên ngoài. Con ngồi lên các bậc thềm và con đợi. Dưới chân thung lũng, gió thổi bụi bay mịt mù, xua đuổi bọn trẻ. Người Bédouin buộc ngựa lại, họ núp vào những góc ngách trong vách núi, sau các mỏm đá. Họ hút thuốc. Con nhìn thấy già Jabri, mặc chiếc áo choàng tơi tả của già, chân trần trong đôi giày vệt gót, già ngồi lại bên con

ngựa của mình, sợ người ta lấy trộm mất nó, như thể đó là một con ngựa thần, mà đó lại là một con ngựa còm cõi què quặt gần như bị mù.

Cô vẽ vào một cuốn sổ có những trang giấy được khâu lại. Cô phác họa những cánh cửa, những bức tường, những chiếc cột, những bức tranh khắc.

Sáng sáng, cô lại muốn đi xem Kho báu. Khi trời đã sáng rõ và chưa có bóng ai, cô vào trong hầm mộ, còn con ngồi lại trên tảng đá đối diện, nhìn di cốt mà mơ mộng rằng cuối cùng nó sẽ mở ra và trút vàng của nó xuống quảng trường đầy bụi.

Sau đó, cô biết con nhiều hơn, cô trao cho con balo của cô. Con chưa bao giờ thấy cái gì tương tự. Nó được làm bằng một loại vải thật mịn màng, trang trí bằng những bông hoa sắc sỡ, và nó tỏa ra một mùi hương cũng rất đối dịu dàng, mùi hương của cô, mà con vẫn mang trong ký ức.

Con không bao giờ dám ngó xem nó đựng gì. Cô đặt cái túi xuống đất, bên cạnh cô, cùng một nụ cười. Con nhìn nó. Khi từ hầm mộ đi ra, cô bị chói mắt vì ánh sáng và gió. Cô lấy từ trong túi của cô cặp kính đen.

Con còn nhớ, một buổi chiều, từ trong mộ Malaki đi ra, cô bị nắng làm lóa mắt và ngã xuống. Cô bị đau đầu gối, và con đã giúp cô đứng dậy. Cô bước đi, vịn vào tay con, con cảm nhận được hơi nóng từ người cô, mùi mái tóc vàng của cô, nó làm tim con đập thình thịch.

Lại cũng một buổi chiều, trên đường lên đỉnh Haroun. Gần mộ Rắn, con còn nhớ như mới ngày hôm qua, kỷ niệm ấy làm niềm vui và nỗi buồn dâng đầy trong con, bởi đó là tất cả những gì con giữ lại được từ cô, làn khói mỏng tang của kỷ niệm. Cô muốn đi đến tận mộ Haroun. Con không dám nói không với cô, ngay cả khi con biết mình không có quyền dẫn cô đến đó, vì cô là một kẻ xa lạ, một người Kitô giáo. Cô và con đi trong thung, trong lòng con thác cạn. Con đi trước, vẫn hơi chếch sang một bên, không nói.

Và đột nhiên, khi chúng ta vừa đi qua ngọn núi mà người ta gọi là mẹ Citernes, có một đám mây đen trên trời và một cơn gió dữ dội trong thung làm cuộn lên những vòi rồng bụi. Cô trùm người bằng tấm khăn trắng, còn con, con quấn chiếc khăn keffieh quanh mặt, nhưng ngọn gió hung tợn đến nỗi chúng ta không tiến lên được. Những mảnh đá bị giạt khỏi núi nẩy trên đường, gây thương tích cho những bàn tay và những khuôn mặt. Đột nhiên, mưa trút xuống, to đến nỗi chúng ta ngộp thở. Nước trút như thác từ tất cả các cạnh núi, làm dòng thác màu máu càng thêm ồ ạt, và tiếng ầm vang trộn lẫn tiếng sấm gầm. Cô kêu tên con: Samaweyn! Con như còn nghe thấy tiếng kêu của cô, và con thót tim vì lo lắng. Con hiểu là cô đang chơi với. Cô sợ. Con nắm tay cô và dắt cô đi đến tận vách núi, phía những mỏm đá lở ra dẫn đến lối vào hầm mộ. Nơi ở của bà lão Ayicha.

Trong động ẩm áp như trong một ngôi nhà. Chúng ta nhìn mưa rơi, nhìn chớp vạch ngoằn ngoèo trên trời, và dòng thác cuốn đất về đáy thung. Cô run lên vì lạnh. Mái tóc ướt của cô dính bết vào mặt, vào vai cô. Cô quàng tay qua người con và siết con thật chặt. Chưa bao giờ con được sống những khoảnh khắc như thế. Chỉ có mình chúng ta trên đời, trong cái động bên bờ thác ấy, trong khi cả trái đất bị nước bị gió cuốn đi. Những tia chớp xoẹt ngang các ngọn núi, đập vào chúng trong một tiếng động kinh người.

Cả ngày chúng ta ngồi trong động, nép sát vào vách. Khi trời tạnh mưa, con nghe thấy giọng bà lão Ayicha rên rỉ trong ngôi mộ kế bên. Con sang nhà già, bảo già pha trà và chuẩn bị

chút đồ ăn. Lúc đầu già không chịu, từ đáy hang già buông ra những lời hăm dọa, như một mụ phù thủy. Rồi cô đến, trong ánh hoàng hôn, sau cơn mưa, cô trắng ngần và đẹp tựa một vị thần buổi ban sơ của thế giới, khi chỉ có các linh hồn ở tại thung lũng này và trên đỉnh dãy Shara, trước cả khi nhà tiên tri Haroun đến đây, khi một dòng sông lớn chảy qua và các bãi chắn thả là vô tận, cha con bảo thế trên mép vách núi, và trước người là cha của người. Bà lão Aiycha đặt ấm lên bếp lửa để pha trà, già lấy từ trong một cái giỏ ra bánh mì và quả chà là cho con và người phụ nữ xa lạ.

Cô ăn, cô uống trà đen. Cô rùng mình vì cơn sốt. Bên ngoài, màn đêm đen kịt, chỉ có ánh chớp lập lòe trên những ngọn núi. Cả con nữa con cũng chia bánh và uống trà bông rẫy. Con không biết mình là ai, con như thấy mình đang sống lại một kỷ niệm rất mực xưa cũ.

Sau đó bà già trải một tấm thảm cạnh đồng lửa, và cô nằm xuống, đầu gối lên một phiến đá. Đêm vô tận. Con nằm xuống ở lối vào hầm mộ, chỗ của con, và con đã canh gác trong khi cô, người lạ, nằm ngủ.

Cả điều ấy nữa, con cũng không quên được. Đó là đêm của con, tạc vào ký ức con, cái đêm bị rạch bởi những làn chớp điên cuồng quần đảo xung quanh hầm mộ, và ngọn lửa bập bùng rọi sáng tà váy cô, khi cô đang ngủ, và bà lão Ayicha ném hàng ôm củi và rễ cây khô vào lửa, đám khói và tiếng tàn lửa lép lép.

Đêm chuyển mình, như thể nó không bao giờ được kết thúc, cô, người lạ say ngủ, cuộn tròn trong tấm thảm, đầu gối lên phiến đá, bà già quỳ bên đồng lửa, khuôn mặt càng ám đen vì khói, còn con ở cửa vào hầm mộ, lưng tựa vào tảng đá lạnh.

Tảng sáng, ngọn lửa tắt lịm và bà già đi ngủ ở đáy hang. Mưa đã tạnh. Mắt con trũng xuống vì mệt mỏi, nhưng con đã thề sẽ không ngủ thiếp đi. Bình minh từ từ rạn ra, các mỏm đá nhô dậy, càng lúc càng đỏ. Dưới lòng thung lũng, dòng thác đêm trước đã ngừng tuôn, chỉ còn lại những vũng nước màu máu đông.

Trước khi ánh ngày thức dậy, con quay lại cùng cái vali đựng kho báu của mình. Cô đã tỉnh giấc. Vì cô, con đã xoay dây số bí mật và đã mở vali, rồi từng cái từng cái một, con đã lấy ra rất cả các bức thư, các tấm ảnh, các tấm bưu thiếp cho thấy đất nước nơi cha con đã qua đời.

Cô đọc to các bức thư, các bức thư được viết bởi người phụ nữ có mái tóc vàng đã bằng con trên tay khi con còn đỏ hỏn, người mà con đã gọi là mẹ. Cô đọc trong tiếng xa lạ và ngân nga mà con không biết, nhưng nó đẹp như một điệu nhạc. Ngày đang bừng tỉnh đốt cháy mí mắt con. Con thiếp đi khi đang lắng nghe những từ ngân nga, đầu tựa lên cánh tay, như khi người ta lắng nghe một câu chuyện kể.

Tất cả những điều đó đã qua rồi. Giờ đây, cậu tôi đã mất. Cậu đã ở trong binh đoàn của thánh Abdullah vĩ đại, khi họ chiến đấu trên vai của đất, vì thành phố thánh. Cậu mất trong ngôi nhà bằng xi măng của cậu, ở ngôi làng Bédouin, mặt quay về phía thành phố của các linh hồn, nơi cậu đã chào đời, nơi cha tôi và cha của cha tôi đã chào đời. Nhưng bản thân các linh hồn thì đã thôi sống ở đó, bị thay thế bởi du khách và những kẻ hiếu kỳ ngày ngày qua đó như một cơn gió bụi. Những người lính chiến bại đã dừng lại bên bờ sông và, từ bên trên vách núi, họ nhìn xuống thành phố thánh cho đến khi mắt họ bùng cháy. Còn lại gì cho con người, khi các

cuộc chiến đã kết thúc? Sự câm lặng, như hôm nay, trên hoang mạc rộng lớn ở phía Nam Bagdad, sự câm lặng bóp nghẹt trái tim những kẻ sống và rạch một đường toang hoác trong tim những phiến đá.

Cả đời mình, tôi sẽ đợi người phụ nữ lạ có mái tóc vàng quay trở lại, người mang theo bức thông điệp của cha tôi, từ đất nước xa thẳm nơi tuyết lóng lánh trên những ngọn núi và những đồng cỏ mệnh mang như biển cả. Đất nước mang những cái tên thần diệu mà cô phát âm cho tôi trong hầm mộ, khi ngày dần hửng: Basel, Berne, Fribourg, Winterthur, Lucerne, Soleure, Sierre, và những dòng sông có những cái tên hiền hòa mà mạnh mẽ. Aar, Rhin, Rhône, có dòng nước không bao giờ ngừng tuôn chảy. Đất nước cha tôi nói đến trong các bức thư của cha, nơi có dư dả mọi thứ, nơi cây cối gục ngã vì quả trĩu nặng, nơi bọn trẻ có đôi mắt xanh ngời. Có thể là chính mẹ tôi sẽ quay trở lại. Về bà tôi chỉ biết đúng cái tên, Sara. Về bà tôi chỉ còn những bức hình này, một bức được bóc ra từ tấm hộ chiếu của bà, trên đó bà còn trẻ măng, với đôi kính sinh viên và nụ cười rất đổi tự tại. Trong bức kia bà ẵm tôi trên tay, hơi ố, trên đường đi Al-Bayda, và phía sau bà người ta trông thấy cái lều rộng bằng len nâu nơi bà sống cùng cha tôi.

Khi tôi choàng tỉnh khỏi giấc mộng này, trong động lạnh cóng. Bà lão Ayicha đang gà gật, co rúm như một xác ướp, già vắn lơ mơ khi tôi lay già.

“Cô ấy đâu rồi? Người lạ đâu rồi? Trả lời cháu đi, bà phù thủy, đừng ngủ nữa mà, bà không thấy khi cô ấy đi khỏi ư?”

Tôi chạy dứt hơi qua thành phố của các linh hồn. Trời mưa đã gột rửa hết, đã quét sạch bong. Bình minh có những đám mây lớn tươi tắn lảng bẳng trên thung lũng. Trên những ngọn núi, về phía Tây, có mảng tuyết đọng.

Lòng tôi tan nát, vì sự câm lặng, vì nỗi quạnh hiu. Tôi không biết tên cô. Tôi hét tên mẹ: Sara! Như thế tiếng hét của tôi có thể băng núi vượt biển, và những không gian hẻo lánh, và đến tận cùng thế giới, nơi cô đang ở, nơi cha tôi được chôn cất. Ngày cha bị cửa đến chết vì lưới cửa dùng để cưa những thân cây đại thụ của núi, bà tôi đã nghe thấy nó theo cách ấy, nghe thấy tiếng kêu mà cha đã bật ra, tiếng kêu khiến bà rợn người, bà, người đã mang nặng đẻ đau ông. Rồi bà ngã xuống và để mình đi vào cõi chết.

Cả ngày tôi bước đi trong thung, hết ngược rồi lại xuôi dòng Syk, lùng tìm những dấu vết vô hình. Trên nền đất, trong hầm mộ của bà lão Ayicha, tôi ngửi thấy mùi cô, chỗ cô đã nằm ngủ, đầu sát vào lửa, bị phó mặc cho sự cuồng nộ của cơn giông.

Giờ đây, tôi biết tôi sẽ không bao giờ gặp người phụ nữ lạ. Tôi sẽ không đi đến tận đầu bên kia thế giới. Tôi phải ở lại đây, phải canh giữ cửa cái của các linh hồn. Cũng tối hôm ấy, tôi trở lại động. Tôi bảo bà lão Ayicha pha trà. Già pha như thể người phụ nữ xa lạ sẽ đến. Già cày bốn chiếc tách lên khay, rót ra thứ nước chan chát. Khi ra đi, để bù đắp cho già, tôi đã để chiếc vali lại, với toàn bộ kho báu của mình. Tôi biết già sẽ vút vào lửa các tấm hình và các bức thư, các tấm bưu thiếp và các tờ chứng chỉ. Việc này sẽ làm vương thêm một chút bồ hóng lên mặt già và các bức vách của hầm mộ. Trong cái vali có khóa vĩnh viễn mở ra, Ayicha sẽ bỏ vào kho báu của già, những mảnh vải vụn, những cái kim, dải thắt lưng và những gói trà đen, có lẽ những

chiếc bánh quy Marie nữa.

Tôi nhẹ nhàng cất bước hướng về phía Bắc, về phía ngôi làng Bédouin. Trên núi người ta không còn bỏ lại những con ngựa sắp chết nữa. Người ta dùng chúng đến giờ phút cuối cùng và khi chúng khuyu xuống trên đường, người ta trao chúng cho đồ tể.

Tôi là người cuối cùng của dòng họ Samaweyn, nhẹ bạc tiền và không kho báu. Hôm nay, tôi rời bỏ sự ngập ngừng của tuổi thơ, tôi bước về phía cái chết của mình trên cùng một con đường, như vốn dĩ con người phải làm thế.

1. Tên người Tây Ban Nha đặt cho người Suar, một bộ tộc sống ở vùng thượng Amazone, nghĩa là *hoang dã, man rợ*.
2. Tiếng Tây Ban Nha trong nguyên bản, nghĩa là: *Hồi sinh, Thiên đường, Giấc mơ*.
3. Nguyên bản dùng tiếng Anh: Red.
4. Cả bài hát đối tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là: "*Này này Matarilerilero!*" "*Cậu muốn gì í a Matarilerilero?*" "*Tôi muốn chút điểm tâm í a Matarilerilero.*" "*Còn cần gì thêm nữa í a Matarilerilero?*" "*Cho chúng tôi thêm một nụ hôn nữa í a Matarilerilero.*" "*Đừng có hòng Matarilerilero!*"
5. Tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là: "già Ines đây." "già đi đâu thế? - Đến cửa hàng General de Gas".
6. Tên một giáo phái dòng Chúa cứu thế, có nguồn gốc từ Jamaica. Âm chỉ văn hóa Châu Phi và dòng nhạc reggae.
7. Mowgli hay Moogli, nhân vật chính trong một loạt tác phẩm của nhà văn Anh Rudyard Kipling (1865-1936).
8. Tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là: Xin cảm tạ.
9. Một thể loại và phong cách âm nhạc có nguồn gốc từ bang Jalisco, Mexico.
10. Tiếng Anh, nghĩa là: Ước gì chị ở đây.
11. Nhân vật chính trong tiểu thuyết *Cuộc đời chìm nổi của Moll Flandes* của nhà văn Anh Daniel Defoe (1660 - 1731).
12. Nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên, *Nadja*, của nhà văn, nhà thơ siêu thực Pháp André Breton (1896 - 1966).
13. Impression d'Afrique, tiểu thuyết phiêu lưu của nhà văn Pháp Raymond Roussel (1877-1933).
14. Tập thơ Poésies của nhà thơ Lautréamont (1846-1870)
15. Nguyên văn: Mademoiselle, dùng để xưng hô với phụ nữ chưa lập gia đình.
16. Tên thường được dùng cho toàn nhà hành chính trung tâm của một thành phố hay thị trấn ở Mỹ.
17. Chắc hẳn Le Clézio muốn nói bố mẹ những đứa trẻ từng vượt sông rio Grande sang Mỹ (BT).
18. Chỉ quảng trường trung tâm ở các thành phố lớn của Mexico.
19. Kẻ ngu ngốc.
20. Ngày quốc lễ.
21. Một tộc người sống trên quần đảo Polynésie.
22. Theo thần thoại Polynésie.
23. Hiện tượng tích và phóng điện trên các vật thể có đầu nhọn (đỉnh cột buồm, đầu cánh máy bay...), thỉnh thoảng xảy ra ở những khu vực có giông bão, được đặt tên theo thánh Elme, thần hộ mệnh của thủy thủ.

24. Nơi có thành phố cổ khoét vào vách núi nổi tiếng của Jordanie, được nhà thám hiểm Thụy Sĩ Johann Ludwig Burckhardt phát hiện năm 1821. Lối dẫn vào đây là khe núi syk dài và hẹp. Công trình đặc sắc nhất ở Pétra là El Khazneh, tức là “Kho báu”. Trong truyện, tác giả cũng sẽ nhắc đến nhiều địa danh thuộc Jordanie hoặc một số nước láng giềng.

25. Một dân tộc du mục Ả rập sống tại các vùng hoang mạc Trung Đông.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>